TRẦN NAM DŨNG (Tổng Chủ biên)
KHÚC THÀNH CHÍNH (Chủ biên)
ĐINH THỊ XUÂN DUNG – NGUYỄN KÍNH ĐỨC – ĐẬU THỊ HUẾ
ĐINH THỊ KIM LAN – HUỲNH THỊ KIM TRANG

Chân trời sáng tạo

TOÁN

5

TẬP MỘT

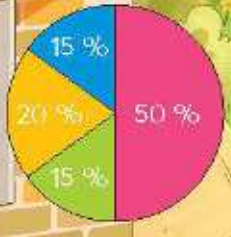

$\frac{1}{10} = 0,1$

$\frac{1}{100} = 0,01$

$\frac{1}{1000} = 0,001$

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

SÁCH GIÁO KHOA ĐƯỢC THẨM ĐỊNH BỞI HỘI ĐỒNG QUỐC GIA
THẨM ĐỊNH SÁCH GIÁO KHOA LỚP 5

(Theo Quyết định số 1963/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TRẦN NAM DŨNG (Tổng Chủ biên)
KHÚC THÀNH CHÍNH (Chủ biên)
ĐINH THỊ XUÂN DUNG – NGUYỄN KÍNH ĐỨC – ĐẬU THỊ HUẾ
ĐINH THỊ KIM LAN – HUỲNH THỊ KIM TRANG

TOÁN

5

Chân trời sáng tạo

TẬP MỘT

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Mỗi bài học thường có các phần sau:

Cùng học tìm tòi, khám phá, dựa vào kiến thức cũ để hình thành kiến thức mới.

Thực hành các kiến thức, kĩ năng ở phần Cùng học.

Luyện tập và vận dụng kiến thức, kĩ năng vừa học.

Một số kí hiệu khác được dùng trong sách:

	Bạn ong vui vẻ gợi ý hoặc làm mẫu.
	Tham gia các hoạt động toán học vui, đơn giản.
	Khám phá những vấn đề mới liên quan đến kiến thức vừa học.
	Thử thách và phát triển năng lực toán học.
	Giới thiệu một số địa danh và giá trị lịch sử – văn hoá của đất nước.
	Các hoạt động tham khảo tạo thêm cơ hội giúp học sinh kết nối kiến thức đã học với thực tiễn cuộc sống.

Các lệnh yêu cầu viết được thực hiện trên bảng con hoặc vở bài tập.

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau!

Chân trời sáng tạo

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Trên tay các em là quyển sách **Toán 5** với nhiều nội dung rất sinh động và thú vị giúp các em tự tìm tòi, khám phá và học tập một cách sáng tạo theo năng lực của mình. Chẳng hạn, các em có thể mô tả được các số liệu ở dạng biểu đồ hình quạt tròn; các em biết đo đạc và tính diện tích phòng học, biết khoảng cách thực tế của hai địa điểm bằng đo đạc trên bản đồ; các em cũng sẽ được làm quen với một loại số mới, đó là số thập phân; ...

Ở trường, các em có cơ hội thực hành cùng bạn bè và thầy cô để khám phá nhiều kiến thức mới mẻ. Ở nhà, các em cùng người thân tìm hiểu về cuộc sống xung quanh để thấy được sự phong phú của Toán học.

Sách **Toán 5** sẽ trở thành người bạn thân thiết đồng hành giúp các em tìm hiểu thêm nhiều kiến thức bổ ích, biết yêu thương mọi người và hiểu thêm về đất nước Việt Nam tươi đẹp.

Chúc các em có một năm học tràn ngập niềm vui.

Các tác giả

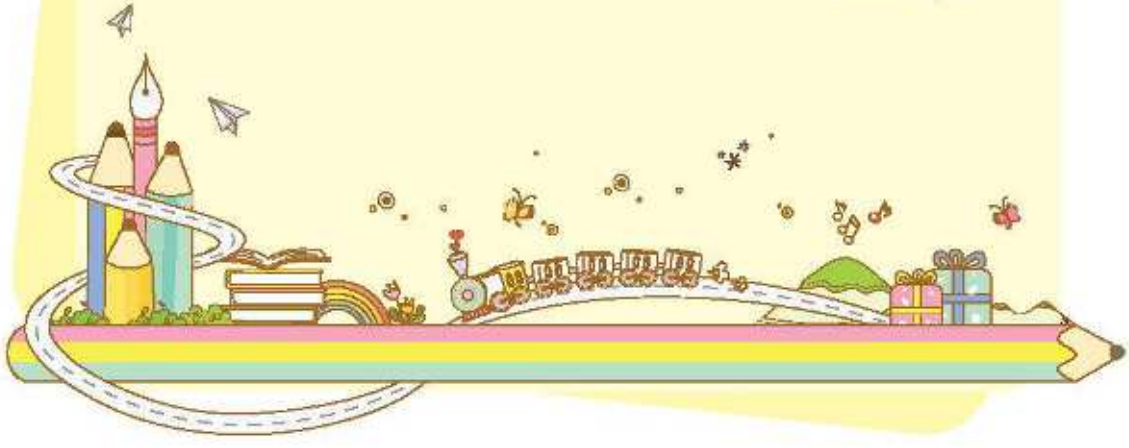

MỤC LỤC

1. ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG 6
Bài 1. Ôn tập số tự nhiên và các phép tính 7
Bài 2. Ôn tập phân số 10
Bài 3. Ôn tập và bổ sung các phép tính với phân số 12
Bài 4. Phân số thập phân 14
Bài 5. Tỉ số 17
Bài 6. Tỉ số của số lần lặp lại một sự kiện so với tổng số lần thực hiện 20
Bài 7. Em làm được những gì? 22
Bài 8. Ôn tập và bổ sung bài toán liên quan đến rút về đơn vị 24
Bài 9. Bài toán giải bằng bốn bước tính 26
Bài 10. Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó 28
Bài 11. Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó 31
Bài 12. Em làm được những gì? 34
Bài 13. Héc-ta 36
Bài 14. Ki-lô-mét vuông 38
Bài 15. Tỉ lệ bản đồ 40
Bài 16. Em làm được những gì? 43
Bài 17. Thực hành và trải nghiệm 46

2. SỐ THẬP PHÂN 47
Bài 18. Số thập phân 48
Bài 19. Hàng của số thập phân. Đọc, viết số thập phân 52
Bài 20. Số thập phân bằng nhau 54
Bài 21. So sánh hai số thập phân 55
Bài 22. Làm tròn số thập phân 57
Bài 23. Em làm được những gì? 60
Bài 24. Viết các số đo độ dài dưới dạng số thập phân 63
Bài 25. Viết các số đo khối lượng dưới dạng số thập phân 64
Bài 26. Viết các số đo diện tích dưới dạng số thập phân 65
Bài 27. Em làm được những gì? 66
Bài 28. Cộng hai số thập phân 68
Bài 29. Trừ hai số thập phân 70
Bài 30. Em làm được những gì? 72

Chân trời sáng tạo

Bài 31. Nhân một số thập phân với một số tự nhiên 73
Bài 32. Nhân hai số thập phân 74
Bài 33. Nhân một số thập phân với 10; 100; 1 000;...
Nhân một số thập phân với 0,1; 0,01; 0,001;... 76
Bài 34. Em làm được những gì? 78
Bài 35. Chia một số thập phân cho một số tự nhiên 79
Bài 36. Chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên
mà thương là một số thập phân 80
Bài 37. Chia một số thập phân cho 10; 100; 1 000;...
Chia một số thập phân cho 0,1; 0,01; 0,001... 81
Bài 38. Em làm được những gì? 82
Bài 39. Chia một số tự nhiên cho một số thập phân 83
Bài 40. Chia một số thập phân cho một số thập phân 84
Bài 41. Em làm được những gì? 85
Bài 42. Thực hành và trải nghiệm 87

3. HÌNH TAM GIÁC, HÌNH THANG, HÌNH TRÒN 88
Bài 43. Hình tam giác 89
Bài 44. Diện tích hình tam giác 91
Bài 45. Hình thang 94
Bài 46. Diện tích hình thang 96
Bài 47. Đường tròn, hình tròn 99
Bài 48. Chu vi hình tròn 101
Bài 49. Diện tích hình tròn 103
Bài 50. Em làm được những gì? 105
Bài 51. Thực hành và trải nghiệm 106

4. ÔN TẬP HỌC KÌ 1 107
Bài 52. Ôn tập số thập phân 108
Bài 53. Ôn tập các phép tính với số thập phân 110
Bài 54. Ôn tập hình học và đo lường 113
Bài 55. Ôn tập một số yếu tố thống kê và xác suất 116

Bảng thuật ngữ 118

Trời sáng tạo

1. ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

Chân trời sáng tạo

Bài 1 ÔN TẬP SỐ TỰ NHIÊN VÀ CÁC PHÉP TÍNH

1 Thực hiện các yêu cầu sau.

a) Đọc các số: 57 308; 460 092; 185 729 600.

b) Viết các số.

- Sáu mươi tám nghìn không trăm linh chín.
- Bảy trăm hai mươi triệu năm trăm nghìn ba trăm mười.

c) Số?

14 030 = .?. + 4 000 + .?.

2 >, <, =

a) 987 .?. 1 082

b) 541 582 .?. 541 285

c) 200 + 500 .?. 200 500

d) 700 000 + 4 000 .?. 704 000

3 Câu nào đúng, câu nào sai?

a) 0; 1; 2; 3; 4; 5; ... là dãy số tự nhiên.

b) 1 là số tự nhiên bé nhất; 999 999 999 là số tự nhiên lớn nhất.

c) Trong số 60 060 060, các chữ số 6 đều có giá trị là 60.

d) Làm tròn số 96 208 984 đến hàng nghìn thì được số 96 209 000.

Đi theo các số có chữ số ở hàng chục nghìn giống nhau để về nhà.

Chân trời sáng tạo

4 Đặt tính rồi tính.

a) 157 496 + 333 333

b) 439 561 – 68 708

c) 23 082 × 34

d) 376 583 : 15

5 Tính giá trị của các biểu thức.

a) 9 520 : 70 × 45

b) 15 702 – (506 + 208 × 63)

6 Tính bằng cách thuận tiện.

a) 58 000 + 200 + 2 000 + 800

b) 17 × (730 + 270)

c) 25 × 9 × 4 × 7

d) 831 × 56 – 831 × 46

7 Chọn số thích hợp thay vào .?.

A .?. + 26 = 468

B .?. × 26 = 468

18 442 494 12 168

C .?. – 26 = 468

D .?. : 26 = 468

8 Lớp 5C nhận về 35 hộp sữa gồm hai loại: sữa có đường và sữa ít đường. Số lượng sữa có đường nhiều hơn sữa ít đường là 11 hộp. Hỏi lớp 5C đã nhận về bao nhiêu hộp sữa mỗi loại?

9 Số?

Du có 120 000 đồng. Du mua 1 hộp bút có giá 30 000 đồng. Số tiền còn lại vừa đủ để Du mua 12 quyển vở cùng loại. Mỗi quyển vở Du mua có giá .?. đồng.

10 Số?

Tính đến ngày 1 tháng 4 năm 2019, tỉnh Nam Định có dân số nam là 872 035 người, dân số nữ là 908 358 người.

a) Tỉnh Nam Định có dân số nữ nhiều hơn dân số nam là .?. người.

b) Dân số của tỉnh Nam Định là .?. người.

Chân trời sáng tạo

Đất nước em

Quan sát biểu đồ dưới đây.

Sản lượng các loại trái cây chủ yếu của tỉnh Hậu Giang thu hoạch trong 9 tháng đầu năm 2022

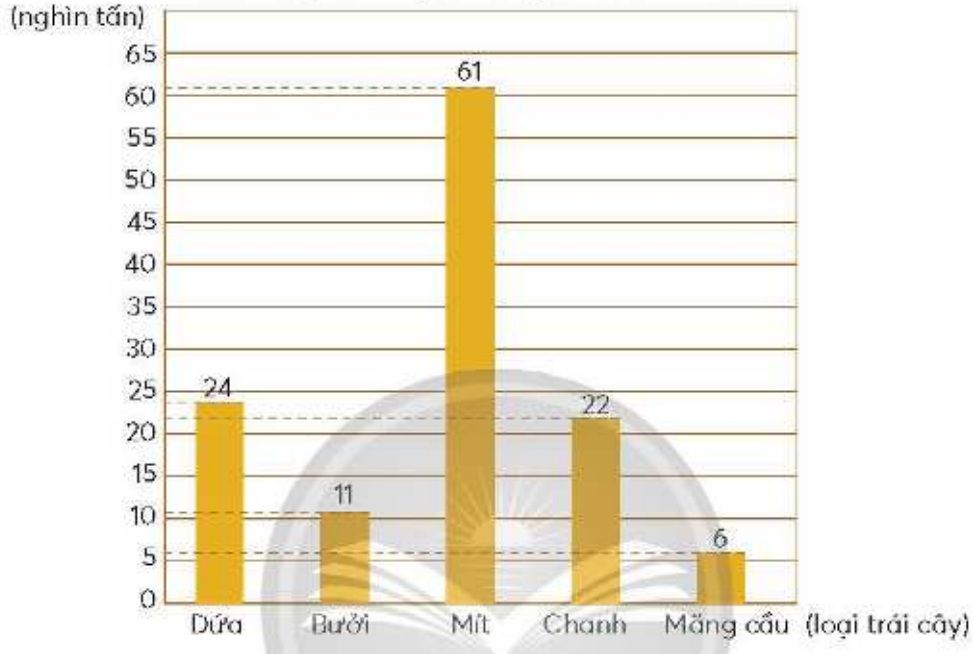

a) Nêu tên các loại trái cây theo sản lượng thu hoạch từ ít đến nhiều.

b) Sản lượng thu hoạch chanh gấp mấy lần bưởi?

c) So sánh sản lượng mít với tổng sản lượng các loại trái cây còn lại.

Khám phá

Để thuận lợi cho việc xuất khẩu, tỉnh Hậu Giang đã đề xuất cấp mã vùng cho sầu riêng của tỉnh (mã vùng giúp người sử dụng biết quả sầu riêng được thu hoạch ở đâu, nơi đó có áp dụng phương pháp canh tác an toàn không).

Nếu có 25 hộ dân được chọn để canh tác 1 triệu mét vuông sầu riêng trên vùng đất được cấp mã vùng thì bình quân mỗi hộ canh tác bao nhiêu mét vuông sầu riêng?

Chân trời sáng tạo

Bài 2 ÔN TẬP PHÂN SỐ

1 Quan sát các hình dưới đây.

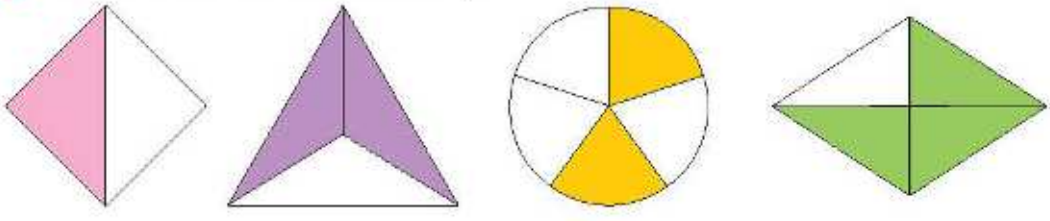

Hình 1 Hình 2 Hình 3 Hình 4

a) Viết và đọc các phân số chỉ phần đã tô màu của mỗi hình.

b) Nêu tử số, mẫu số của mỗi phân số trên. Mẫu số cho biết gì? Tử số cho biết gì?

2 Số?

a) $3 : 5 = \frac{3}{?}$ b) $\frac{2}{3} = \frac{?}{9}$ c) $\frac{18}{24} = \frac{?}{4}$ d) $5 = \frac{5}{?}$

Chân trời sáng tạo

3 Tìm các phân số bằng nhau trong các phân số dưới đây.

$$\frac{15}{60};\ \frac{3}{8};\ \frac{5}{20};\ \frac{15}{40};\ \frac{30}{80}$$

4 Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé.

$$\frac{1}{2};\ 1;\ \frac{5}{12};\ \frac{2}{3}$$

5 Tìm vị trí của bốn phân số $\frac{7}{4}$; $\frac{5}{2}$; $\frac{3}{4}$; $\frac{1}{4}$ trên tia số sau.

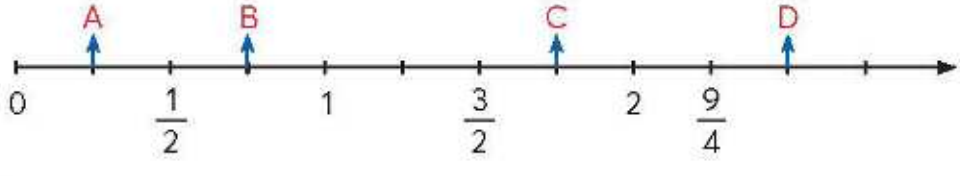

Câu nói của bạn nào đúng?

thử thách

Số?

Có một viên gạch hình vuông, giữa viên gạch có một hình vuông màu trắng được vẽ hoạ tiết (như hình bên).

Diện tích hình vuông màu trắng bằng $\frac{?}{?}$ diện tích của cả viên gạch.

đất nước em

Ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long của nước ta có rất nhiều sân chim lớn. Nếu ở một sân chim, tại một thời điểm trong năm, người ta ước tính có đến hơn 200 000 cá thể chim trên diện tích 12 500 m^2 thì trung bình trên mỗi mét vuông có bao nhiêu con chim?

Em hãy thực hiện theo hướng dẫn sau:

– Viết thương của phép chia 200 000 : 12 500 dưới dạng phân số.

– Rút gọn phân số đó để được thương là số tự nhiên.

Chân trời sáng tạo

Bài 3 ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG CÁC PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ

Ví dụ 1: Quan sát hình vẽ dưới đây.

$\frac{1}{2}$ tờ giấy được tô màu xanh,

$\frac{1}{3}$ tờ giấy được tô màu hồng.

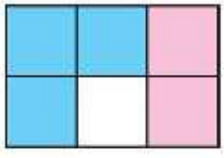

Đã tô màu bao nhiêu phần của tờ giấy?

Phần tô màu xanh nhiều hơn phần tô màu hồng là bao nhiêu phần của tờ giấy?

• Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{1}{2}$ và $\frac{1}{3}$.

Mẫu số chung là: $2 \times 3 = 6$

$\frac{1}{2} = \frac{1 \times 3}{2 \times 3} = \frac{3}{6}$ $\quad\quad$ $\frac{1}{3} = \frac{1 \times 2}{3 \times 2} = \frac{2}{6}$

• Thực hiện phép cộng, phép trừ hai phân số $\frac{1}{2}$ và $\frac{1}{3}$.

$\frac{1}{2} + \frac{1}{3} = \frac{3}{6} + \frac{2}{6} = \frac{.?.}{.?.}$ $\quad\quad$ $\frac{1}{2} - \frac{1}{3} = \frac{.?.}{6} - \frac{.?.}{6} = \frac{.?.}{.?.}$

Đã tô màu .?. phần của tờ giấy.

Phần tô màu xanh nhiều hơn phần tô màu hồng là .?. phần của tờ giấy.

Ví dụ 2:

$\frac{5}{6} + \frac{3}{4} = \frac{20}{24} + \frac{18}{24} = \frac{38}{24} = \frac{19}{12}$ $\quad\quad$ $\frac{5}{6} - \frac{3}{4} = \frac{20}{24} - \frac{18}{24} = \frac{2}{24} = \frac{1}{12}$

1 Tính.

a) $\frac{2}{5} + \frac{3}{5}$ $\quad$ $\frac{2}{12} - \frac{1}{3}$ $\quad$ $5 + \frac{1}{4}$ $\quad$ $1 - \frac{1}{2} + \frac{1}{6}$

b) $\frac{2}{7} + \frac{1}{5}$ $\quad$ $\frac{2}{3} - \frac{5}{8}$ $\quad$ $\frac{7}{8} + \frac{1}{6}$ $\quad$ $1 + \left(\frac{4}{7} - \frac{1}{4}\right)$

Chân trời sáng tạo

2 Tính (theo mẫu).

Mẫu: $\frac{4}{15} \times \frac{5}{6} = \frac{\cancel{4}^{2} \times \cancel{5}^{1}}{\cancel{15}_{3} \times \cancel{6}_{3}} = \frac{2 \times 1}{3 \times 3} = \frac{2}{9}$.

a) $\frac{2}{5} \times \frac{9}{8}$ $\quad \frac{10}{7} \times \frac{21}{20}$ $\quad 6 \times \frac{3}{4}$ $\quad \frac{9}{10} \times \frac{7}{3} \times \frac{5}{14}$

b) $\frac{6}{5} : \frac{9}{20}$ $\quad 8 : \frac{16}{5}$ $\quad \frac{21}{4} : 7$ $\quad 6 \times \frac{1}{12} : \frac{5}{2}$

3 Các biểu thức nào dưới đây có giá trị bằng nhau?

A $\frac{2}{5} \times \frac{4}{9} \times \frac{1}{2} \times \frac{9}{4}$

B $\frac{1}{2} \times \frac{4}{9} + \frac{5}{2} \times \frac{4}{9}$

C $\frac{8}{11} + \frac{16}{25} + \frac{3}{11} + \frac{9}{25}$

M $\left(\frac{1}{2} + \frac{5}{2}\right) \times \frac{4}{9}$

N $\left(\frac{8}{11} + \frac{3}{11}\right) + \left(\frac{16}{25} + \frac{9}{25}\right)$

P $\left(\frac{1}{2} \times \frac{2}{5}\right) \times \left(\frac{4}{9} \times \frac{9}{4}\right)$

4 Trong một buổi sinh hoạt, lớp 5A có $\frac{2}{3}$ số bạn chơi bóng rổ và $\frac{1}{4}$ số bạn tập hát.

a) Hỏi số bạn tham gia hai hoạt động trên bằng bao nhiêu phần số học sinh của lớp 5A?

b) Hỏi số bạn chơi bóng rổ nhiều hơn số bạn tập hát là bao nhiêu phần số học sinh của lớp 5A?

5 Một kệ sách có 150 quyển gồm hai loại: sách giáo khoa và sách tham khảo. Số sách giáo khoa bằng $\frac{1}{3}$ số sách trong kệ. Hỏi kệ sách có bao nhiêu quyển sách tham khảo?

6 Người ta dùng các tấm kính hình vuông cạnh $\frac{1}{4}$ m lắp sát nhau thành một vách ngăn hình chữ nhật có chiều dài 5 m và chiều rộng 4 m. Hỏi cần bao nhiêu tấm kính để lắp vách ngăn đó?

Chân trời sáng tạo

Bài 4 PHÂN SỐ THẬP PHÂN

- **Phân số thập phân**

Các phân số $\frac{3}{10}$; $\frac{41}{100}$; $\frac{17}{1000}$; ... có mẫu số là 10; 100; 1000; ...

gọi là các *phân số thập phân*.

Các phân số thập phân có tử số lớn hơn mẫu số có thể viết dưới dạng hỗn số.

- **Viết phân số thập phân ở dạng *hỗn số***

Ví dụ: Trong hình dưới đây, đã tô màu bao nhiêu phần của tờ giấy?

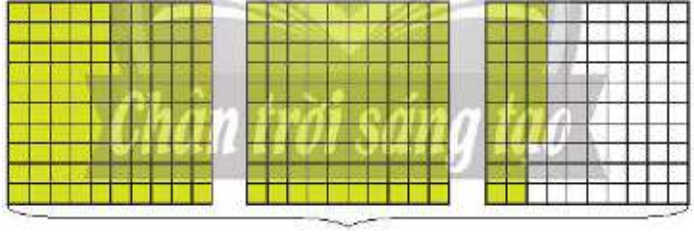

Đã tô màu $\frac{227}{100}$ tờ giấy, tức là 2 tờ giấy và $\frac{27}{100}$ tờ giấy.

Ta viết: $\frac{227}{100} = 2\frac{27}{100}$

$2\frac{27}{100}$ là một *hỗn số*; đọc là *hai và hai mươi bảy phần trăm.*

$2\frac{27}{100}$ có *phần nguyên* là 2, *phần phân số* là $\frac{27}{100}$.

Lưu ý: *Phần phân số của hỗn số bao giờ cũng bé hơn 1.*
Khi đọc (hoặc viết) hỗn số, ta đọc (hoặc viết) phần nguyên rồi đọc (hoặc viết) phần phân số.

Chân trời sáng tạo

1 Đọc các phân số thập phân trong các phân số dưới đây.

$\frac{6}{10}$; $\frac{10}{7}$; $\frac{439}{100}$; $\frac{21}{200}$; $\frac{532}{100\,000}$.

2

a) Viết hỗn số biểu thị phần tô màu ở mỗi hình dưới đây.

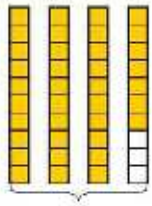

Hình A

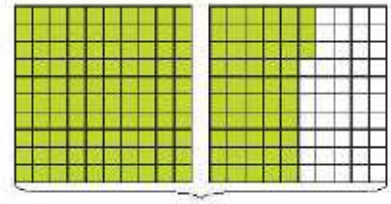

Hình B

b) Đọc rồi nêu phần nguyên, phần phân số của mỗi hỗn số trên.

3 Viết các hỗn số sau.

a) Năm và bảy phần mười.

b) Mười tám và sáu phần nghìn.

1 Viết các phân số sau thành phân số thập phân.

Mẫu: $\frac{21}{25} = \frac{21 \times 4}{25 \times 4} = \frac{84}{100}$

a) $\frac{3}{2}$; $\frac{2}{5}$

b) $\frac{17}{20}$; $\frac{63}{50}$

c) $\frac{33}{500}$; $\frac{147}{250}$

2 Viết các phân số thập phân ở dạng hỗn số.

Mẫu: $\frac{37}{10} = 3\frac{7}{10}$

Cách làm: Chia tử số cho mẫu số: $37 : 10 = 3$ (dư 7)

Thương tìm được là phần nguyên; viết phần nguyên kèm theo một phân số có tử số là số dư, mẫu số là số chia.

a) $\frac{52}{10}$; $\frac{271}{10}$; $\frac{148}{10}$

b) $\frac{176}{100}$; $\frac{3\,005}{100}$; $\frac{2\,057}{1000}$

Chân trời sáng tạo

3 Chọn các phân số thập phân và hỗn số bằng nhau.

A	$\frac{3\,258}{10}$	B	$\frac{3\,258}{100}$	C	$\frac{3\,258}{1\,000}$
T	$3\frac{258}{1\,000}$	U	$325\frac{8}{10}$	V	$32\frac{58}{100}$

4 Viết các số đo dưới dạng hỗn số.

a) Mẫu: 612 dm = $61\frac{2}{10}$ m $612\text{ dm} = \frac{612}{10}\text{ m} = 61\frac{2}{10}\text{ m}$

41 cm = .?. dm 874 cm = .?. m 2 500 m = .?. km

b) Mẫu: 5 m 27 cm = $5\frac{27}{100}$ m $5\text{ m }27\text{ cm} = 5\text{ m } \frac{27}{100}\text{ m} = 5\frac{27}{100}\text{ m}$

2 m 3 dm = .?. m 96 m 5 cm = .?. m 7 km 7 m = .?. km

Chân trời sáng tạo

5 Thay .?. bằng hỗn số có chứa phân số thập phân thích hợp.

a)

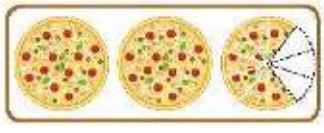

Trong khay có .?. cái bánh.

b)

Trên kệ có .?. *l* nước.

c)

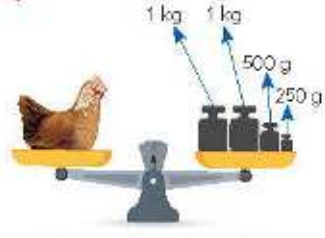

Con gà cân nặng .?. kg.

Bài 5 Tỉ số

Giới thiệu *tỉ số*

Ví dụ 1: Khối lượng gạo nếp và đậu xanh được bà ngoại sử dụng để gói bánh chưng như sau: Cứ sử dụng 5 kg gạo nếp thì dùng 2 kg đậu xanh.

Ta nói:

– *Tỉ số* của khối lượng gạo nếp và khối lượng đậu xanh là 5 : 2 hay $\frac{5}{2}$.

Tỉ số này cho biết khối lượng gạo nếp bằng $\frac{5}{2}$ khối lượng đậu xanh.

– *Tỉ số* của khối lượng đậu xanh và khối lượng gạo nếp là 2 : 5 hay $\frac{2}{5}$.

Tỉ số này cho biết khối lượng đậu xanh bằng $\frac{2}{5}$ khối lượng gạo nếp.

Ví dụ 2:

Số thứ nhất	Số thứ hai	Tỉ số của số thứ nhất và số thứ hai
4	6	4 : 6 hay $\frac{4}{6}$
12	9	.?. hay .?.
a	b (b khác 0)	.?. hay .?.

Chân trời sáng tạo

1 Một hộp bi có 7 viên bi đỏ và 11 viên bi xanh.

a) Tìm tỉ số của số viên bi đỏ và số viên bi xanh.

Tìm tỉ số của số viên bi xanh và số viên bi đỏ.

b) Số?

Số viên bi đỏ bằng $\frac{.?.}{.?.}$ số viên bi xanh.

Số viên bi xanh bằng $\frac{.?.}{.?.}$ số viên bi đỏ.

2 Số?

a) Số xe đạp bằng $\frac{3}{2}$ số xe máy.

Tỉ số của số xe đạp và số xe máy là $\frac{.?.}{.?.}$.

Tỉ số của số xe máy và số xe đạp là $\frac{.?.}{.?.}$.

b) Số cái bàn bằng $\frac{1}{4}$ số cái ghế.

Tỉ số của số cái bàn và số cái ghế là $\frac{.?.}{.?.}$.

Tỉ số này cho biết số cái ghế gấp .?. lần số cái bàn.

3 Viết tỉ số của số đo thứ nhất và số đo thứ hai dưới dạng phân số tối giản.

Số đo thứ nhất	15 kg	20 m	9 m^2	24 phút
Số đo thứ hai	20 kg	36 m	27 m^2	6 phút
Tỉ số	$\frac{3}{4}$	.?.	.?.	.?.

4 Vẽ sơ đồ đoạn thẳng thể hiện tỉ số.

Mẫu: Khối lượng đậu xanh bằng $\frac{2}{5}$ khối lượng gạo nếp.

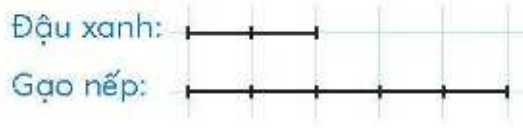

a) Chiều rộng bằng $\frac{1}{4}$ chiều dài.

b) Diện tích trồng hoa bằng $\frac{3}{7}$ diện tích trồng rau.

1 Viết tỉ số của số bạn nam và số bạn nữ dưới dạng phân số tối giản rồi vẽ sơ đồ đoạn thẳng thể hiện tỉ số đó.

a) 20 bạn nam và 16 bạn nữ.

b) 4 bạn nam và 12 bạn nữ.

2 Một kệ sách có hai ngăn, chứa tất cả 84 quyển sách. Số sách ở ngăn trên bằng $\frac{3}{7}$ số sách của cả kệ sách.

a) Tìm số sách ở mỗi ngăn.

b) Tìm tỉ số của số sách ở ngăn trên và số sách ở ngăn dưới.

3 Số?

Khối lượng gạo nếp, đậu xanh và thịt trong mỗi cái bánh chưng lần lượt là: 500 g, 200 g và 300 g.

a) Trong mỗi cái bánh chưng, khối lượng đậu xanh bằng $\frac{?}{?}$ khối lượng gạo nếp và khối lượng thịt bằng $\frac{?}{?}$ khối lượng gạo nếp.

b) Bà ngoại đã sử dụng 10 kg gạo nếp. Bà ngoại cần dùng .?. kg đậu xanh và .?. kg thịt.

Chân trời sáng tạo

Bài 6 TỈ SỐ CỦA SỐ LẦN LẶP LẠI MỘT SỰ KIỆN SO VỚI TỔNG SỐ LẦN THỰC HIỆN

- Mỗi lần ném vòng về phía cây cọc, hai sự kiện có thể xảy ra là: vòng trúng đích hoặc vòng không trúng đích.

Sau khi ném vòng nhiều lần, ta tính được tỉ số của số lần lặp lại của một sự kiện và tổng số lần thực hiện.

- Ví dụ: Ném liên tiếp 10 cái vòng thì có 3 cái trúng đích và 7 cái không trúng đích.

Tỉ số của số vòng trúng đích và tổng số vòng đã ném là $\frac{3}{10}$.

Tỉ số của số vòng không trúng đích và tổng số vòng đã ném là $\frac{7}{10}$.

Chân trời sáng tạo

1 Tỉ số?

Tại một mùa thi đấu, đội bóng A đá 26 trận, trong đó có 15 trận thắng, 8 trận hoà và 3 trận thua.

a) Tỉ số của số trận thắng và tổng số trận đấu là .?.

b) Tỉ số của số trận thua và tổng số trận đấu là .?.

c) Tỉ số của số trận hoà và tổng số trận đấu là .?.

2 Tung một con xúc xắc 12 lần liên tiếp. Hãy thống kê số lần xuất hiện các mặt của xúc xắc rồi viết các tỉ số dưới đây.

Mặt	1 chấm	2 chấm	3 chấm	4 chấm	5 chấm	6 chấm
Số lần	.?.	.?.	.?.	.?.	.?.	.?.

a) Tỉ số của số lần xảy ra sự kiện mặt 1 chấm xuất hiện và tổng số lần tung.

b) Tỉ số của số lần xảy ra sự kiện mặt 3 chấm xuất hiện và tổng số lần tung.

c) Tỉ số của số lần xảy ra sự kiện mặt 6 chấm xuất hiện và tổng số lần tung.

1 Nam chơi oẳn tù tì với Hà 20 lần thì Nam thắng được 12 lần. Viết tỉ số của số lần Nam thắng và tổng số lần chơi.

2 An tung một đồng xu nhiều lần liên tiếp. Dưới đây là bảng kết quả kiểm đếm và ghi chép số lần xuất hiện các mặt của đồng xu.

Mặt	Sấp	Ngửa
Số lần	𝍸 𝍸 𝍸

Bài 7 EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

1 Dưới đây là bảng thống kê số học sinh tiểu học trên cả nước trong bốn năm học (từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2021 – 2022).

Năm học	Số học sinh tiểu học
2018 – 2019	8 506 600
2019 – 2020	8 718 400
2020 – 2021	8 885 000
2021 – 2022	9 212 000

Dựa vào bảng thống kê, thực hiện các yêu cầu sau:

a) Đọc số học sinh tiểu học trên cả nước theo từng năm học.

b) Số học sinh năm học sau tăng hay giảm so với năm học trước?

c) Năm học 2021 – 2022 tăng bao nhiêu học sinh so với năm học 2018 – 2019?

d) Trung bình mỗi năm học có bao nhiêu học sinh tiểu học?

Chân trời sáng tạo

2 Quan sát hai khay bánh dưới đây rồi thực hiện theo yêu cầu.

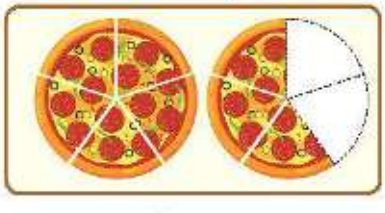

Khay A

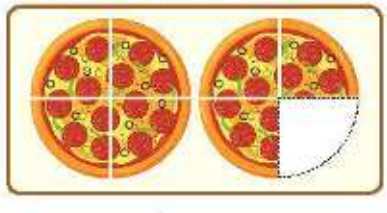

Khay B

a) Phân số?

Khay A có .?. cái bánh; khay B có .?. cái bánh. Cả hai khay có .?. cái bánh.

b) Viết mỗi phân số ở câu a dưới dạng:

– Phân số thập phân.

– Hỗn số có chứa phân số thập phân.

3 Chọn ý trả lời đúng.

Gà mái cân nặng 2 kg, gà trống cân nặng 3 kg. Tỉ số khối lượng của gà mái và gà trống là:

A. 2 : 3 B. 3 : 2 C. $\frac{2\text{ kg}}{3\text{ kg}}$ D. $\frac{3\text{ kg}}{2\text{ kg}}$

4 Câu nào đúng, câu nào sai?

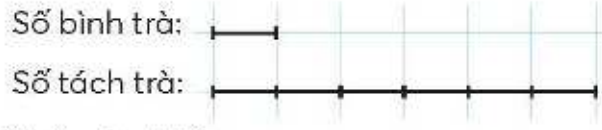

Sơ đồ trên cho biết:

a) Số bình trà bằng $\frac{1}{6}$ số tách trà.

b) Số tách trà gấp 5 lần số bình trà.

5 Một hộp bút có ba loại: bút xanh, bút đỏ và bút đen. Số bút đen bằng $\frac{2}{3}$ số bút xanh và gấp 2 lần số bút đỏ. Biết rằng trong hộp có 6 cái bút xanh. Hỏi hộp bút đó có tất cả bao nhiêu cái bút?

a) Tóm tắt bài toán bằng sơ đồ đoạn thẳng.

b) Giải bài toán.

Chân trời sáng tạo

6 Hoà tung đồng xu 15 lần thì 4 lần xuất hiện mặt ngửa. Viết tỉ số của số lần xuất hiện mặt ngửa và tổng số lần tung đồng xu.

Đúng hay sai?

Một con gà mái cân nặng 3 kg. Một quả trứng của nó cân nặng 45 g. Tỉ số khối lượng của quả trứng và gà mái là $\frac{45}{3} = 15$, nghĩa là quả trứng nặng gấp 15 lần con gà mái.

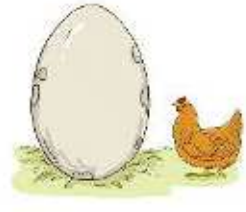

Em cắt một băng giấy dài khoảng 1 gang tay. Không dùng thước đo, tìm cách cắt băng giấy thứ hai dài bằng $\frac{3}{4}$ băng giấy thứ nhất.

Bài 8 ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN RÚT VỀ ĐƠN VỊ

a) **Ví dụ về mối quan hệ phụ thuộc**: Bảng dưới đây thể hiện mối liên quan giữa số chuồng thỏ và số con thỏ trong các chuồng.

Số chuồng thỏ	1	2	3	4
Số con thỏ	2	4	6	8

Số con thỏ phụ thuộc vào số chuồng nuôi thỏ.

Nhận xét:

– *Số con thỏ trong mỗi chuồng là như nhau.*

– *Khi số chuồng gấp lên (hay giảm đi) bao nhiêu lần thì số con thỏ trong các chuồng cũng gấp lên (hay giảm đi) bấy nhiêu lần.*

b) **Bài toán**: 4 chuồng có 8 con thỏ. Hỏi 12 chuồng như thế có bao nhiêu con thỏ? Biết số con thỏ trong các chuồng bằng nhau.

Tóm tắt

4 chuồng: 8 con thỏ.

12 chuồng: ... con thỏ?

Tìm số con thỏ trong 1 chuồng. Tìm số con thỏ trong 12 chuồng.

Số chuồng gấp lên bao nhiêu lần thì số con thỏ cũng gấp lên bấy nhiêu lần.

Cách 1: Rút về đơn vị

Bài giải

Số con thỏ trong 1 chuồng là:

8 : 4 = 2 (con)

Số con thỏ trong 12 chuồng là:

2 × 12 = 24 (con)

Đáp số: 24 con thỏ.

Cách 2: Tìm tỉ số

Bài giải

12 chuồng gấp 4 chuồng số lần là:

12 : 4 = 3 (lần)

Số con thỏ trong 12 chuồng là:

8 × 3 = 24 (con)

Đáp số: 24 con thỏ.

Bản mẫu sách giáo khoa

1 Số?

Cho biết một chiếc máy tự động, cứ 10 phút lại đóng gói được 15 kiện hàng. Hãy hoàn thiện bảng dưới đây.

Thời gian đóng gói (phút)	10	60	.?.
Số kiện hàng được đóng gói	15	.?.	3

a) Khi số phút gấp lên 6 lần thì số kiện hàng gấp lên .?. lần.
Trong 60 phút, chiếc máy đó đóng gói được .?. kiện hàng.

b) Khi số kiện hàng giảm đi 5 lần thì số phút giảm đi .?. lần.
Chiếc máy đóng gói 3 kiện hàng trong .?. phút.

1 Hà mua 4 quyển vở cùng loại hết 48 000 đồng. Hỏi Thọ mua 8 quyển vở như thế hết bao nhiêu tiền?

2 36 chai nước được xếp đều vào 3 hộp. Hỏi 180 chai nước cùng loại thì xếp đều được bao nhiêu hộp như thế?

3 Một ô tô cứ đi 100 km trên một con đường thì tiêu thụ hết 8 *l* xăng.

a) Hỏi ô tô đi 50 km trên con đường đó thì tiêu thụ hết bao nhiêu lít xăng?

b) Nếu mỗi lít xăng có giá 23 960 đồng thì ô tô đi 50 km trên con đường đó hết bao nhiêu tiền xăng?

Dưới đây là hình ảnh các bạn tham quan nhà máy gạo lớn nhất châu Á (tại An Giang). Em hãy giúp các bạn trả lời câu hỏi.

Bài 9 BÀI TOÁN GIẢI BẰNG BỐN BƯỚC TÍNH

Bài toán: Nhà đa năng có diện tích 600 m^2 gồm một sân khấu, một sàn tập, một nhà kho và các lối đi. Sân khấu và sàn tập lần lượt có diện tích bằng $\frac{1}{10}$ và $\frac{3}{4}$ diện tích nhà đa năng. Hỏi diện tích còn lại dành cho nhà kho và các lối đi là bao nhiêu mét vuông?

Thực hiện theo các bước sau:

1. Tìm hiểu và tóm tắt bài toán
2. Tìm cách giải bài toán

   Tham khảo các cách sau:

   – Xuất phát từ những điều bài toán cho biết.

   – Xuất phát từ câu hỏi của bài toán.
3. Giải bài toán
4. Kiểm tra lại

   – Đáp số có phù hợp với câu hỏi của bài toán không?

   – Các số liệu sử dụng trong bài giải có đúng với các số liệu của đề bài không?

   – Các phép tính, quy tắc tính đã phù hợp chưa?

   – Kiểm tra các câu lời giải, các đơn vị đo.

Chân trời sáng tạo

1 Một sân bóng đá dạng hình chữ nhật có chu vi 346 m, chiều dài hơn chiều rộng là 37 m. Tính diện tích sân bóng đá đó.

a) Trả lời các câu hỏi sau:

– Bài toán hỏi gì?

– Muốn tìm diện tích sân bóng đá, ta cần biết gì?

– Để biết chiều dài và chiều rộng, ta sử dụng dạng bài toán nào đã học?

b) Chọn các nội dung (A, B, C, D) phù hợp với mỗi bước tính.

Bước 1	A	Tính diện tích sân bóng đá.
Bước 2	B	Tính chiều rộng sân bóng đá.
Bước 3	C	Tính nửa chu vi sân bóng đá.
Bước 4	D	Tính chiều dài sân bóng đá.

c) Giải bài toán.

1 Nhân và Hiền đi mua vở. Nhân mua 5 quyển vở loại 2 hết 65 000 đồng và 3 quyển vở loại 1 hết 57 000 đồng. Hiền mua 8 quyển vở loại 2. Hỏi cả hai bạn mua vở hết bao nhiêu tiền?

2 Một cửa hàng nhập về 2 tấn đường. Ngày thứ nhất, cửa hàng bán được 200 kg đường. Ngày thứ hai cửa hàng bán được gấp 3 lần ngày thứ nhất. Số đường còn lại bán trong 5 ngày thì vừa hết. Hỏi trong 5 ngày này, trung bình mỗi ngày cửa hàng đó bán được bao nhiêu ki-lô-gam đường?

3 Câu nào đúng, câu nào sai?

Một khu vườn trồng hoa và rau có kích thước như hình bên.

a) Diện tích trồng hoa là 6 m^2.

b) Diện tích trồng rau là 35 m^2.

c) Diện tích khu vườn là 27 m^2.

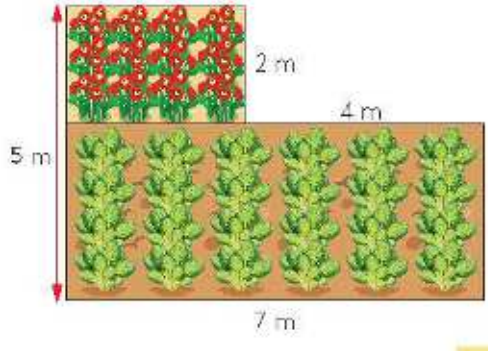

Bài 10 TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ TỈ SỐ CỦA HAI SỐ ĐÓ

Bài toán 1: Tổng của hai số là 20. Tỉ số của hai số đó là $\frac{2}{3}$. Tìm hai số đó.

Bài giải

Theo đề bài, ta có sơ đồ:

20 gồm bao nhiêu phần bằng nhau?

Chân trời sáng tạo

Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:

2 + 3 = 5 (phần)

Giá trị của một phần là:

20 : 5 = 4

Số bé là:

4 × 2 = 8

Số lớn là:

20 − 8 = 12

Đáp số: Số bé: 8,

Số lớn: 12.

Bài toán 2: Khối lớp 2 và khối lớp 5 trồng được 84 cây. Số cây của khối lớp 5 trồng được gấp 3 lần số cây của khối lớp 2. Hỏi mỗi khối lớp đã trồng được bao nhiêu cây?

Bài giải

Xác định số bé, số lớn, tổng số và tỉ số.

Theo đề bài, ta có sơ đồ:

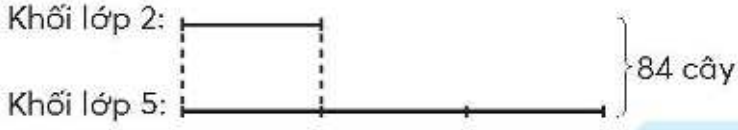

Em hoàn thiện bài giải.

Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:

1 + 3 = 4 (phần)

Giá trị của một phần hay số cây khối lớp 2 trồng là:

84 : 4 = .?. (cây)

Số cây khối lớp 5 trồng là:

.....?.....

Đáp số: .?.

Chân trời sáng tạo

1 Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.

Tổng	49	128	5 400
Tỉ số	$\frac{2}{5}$	$\frac{5}{3}$	$\frac{1}{4}$
Số bé	14	.?.	.?.
Số lớn	35	.?.	.?.

1 Trên xe buýt có 40 học sinh. Số học sinh nam bằng $\frac{3}{5}$ số học sinh nữ. Hỏi trên chiếc xe buýt đó có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ?

2 Một thửa ruộng dạng hình chữ nhật có chu vi 90 m, chiều rộng bằng $\frac{1}{4}$ chiều dài. Tính chiều dài và chiều rộng của thửa ruộng đó.

3 Số?

Một căn phòng có diện tích 32 m^2 được lát bằng các viên gạch vuông bằng nhau gồm hai loại, một loại màu xanh và một loại màu trắng. Biết mỗi viên gạch có diện tích 16 dm^2 và số gạch màu trắng gấp 3 lần số gạch màu xanh (diện tích mạch gạch không đáng kể).

Để lát kín nền căn phòng đó cần .?. viên gạch màu xanh và .?. viên gạch màu trắng.

Chọn ý trả lời đúng.

Mẹ mua 2 kg 400 g cả thịt và cá. Khối lượng cá gấp 2 lần khối lượng thịt. Vậy mẹ đã mua:

A. 400 g thịt và 2 kg cá B. 4 kg thịt và 8 kg cá

C. 400 g thịt và 800 g cá D. 800 g thịt và 1600 g cá

Số?

Vậy đã có .?. chùm pháo hoa màu vàng và .?. chùm pháo hoa màu đỏ.

Chân trời sáng tạo

Bài 11 TÌM HAI SỐ KHI BIẾT HIỆU VÀ TỈ SỐ CỦA HAI SỐ ĐÓ

Bài toán 1: Hiệu của hai số là 150. Tỉ số của hai số đó là $\frac{4}{9}$. Tìm hai số đó.

Bài giải

Theo đề bài, ta có sơ đồ:

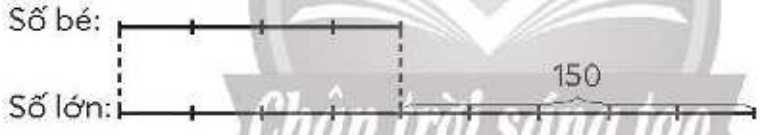

Chân trời sáng tạo

Theo sơ đồ, hiệu số phần bằng nhau là:

9 – 4 = 5 (phần)

150 gồm bao nhiêu phần bằng nhau?

Giá trị của một phần là:

.....?.....

Số bé là:

.....?.....

Em hoàn thiện bài giải.

Số lớn là:

.....?.....

Đáp số: Số bé: .?.

Số lớn: .?.

Bài toán 2: Một phân xưởng may có số công nhân nữ gấp 5 lần số công nhân nam. Biết rằng số công nhân nữ nhiều hơn số công nhân nam là 48 người. Hỏi phân xưởng đó có bao nhiêu công nhân nữ, bao nhiêu công nhân nam?

Xác định số bé, số lớn, hiệu số và tỉ số.

Bài giải

Theo đề bài, ta có sơ đồ:

Số công nhân nữ:

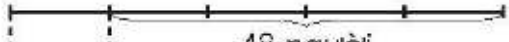

Số công nhân nam:

Em hoàn thiện bài giải.

Theo sơ đồ, hiệu số phần bằng nhau là:

.....?.....

Giá trị của một phần hay số công nhân nam là:

.....?.....

Số công nhân nữ là:

.....?.....

Đáp số: .?.

.?.

Chân trời sáng tạo

1 Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.

Hiệu	27	100	40 000
Tỉ số	$\frac{2}{5}$	$\frac{7}{6}$	$\frac{1}{9}$
Số bé	18	.?.	.?.
Số lớn	45	.?.	.?.

1 Năm nay sản lượng xoài của nhà bác Ba thu hoạch nhiều hơn năm ngoái là 36 tấn và bằng $\frac{5}{3}$ sản lượng năm ngoái. Hỏi mỗi năm bác Ba thu hoạch được bao nhiêu tấn xoài?

2 Bé Bin chào đời năm mẹ 27 tuổi. Hiện nay tuổi mẹ gấp 4 lần tuổi Bin. Hỏi năm nay Bin bao nhiêu tuổi?

3 Số?

Từ nhà Nam đến trường học phải đi qua công viên. Quãng đường từ nhà Nam đến công viên bằng $\frac{2}{3}$ quãng đường từ công viên đến trường học và ngắn hơn quãng đường từ công viên đến trường học là 250 m. Quãng đường từ nhà Nam đến trường học dài .?. m.

Chân trời sáng tạo

4 Chọn ý trả lời đúng.

a) Hiệu của hai số là số bé nhất có hai chữ số. Tỉ số của hai số đó là $\frac{7}{5}$. Hai số đó là:

A. 10 và 2 B. 35 và 25 C. 12 và 22 D. 70 và 50

b) Lớp 5A trồng nhiều hơn lớp 5B là 10 cây. Tỉ số cây trồng của lớp 5A và lớp 5B là $\frac{35}{33}$. Tổng số cây cả hai lớp trồng được là:

A. 165 cây B. 175 cây C. 340 cây D. 680 cây

Bài 12 EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

1

a) Chọn tóm tắt phù hợp với bài toán.

Bài toán 1

Tổng của hai số là 21, số bé bằng $\frac{2}{5}$ số lớn. Tìm hai số đó.

Tóm tắt A

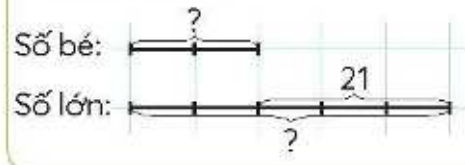

Bài toán 2

Tìm hai số, biết hiệu của hai số đó là 21, tỉ số của hai số đó là $\frac{5}{2}$.

Tóm tắt B

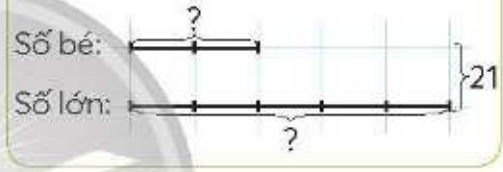

b) Hãy nêu cách giải mỗi bài toán trên.

2 Cho bài toán: Hiệu của hai số là 20, tỉ số của chúng là $\frac{3}{7}$. Tìm hai số đó.

a) Có hai bạn giải bài toán trên và tìm được đáp số như hình bên. Theo em, đáp số của mỗi bạn có đúng không?

b) Em hãy giải bài toán trên.

Số bé: 5
Số lớn: 25

Số bé: 6
Số lớn: 14

3 Tham gia phong trào *Giúp bạn vượt khó*, cả hai bạn Hồng và Mai đã góp được 72 000 đồng. Số tiền góp được của Mai bằng $\frac{4}{5}$ số tiền góp được của Hồng. Hỏi mỗi bạn đã góp được bao nhiêu tiền?

4 Cửa hàng đã bán một số bút chì và thước kẻ. Biết số bút chì đã bán nhiều hơn số thước kẻ là 78 cái và gấp 4 lần số thước kẻ. Hỏi cửa hàng đã bán bao nhiêu cái bút chì, bao nhiêu cái thước kẻ?

Kết nối tri thức với cuộc sống

5 Trên một khu đất dạng hình chữ nhật có chiều dài 25 m, chiều rộng 8 m, người ta xây một ngôi nhà có diện tích nền nhà bằng $\frac{2}{3}$ diện tích phần đất còn lại. Hỏi diện tích nền nhà là bao nhiêu mét vuông?

6 Đội A có 5 người và đội B có 7 người cùng tham gia trồng cây. Đội B trồng được nhiều hơn đội A là 10 cây. Biết rằng mỗi người đều trồng số cây như nhau. Hỏi mỗi đội trồng được bao nhiêu cây?

Số?

Trong một tiết mục xiếc, trên lưng mỗi con voi đều có ba con khỉ. Bạn Tèo nhận thấy số voi ít hơn số khỉ là 12 con.

Tiết mục đó có .?. con voi và .?. con khỉ.

Số?

Chúng em làm một dây cờ trang trí gồm những lá cờ hình tam giác. Cứ 3 lá cờ màu xanh lại có 2 lá cờ màu vàng. Dây cờ của chúng em có tất cả 70 lá cờ. Số lá cờ màu xanh nhiều hơn số lá cờ màu vàng là .?. lá cờ.

Bài 13 HÉC-TA

- Héc-ta là một đơn vị đo diện tích.
- Héc-ta viết tắt là ha.
- 1 ha là diện tích của hình vuông có cạnh dài 100 m.

1 ha = .?. m^2

1 ha = 10 000 m^2

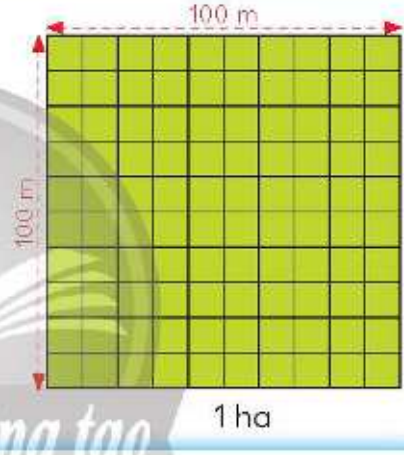

Chân trời sáng tạo

1

a) Đọc các số đo: 6 ha; 27 ha; 61 ha; 250 ha; $\frac{1}{100}$ ha; $\frac{2}{5}$ ha.

b) Viết các số đo diện tích.

- Diện tích trồng lúa của nhà bà ngoại là *bốn héc-ta.*
- Diện tích đất của trường Tiểu học Hoa Ban là *chín phần tư héc-ta.*
- Diện tích của một phường tại Thành phố Hồ Chí Minh là *ba trăm ba mươi héc-ta.*

2 Số?

a) 8 ha = .?. m^2

45 ha = .?. m^2

$\frac{2}{5}$ ha = .?. m^2

b) 300 000 m^2 = .?. ha

50 000 m^2 = .?. ha

4 000 m^2 = .?. ha

1 Câu nào đúng, câu nào sai?

a) Diện tích của một sân bóng đá là 7 140 m^2. Diện tích sân bóng đá bé hơn 1 ha.

b) Một thửa ruộng dạng hình chữ nhật có chiều dài 40 m, chiều rộng 25 m. Diện tích thửa ruộng đó là 1 ha.

2 Số?

Một khu vực trồng chè (trà) có diện tích là 35 ha. Hằng năm, trung bình 1 ha thu hoạch được 10 tấn chè búp tươi; 1 tấn chè búp tươi bán được khoảng 50 triệu đồng. Trong một năm, khu vực đó thu được .?. triệu đồng tiền bán chè búp tươi.

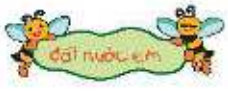

Số?

Năm 2020, diện tích trồng chè của toàn tỉnh Thái Nguyên khoảng 22 400 ha, trong đó diện tích trồng chè của huyện Đại Từ chiếm khoảng $\frac{2}{7}$ diện tích trồng chè của cả tỉnh. Diện tích trồng chè của huyện Đại Từ là .?. ha.

Chân trời sáng tạo

Hình ảnh những đồi chè

Bài 14 KI-LÔ-MÉT VUÔNG

- Ki-lô-mét vuông là một đơn vị đo diện tích.
- Ki-lô-mét vuông viết tắt là km^2.
- $1\ km^2$ là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 km.

$1\ km^2 = ?\ ha$
$1\ km^2 = ?\ m^2$

$1\ km^2 = 100\ ha$
$1\ km^2 = 1\,000\,000\ m^2$

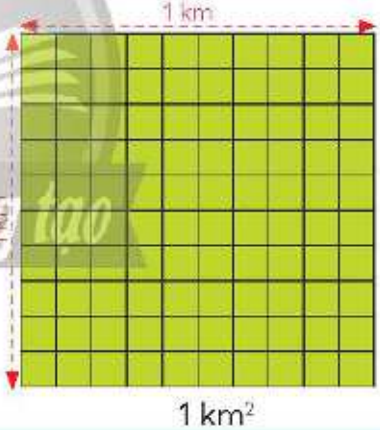

Chân trời sáng tạo

1

a) Đọc các số đo: $36\ km^2$; $\frac{4}{5}\ km^2$; $147\ ha$; $1\,659\ m^2$; $283\ cm^2$.

b) Viết các số đo diện tích.

- Diện tích nước Việt Nam là *ba trăm ba mươi mốt nghìn ba trăm bốn mươi tư ki-lô-mét vuông.*
- Diện tích của Thủ đô Hà Nội (năm 2020) khoảng *ba nghìn ba trăm sáu mươi ki-lô-mét vuông.*

2 Số?

a) 6 km^2 = .?. ha

$\frac{1}{10}$ km^2 = .?. ha

27 km^2 = .?. m^2

b) 1000 ha = .?. km^2

50 ha = .?. km^2

10 000 000 m^2 = .?. km^2

1 Nước ta có 63 tỉnh, thành phố. Trong bảng sắp xếp các tỉnh, thành phố theo thứ tự diện tích từ lớn đến bé, ta thấy thứ tự của các tỉnh Nghệ An, Gia Lai, Hà Nam, Bắc Ninh lần lượt là 1; 2; 62 và 63.

Biết diện tích (sau khi làm tròn đến hàng chục) của bốn tỉnh nêu trên là:

15 510 km^2; 820 km^2; 16 490 km^2; 860 km^2.

Hỏi diện tích (sau khi làm tròn đến hàng chục) của mỗi tỉnh đó là bao nhiêu ki-lô-mét vuông?

2 m^2, ha hay km^2?

a) Tỉnh Tuyên Quang có diện tích khoảng 5 870 .?.

b) Bạn Lý Chải học tại một trường tiểu học có diện tích khoảng 2 .?.

c) Mỗi phòng học của trường có diện tích khoảng 48 .?.

3 Số?

Theo thống kê năm 2021, tổng diện tích hai tỉnh Bắc Kạn và Bạc Liêu là 7 259 km^2. Biết diện tích tỉnh Bắc Kạn lớn hơn diện tích tỉnh Bạc Liêu là 2 191 km^2.

Diện tích hai tỉnh Bắc Kạn và Bạc Liêu lần lượt là .?. km^2 và .?. km^2.

Trên thế giới, Nga là quốc gia có diện tích lớn nhất: 17 098 246 km^2; Va-ti-can là quốc gia có diện tích bé nhất. Diện tích Va-ti-can là $\frac{11}{25}$ km^2.

Diện tích Va-ti-can là bao nhiêu héc-ta?

Chân trời sáng tạo

Bài 15 TỈ LỆ BẢN ĐỒ

- **Tỉ lệ bản đồ**

Ở góc phía dưới của một bản đồ nước Việt Nam có ghi:

Tỉ lệ 1 : 15 000 000.

Đó là *tỉ lệ bản đồ*.

Tỉ lệ 1 : 15 000 000

Chân trời sáng tạo

– Tỉ lệ 1 : 15 000 000 cho biết các khoảng cách thực tế đã được vẽ thu nhỏ lại 15 000 000 lần. Chẳng hạn: Độ dài 1 cm trên bản đồ ứng với độ dài thật là 15 000 000 cm hay 150 km.

– Tỉ lệ bản đồ có thể viết dưới dạng một phân số có tử số là 1.

Ví dụ: $\frac{1}{10\,000\,000}$; $\frac{1}{500}$; $\frac{1}{1000}$; ...

• **Bài toán 1:** Khoảng cách giữa hai điểm A và B trên thực tế là 20 m. Hỏi trên bản đồ tỉ lệ 1 : 500, khoảng cách đó dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

Bài giải

20 m = 2 000 cm.

Khoảng cách giữa hai điểm A và B trên bản đồ là:

2 000 : 500 = 4 (cm)

Đáp số: 4 cm.

• **Bài toán 2:** Trên một bản đồ có tỉ lệ 1 : 1000 000, quãng đường Thành phố Hồ Chí Minh – Đồng Tháp đo được 147 mm. Tìm độ dài thật của quãng đường Thành phố Hồ Chí Minh – Đồng Tháp.

Bài giải

Độ dài thật của quãng đường Thành phố Hồ Chí Minh – Đồng Tháp là:

147 × 1000 000 = 147 000 000 (mm).

147 000 000 mm = 147 km.

Đáp số: 147 km.

Kết nối tri thức với cuộc sống

1 Thay dấu (.?.) bằng số hoặc tỉ lệ thích hợp.

Tỉ lệ bản đồ	1 : 200	1 : 500	.?.
Độ dài trên bản đồ	1 cm	.?. cm	1 cm
Độ dài thật	.?. m	50 m	10 m

2 Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 10 000 000, khoảng cách giữa hai thành phố là 3 cm. Hỏi trên thực tế, khoảng cách giữa hai thành phố đó là bao nhiêu ki-lô-mét?

2 Quãng đường từ Hà Tĩnh đến Hà Nội dài 354 km. Hỏi trên bản đồ tỉ lệ 1 : 2 000 000, quãng đường đó dài bao nhiêu mi-li-mét?

3 Chọn ý trả lời đúng.

a) Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 10 000, quãng đường từ nhà Mai đến trường dài 20 cm. Trên thực tế, quãng đường từ nhà Mai đến trường dài:

A. 2 km B. 20 km C. 200 km D. 2 000 km

b) Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 15 m, chiều rộng 10 m. Khi vẽ mảnh đất đó trên bản đồ tỉ lệ 1 : 500 thì chiều dài và chiều rộng lần lượt là:

A. 3 mm và 2 mm B. 3 cm và 2 cm

C. 3 dm và 2 cm D. 3 m và 2 m

Khám phá

Số?

Hình bên là bản vẽ của một ngôi nhà. Thực tế, ngôi nhà này cao 4 m 20 cm.

Tỉ lệ của bản vẽ đó là $\frac{?}{?}$.

Chân trời sáng tạo

Hoạt động thực tế

Nền của một phòng học là hình chữ nhật có chiều dài 8 m, chiều rộng 6 m.

a) Hãy xác định chiều dài và chiều rộng của nền phòng học đó trên bản đồ có tỉ lệ 1 : 200.

b) Hãy vẽ hình chữ nhật biểu thị nền phòng học đó trên bản đồ theo tỉ lệ là 1 : 200.

Bài 16 EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

1 Năm 2020, diện tích trồng các loại cây của nước ta là 14 487 400 ha.

a) Đọc số đo diện tích trên.

b) Viết số đo diện tích trên theo đơn vị ki-lô-mét vuông.

2 Quan sát hình bên.

a) Thay .?. bằng phân số thập phân thích hợp.

Đã tô màu .?. tờ giấy.

b) Viết phân số thập phân ở câu a dưới dạng hỗn số. Nêu phần nguyên, phần phân số của hỗn số đó.

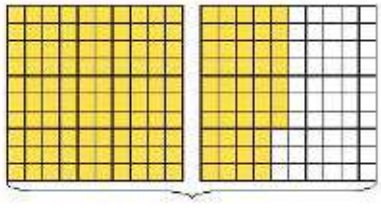

3 Thay .?. bằng hỗn số thích hợp.

a) 631 ha = .?. km^2

b) 85 000 m^2 = .?. ha

4 Câu nào đúng, câu nào sai?

a) Phần phân số của hỗn số bao giờ cũng bé hơn 1.

b) 315 $mm^2 = 31\frac{5}{10}$ cm^2.

Chân trời sáng tạo

5 Đặt tính rồi tính.

a) 122 485 + 38 074

b) 207 186 − 42 053

c) 14 508 × 82

d) 617 694 : 42

6 Tính bằng cách thuận tiện.

a) 250 × 8 × 125 × 40

b) $\frac{1}{4} + \frac{11}{10} + \frac{6}{8} + \frac{9}{10}$

c) $\frac{7}{8} \times 4 \times \frac{1}{4} \times \frac{8}{7}$

d) $\frac{4}{9} \times \frac{1}{9} + \frac{4}{9} \times \frac{8}{9}$

7 Số?

a) $\frac{2}{5} + .?. = \frac{3}{2}$

b) $\frac{2}{3} - .?. = \frac{1}{2}$

8 Chọn ý trả lời đúng.

a) Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1 000 000, quãng đường từ thành phố Kon Tum đến tỉnh Đắk Nông dài 31 cm. Độ dài thật của quãng đường này là:

A. 31 mm B. 31 m C. 31 km D. 310 km

b) Quãng đường từ thành phố Pleiku đến thành phố Buôn Ma Thuột khoảng 180 km, thể hiện trên bản đồ với tỉ lệ 1 : 5 000 000 thì ứng với độ dài:

A. 36 mm B. 36 cm C. 36 dm D. 36 m

9 Số?

Một cửa hàng nhập về 120 kg đường và sữa bột. Khối lượng đường nhiều hơn sữa bột là 60 kg.

a) Cửa hàng đã nhập về .?. kg đường và .?. kg sữa bột.

b) Cửa hàng đóng gói đường và sữa bột vào các túi. Mỗi túi đường có $\frac{1}{2}$ kg đường; mỗi túi sữa có $\frac{1}{4}$ kg sữa bột. Lượng hàng nhập về đã đóng gói được .?. túi đường và .?. túi sữa.

10 Một con cá nặng 2 kg 400 g gồm đầu, thân và đuôi. Cả thân và đuôi nặng gấp 3 lần đầu cá. Thân cá nặng bằng $\frac{5}{3}$ đầu cá. Tính khối lượng thân cá.

Chân trời sáng tạo

1. Nhà rông là một trong những nét văn hoá đặc trưng, nổi bật của đồng bào dân tộc ở Tây Nguyên. Đây là nơi diễn ra các sinh hoạt cộng đồng của buôn làng.

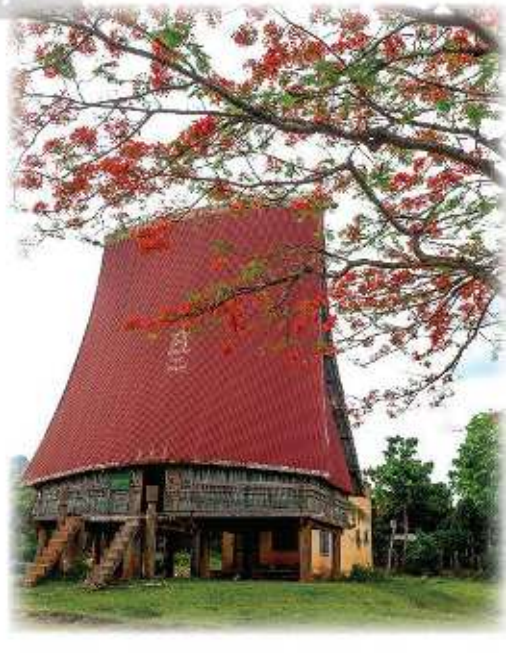

Một nhà rông cao 18 m, một toà nhà hai tầng cao $\frac{72}{10}$ m. Tỉ số chiều cao của toà nhà và nhà rông là bao nhiêu?

2. Quan sát bảng số liệu và biểu đồ dưới đây.

Diện tích của một số tỉnh ở khu vực Tây Nguyên năm 2021

Tỉnh	Kon Tum	Gia Lai	Đắk Lắk	Đắk Nông
Diện tích (ha)	967 730	1 551 010	1 307 040	650 930

Diện tích của một số tỉnh ở khu vực Tây Nguyên năm 2021

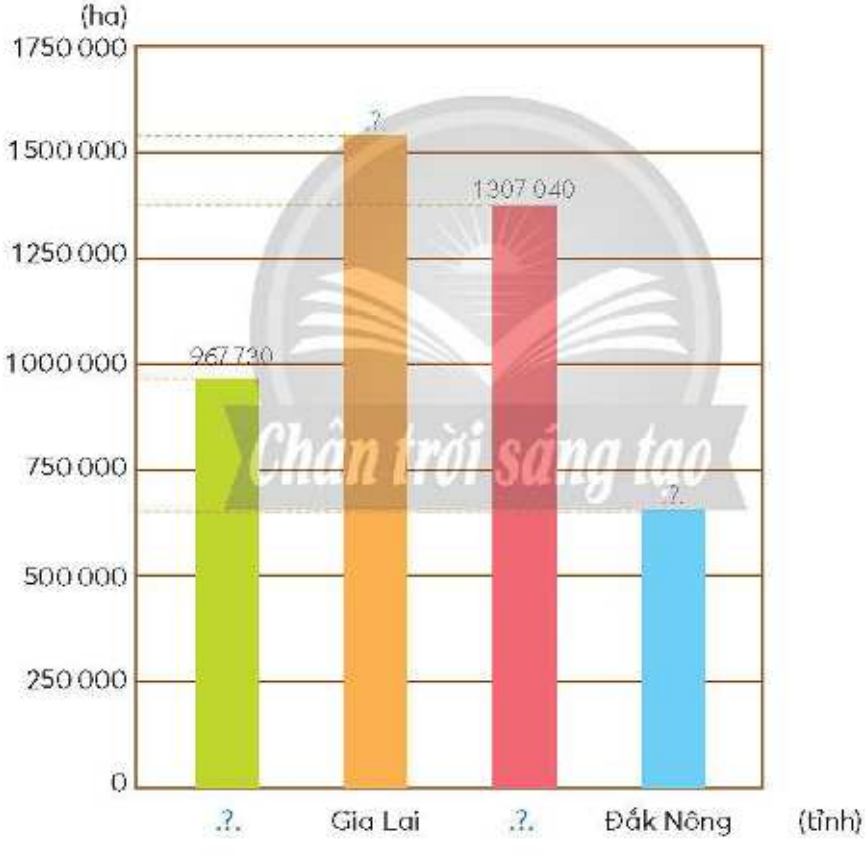

a) Hoàn thiện biểu đồ trên.

b) Tỉnh nào có diện tích lớn nhất?

c) Tỉnh nào có diện tích bé nhất?

d) Tỉnh có diện tích lớn nhất hơn tỉnh có diện tích bé nhất bao nhiêu héc-ta?

Chân trời sáng tạo

Bài 17 THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

TRÒ CHƠI NÉM VÒNG TRÚNG ĐÍCH

Mỗi lần ném vòng về phía bình nước, có hai sự kiện có thể xảy ra là:

Vòng trúng đích

Vòng không trúng đích

– Tiến hành chơi theo tổ.

• Mỗi tổ chuẩn bị một chiếc vòng có đường kính khoảng 20 cm, một bình nước hoặc chai nước. Đánh dấu vị trí đứng ném vòng cách bình nước 2 m.

• Mỗi lượt chơi như sau:

Các bạn lần lượt thay nhau, mỗi bạn tung một chiếc vòng liên tiếp 10 lần, ghi nhận số lần ném vòng trúng đích và không trúng đích.

Ví dụ:

Sự kiện	Vòng trúng đích	Vòng không trúng đích
Bạn Minh	𝍸	𝍸 ||

• Mỗi bạn tính tỉ số của số vòng trúng đích và tổng số vòng đã ném.

Tỉ số của bạn nào lớn nhất thì bạn đó thắng cuộc.

– Thi đua giữa các tổ.

Mỗi tổ cử một bạn thi đua ném vòng trúng đích. Các bạn thực hiện tương tự như trên: tung một chiếc vòng liên tiếp 10 lần. Bạn nào thắng cuộc thì tổ của bạn đó được cả lớp hoan nghênh.

2. SỐ THẬP PHÂN

Hoá đơn thanh toán

Tên hàng	Số lượng (kg)	Giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Chuối	2,5	20 000	50 000

Bài 18 SỐ THẬP PHÂN

- **Giới thiệu số thập phân**

Ta có thể viết phân số thập phân, hỗn số có chứa phân số thập phân ở dạng *số thập phân*.

Ví dụ 1:

a) 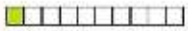
Hình A

Đã tô màu $\frac{1}{10}$ băng giấy, ta viết:

$\frac{1}{10} = 0,1$ đọc là *không phẩy một*

(một chữ số 0)

Chân trời sáng tạo

b) 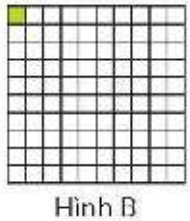
Hình B

Đã tô màu $\frac{1}{100}$ tờ giấy, ta viết:

$\frac{1}{100} = 0,01$ đọc là *không phẩy không một*

(hai chữ số 0)

c) Đã tô màu $\frac{1}{1000}$ của một hình, ta viết:

$\frac{1}{1000} = 0,001$ đọc là *không phẩy không không một*

(ba chữ số 0)

Các số 0,1; 0,01; 0,001 gọi là *số thập phân*.

Ví dụ 2:

a)

Hình A

Đã tô màu $\frac{5}{10}$ băng giấy, ta viết:

$\frac{5}{10} = 0,5$ đọc là *không phẩy năm*

b)

Hình B

Đã tô màu $\frac{63}{100}$ tờ giấy, ta viết:

$\frac{63}{100} = 0,63$ đọc là *không phẩy sáu ba*

c) Đã tô màu $\frac{72}{1000}$ của một hình, ta viết:

$\frac{72}{1000} = 0,072$ đọc là *không phẩy không bảy hai*

Ví dụ 3:

a) 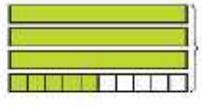

Hình A

Đã tô màu $3\frac{5}{10}$ băng giấy, ta viết:

$3\frac{5}{10} = 3,5$ đọc là *ba phẩy năm*

b) 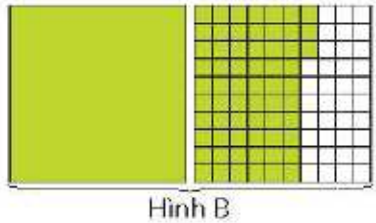

Hình B

Đã tô màu $1\frac{63}{100}$ tờ giấy, ta viết:

$1\frac{63}{100} = 1,63$ đọc là *một phẩy sáu ba*

c) Đã tô màu $40\frac{72}{1000}$ của một hình, ta viết:

$40\frac{72}{1000} = 40,072$ đọc là *bốn mươi phẩy không bảy hai*

Các số 0,5; 0,63; 0,072; 3,5; 1,63; 40,072 cũng là các *số thập phân*.

Chân trời sáng tạo

• Mỗi số thập phân gồm hai phần: *phần nguyên* và *phần thập phân*, chúng được phân cách bởi dấu phẩy.

Những chữ số ở bên trái dấu phẩy thuộc về phần nguyên, những chữ số ở bên phải dấu phẩy thuộc về phần thập phân.

Ví dụ:

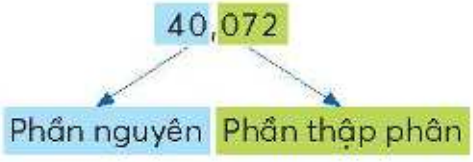

1 Viết theo mẫu.

Mẫu:

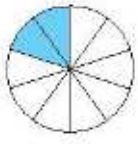

$\frac{2}{10} = 0,2$

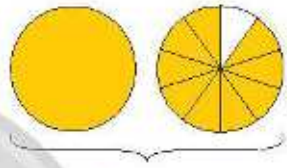

$1\frac{9}{10} = 1,9$

a)

Hình A

b)

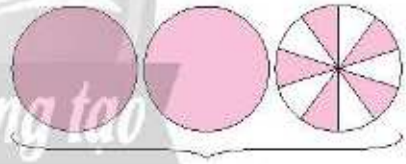

Hình B

Chân trời sáng tạo

2 Viết các phân số thập phân, các hỗn số có chứa phân số thập phân thành số thập phân.

a) $\frac{4}{10}$; $\frac{91}{100}$; $\frac{55}{1000}$.

b) $2\frac{1}{10}$; $1\frac{6}{100}$; $15\frac{8}{1000}$.

3 Nêu các chữ số thuộc phần nguyên, phần thập phân của mỗi số thập phân sau.

Mẫu: Số 72,035 có phần nguyên gồm các chữ số 7; 2 (ở bên trái dấu phẩy), phần thập phân gồm các chữ số 0; 3; 5 (ở bên phải dấu phẩy).

a) 742,5 b) 0,18 c) 10,362

1 Viết các phân số thập phân thành số thập phân.

Mẫu: $\frac{6}{10} = 0,6$ $\qquad \frac{716}{100} = 7\frac{16}{100} = 7,16$

a) $\frac{7}{10}$ $\qquad$ b) $\frac{4}{100}$ $\qquad$ c) $\frac{37}{10}$ $\qquad$ d) $\frac{228}{100}$

2 Thay .?. bằng số thập phân chỉ lượng nước có trong mỗi bình.

3 Câu nào đúng, câu nào sai?

a) Chiều cao của một bạn là $1\frac{45}{100}$ m nghĩa là bạn đó cao 1,45 m.

b) Khối lượng của một con gà là $1\frac{2}{5}$ kg nghĩa là con gà đó cân nặng 1,2 kg.

c) Do $\frac{1}{10}$ gấp 10 lần $\frac{1}{100}$ nên 0,1 gấp 10 lần 0,01.

Cân trời sáng tạo

Viết theo mẫu.

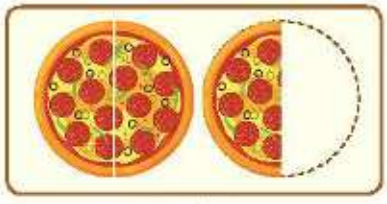

Mẫu: Có $\frac{3}{2}$ cái bánh hay $\frac{15}{10}$ cái bánh.

Có 1,5 cái bánh.

Hình A

Hình B

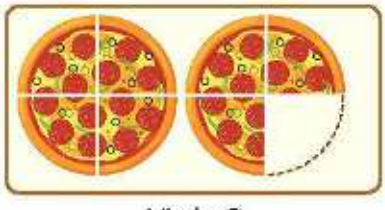

Hình C

Bài 19 HÀNG CỦA SỐ THẬP PHÂN ĐỌC, VIẾT SỐ THẬP PHÂN

Ví dụ:

Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị	,	Hàng phần mười	Hàng phần trăm	Hàng phần nghìn
1	6	4	,	3	7	5

Viết số: 164,375

Đọc số: Một trăm sáu mươi tư phẩy ba trăm bảy mươi lăm.

164,375 gồm 1 trăm, 6 chục, 4 đơn vị và 3 phần mười, 7 phần trăm, 5 phần nghìn.

- Trong số thập phân, mỗi đơn vị của một hàng bằng 10 đơn vị của hàng thấp hơn liền sau và bằng $\frac{1}{10}$ (hay 0,1) đơn vị của hàng cao hơn liền trước.

- Muốn đọc một số thập phân, ta đọc lần lượt từ hàng cao đến hàng thấp: Đọc phần nguyên, đọc dấu phẩy rồi đọc phần thập phân.

Muốn viết một số thập phân, ta cũng viết lần lượt từ hàng cao đến hàng thấp: Viết phần nguyên, viết dấu phẩy rồi viết phần thập phân.

1

a) Đọc các số thập phân sau.

3,5; 0,36; 80,04; 125,92; 7,402.

b) Viết số thập phân.

- Một trăm linh hai phẩy ba trăm bảy mươi.
- Tám mươi mốt phẩy không trăm mười tám.

Chân trời sáng tạo

2 Nói theo mẫu.

Mẫu: 27,054

Phần nguyên là 27 gồm 2 chục, 7 đơn vị.

Phần thập phân là 54 phần nghìn gồm 5 phần trăm, 4 phần nghìn.

a) 9,3 b) 0,61 c) 5,07 d) 406,406

3 Viết số thập phân có:

a) 2 đơn vị, 8 phần mười.

b) 473 đơn vị, 29 phần trăm.

c) 85 đơn vị, 677 phần nghìn.

d) 32 phần nghìn.

1 Đọc các số thập phân sau rồi cho biết của mỗi chữ số màu đỏ thuộc hàng nào.

a) 7,4 b) 60,51 c) 320,839 d) 34,044

2 Số?

3

a) Viết các số 0,4; 0,93; 0,072 thành phân số thập phân.

b) Viết các số 2,7; 18,6; 10,05 thành hỗn số có chứa phân số thập phân.

4 Chọn các cặp phân số thập phân và số thập phân bằng nhau.

A	$\frac{3\,258}{10}$	B	$\frac{3\,258}{100}$	C	$\frac{3\,258}{1000}$
M	32,58	N	3,258	P	325,8

5 Chọn ý trả lời đúng nhất.

Chữ số 7 trong số đo 2,174 m biểu thị:

A. $\frac{7}{100}$ m B. 0,07 m

C. 7 cm D. Cả ba ý trên đều đúng.

Chân trời sáng tạo

Bài 20 SỐ THẬP PHÂN BẰNG NHAU

Ngày	Chiều dài quãng đường đã làm
Thứ Hai	1,85 km

Ví dụ 1: So sánh 1,85 và 1,850.

Ta có: $1{,}85 = \frac{185}{100}$; $1{,}850 = \frac{1850}{1000}$.

Do $\frac{185}{100} = \frac{1850}{1000}$ nên 1,85 = 1,850.

Nếu viết thêm (hoặc bỏ bớt) chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân của một số thập phân thì được một số thập phân bằng số đó.

Ví dụ 2: 0,4 = 0,40 = 0,400 6 = 6,0 = 6,00

27,00 = 27,0 = 27 3,200 = 3,20 = 3,2

Chân trời sáng tạo

1 Viết các số thập phân dưới dạng gọn hơn.

Mẫu: 30,70600 = 30,706

a) 5,400 b) 21,070 c) 0,08000 d) 100,0010

2 Thêm hoặc bớt các chữ số 0 thích hợp để phần thập phân của mỗi cặp số sau có số chữ số bằng nhau.

a) 3,16 và 2,4 b) 42,5 và 0,955 c) 73 và 6,72 d) 0,100 và 2,40

1 Tìm các cặp số thập phân bằng nhau.

0,15	0,015	0,1050
0,105	0,1500	0,0150

2 Trong các số đo dưới đây, các số đo nào bằng nhau?

20,7 kg; 2,070 kg; 20,700 kg; 20,70 kg.

Bài 21 SO SÁNH HAI SỐ THẬP PHÂN

Ngày	Chiều dài quãng đường đã làm
Thứ Ba	2,1 km
Thứ Tư	1,872 km

Thứ Ba và thứ Tư, mỗi ngày làm được nhiều hơn hay ít hơn kế hoạch đã đề ra?

a) **So sánh hai số thập phân có phần nguyên khác nhau**

Ví dụ 1: So sánh 2,1 và 1,85.

Ta có: $2,1 = \frac{21}{10}$; $1,85 = \frac{185}{100}$.

Do $\frac{21}{10} = \frac{210}{100}$; $\frac{210}{100} > \frac{185}{100}$ nên $2,1 > 1,85$.

Trong hai số thập phân có phần nguyên khác nhau, số thập phân nào có phần nguyên lớn hơn thì số đó lớn hơn.

b) **So sánh hai số thập phân có phần nguyên bằng nhau**

Ví dụ 2: So sánh 1,872 và 1,850.

Ta có: $1,872 = \frac{1872}{1000}$; $1,850 = \frac{1850}{1000}$.

Do $\frac{1872}{1000} > \frac{1850}{1000}$ nên $1,872 > 1,850$.

– Khi so sánh các số thập phân có phần nguyên bằng nhau, ta so sánh từng cặp chữ số ở cùng một hàng của phần thập phân, kể từ trái sang phải. Cặp chữ số đầu tiên khác nhau: số có chữ số lớn hơn thì lớn hơn.

– Nếu phần nguyên và phần thập phân của hai số bằng nhau thì hai số đó bằng nhau.

Ví dụ 3: $3,6 > 0,981$ $92,721 < 92,83$ $5,40 = 5,4$

Chân trời sáng tạo

1 >,<,=

a) 9,75 .?. 12,4 b) 61,07 .?. 61,4 c) 8,91 .?. 8,9

2,38 .?. 0,951 0,5 .?. 0,125 10,1 .?. 10,10

2 Dùng cả ba chữ số 5; 6; 7 để viết bốn số thập phân khác nhau, mỗi số có ba chữ số, trong đó phần thập phân có hai chữ số.

Sắp xếp các số đó theo thứ tự từ bé đến lớn.

1 >,<,=

a) 231,8 .?. 99,99 b) 7,42 .?. 7,24 c) 140,02 .?. 140

46,05 .?. 46,50 7,42 .?. 74,2 500 .?. 500,000

2 Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé.

0,77; 7,7; 0,7; 7.

3 Chữ số?

a) 27,8 = 27,8? b) 63?,1 > 638,7 c) 54,3?9 < 54,312

4 Số?

a) 3,3; 3,2; 3,1; .?.; .?.; 2,8; 2,7.

b) 0,06; 0,07; 0,08; .?.; .?.; 0,11; 0,12.

5 Tìm một số thập phân lớn hơn 3,4 nhưng bé hơn 3,5.

Cao tốc Hà Nội – Hải Phòng đi qua bốn tỉnh, thành gồm: Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng. Trên tuyến đường cao tốc này có 9 cây cầu lớn vượt sông, trong đó có:

- Cầu Lạch Tray dài 1,2 km.
- Cầu Thái Bình dài 0,822 km.
- Cầu Thanh An dài 0,963 km.

a) Hãy viết tên ba cây cầu trên theo thứ tự từ ngắn đến dài.

b) Tìm vị trí Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên và Hải Phòng trên bản đồ (trang 117).

Chân trời sáng tạo

Bài 22 LÀM TRÒN SỐ THẬP PHÂN

a) Làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị

Mỗi số 5,28; 5,74 gần số tự nhiên nào nhất?

Ví dụ 1: Quan sát tia số sau.

Làm tròn số 5,28; 5,74 đến hàng đơn vị ta được các số nào?

Làm tròn các số thập phân đến hàng đơn vị.

5,09; 5,17; 5,28; 5,36; 5,42 → 5

5,62; 5,74; 5,88; 5,91 → 6

Quy ước: 5,52 → 6

- *Nếu chữ số hàng phần mười là 0; 1; 2; 3; 4 thì giữ nguyên chữ số hàng đơn vị.*

  Nếu chữ số hàng phần mười là 5; 6; 7; 8; 9 thì thêm 1 vào chữ số hàng đơn vị.

- *Sau khi làm tròn số đến hàng đơn vị thì phần thập phân là 0.*

Ví dụ 2:

Làm tròn số 34,51 đến hàng đơn vị thì được số 35.

Làm tròn số 120,47 đến hàng đơn vị thì được số 120.

Chân trời sáng tạo

b) **Làm tròn số thập phân đến hàng phần mười, đến hàng phần trăm**

Ví dụ 3: Làm tròn các số thập phân đến hàng phần mười.

27,309; 27,318; 27,326; 27,335; 27,347 → 27,3

27,361; 27,374; 27,383; 27,396 → 27,4

Quy ước: 27,352 → 27,4

Ví dụ 4: Làm tròn các số thập phân đến hàng phần trăm.

4,5708; 4,5717; 4,5729; 4,5735; 4,5746 → 4,57

4,5762; 4,5774; 4,5781; 4,5793 → 4,58

Quy ước: 4,5751 → 4,58

Nêu cách làm tròn số thập phân đến hàng phần mười, hàng phần trăm.

Ví dụ 5:

Làm tròn số 27,645 đến hàng phần mười thì được số 27,6.

Làm tròn số 27,645 đến hàng phần trăm thì được số 27,65.

Chân trời sáng tạo

1 Làm tròn các số thập phân sau đến hàng đơn vị.

a) 7,06; 7,15; 7,27; 7,31; 7,48.

b) 3,52; 3,68; 3,74; 3,85; 3,93.

2 Làm tròn các số thập phân sau đến hàng phần mười.

a) 5,407; 5,416; 5,422; 5,434; 5,448.

b) 8,157; 8,162; 8,174; 8,183; 8,195.

3 Làm tròn các số thập phân sau đến hàng phần trăm.

a) 0,9605; 0,9617; 0,9624; 0,9638; 0,9649.

b) 0,7258; 0,7261; 0,7272; 0,7285; 0,7294.

1 Làm tròn mỗi số thập phân sau đến hàng có chữ số màu đỏ.

a) 341,57 b) 100,095 c) 76,826 d) 2,9684

2 Viết các số thập phân có hai chữ số mà sau khi làm tròn đến hàng đơn vị thì được 9.

3 Chọn ý trả lời đúng.

a) Điểm số môn Tiếng Việt của Y Moan là 8,25. Làm tròn số này đến hàng đơn vị thì điểm số môn Tiếng Việt của Y Moan là:

A. 8 B. 8,2 C. 8,3 D. 10

b) Một con cá cân nặng 0,94 kg. Ta nói, con cá đó nặng khoảng:

A. 100 kg B. 10 kg C. 9 kg D. 1 kg

4 Số?

Một bao đường có khối lượng (tính theo ki-lô-gam) là số thập phân lớn nhất có hai chữ số mà khi làm tròn số đó đến hàng đơn vị thì được 5 kg. Khối lượng của bao đường đó là .?. kg.

Đọc bảng số liệu dưới đây rồi trả lời câu hỏi.

Tỉnh	Diện tích (km^2)	Dân số (người)
Thái Bình	1584,6	1875700
Ninh Bình	1411,8	1007600
Quảng Trị	4701,2	647800
Bình Định	6066,4	1508300
Ninh Thuận	3355,3	596000

a) Diện tích của mỗi tỉnh khoảng bao nhiêu ki-lô-mét vuông? (Làm tròn số đến hàng đơn vị.)

b) Dân số của mỗi tỉnh khoảng bao nhiêu nghìn người? (Làm tròn số đến hàng nghìn.)

Bài 23 EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

1 Quan sát các hình sau.

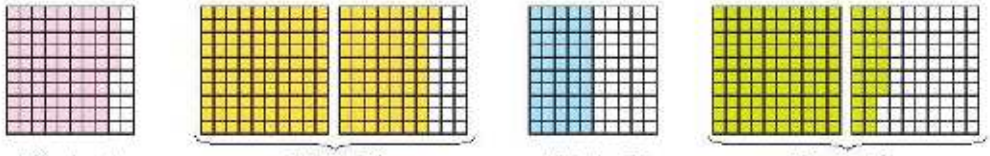

Hình A Hình B Hình C Hình D

a) Viết phân số thập phân và số thập phân chỉ phần tô màu ở mỗi hình rồi đọc các số thập phân đó.

b) Sắp xếp các số thập phân vừa viết theo thứ tự từ bé đến lớn.

c) Làm tròn các số thập phân trên đến hàng đơn vị.

2 Câu nào đúng, câu nào sai?

a) Số 2,22 gồm 2 trăm, 2 chục và 2 đơn vị.

b) Số 2,22 gồm 2 đơn vị, 2 phần mười và 2 phần trăm.

c) Số 2,22 gồm 2 đơn vị và 22 phần trăm.

Chân trời sáng tạo

3 >,<,=

a) 27,4 .?. 9,485

645,36 .?. 1000,5

b) 54,08 .?. 54,1

73 .?. 73,000

c) 86,03 .?. 86

20,2 .?. 20,02

4 Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn.

50,5; 5,05; 0,55; 5.

5 Viết một số thập phân lớn hơn 58,1 nhưng bé hơn 58,2.

6 Chọn ý trả lời đúng.

a) Số $\frac{45}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là:

A. 45,00 B. 4,5 C. 0,45 D. 0,045

b) Số gồm 9 phần mười và 1 phần nghìn viết là:

A. 90,1 B. 0,91 C. 0,091 D. 0,901

c) Trong các số dưới đây, số nào không bằng các số còn lại?

A. 0,7 B. 0,07 C. 0,70 D. 0,700

d) 5,013 > 5,0?3. Chữ số thích hợp để điền vào ? là:

A. 0 B. 1 C. 2 D. 3

7 Câu nào đúng, câu nào sai?

a) Trong số thập phân, mỗi đơn vị của một hàng bằng 10 đơn vị của hàng thấp hơn liền sau và bằng $\frac{1}{10}$ (hay 0,1) đơn vị của hàng cao hơn liền trước.

b) 1 triệu gấp 1 000 000 lần 1 nghìn.

c) 1 nghìn bằng $\frac{1}{1\,000}$ (hay 0,001) của 1 triệu.

Chân trời sáng tạo

8 Số?

Chiều cao của Thuý (tính theo mét) là số thập phân bé nhất có ba chữ số mà khi làm tròn số đó đến hàng phần mười thì được 1,5 m. Chiều cao của Thuý là .?. m.

9 Bạn Ly viết một số thập phân có ba chữ số, số này có các đặc điểm sau:

- Hàng phần mười là chữ số lẻ bé nhất.
- Hàng phần trăm là chữ số chẵn lớn nhất.
- Số này lớn hơn 4 nhưng bé hơn 5.

Bạn Ly đã viết số nào?

Khám phá

Dựa vào bảng số liệu, thay .?. ở biểu đồ bằng tên con vật thích hợp.

Độ sâu nhất khi bơi lội của một số con vật	
Tên con vật	Độ sâu (km)
Rùa da	1,2
Cá nòng nọc	7,7
Chim cánh cụt hoàng đế	0,275
Bạch tuộc Đăm-bô (Dumbo)	7

Đất nước em

Theo kết quả Tổng điều tra dân số năm 2019, dân số của một số dân tộc ở nước ta như sau:

Dân tộc Kinh: 82 085 826 người

Dân tộc Tày: 1 845 492 người

Dân tộc Thái: 1 820 950 người

Dân tộc Ê-đê: 398 671 người

a) Làm tròn số dân của mỗi dân tộc trên đến hàng nghìn.

b) Dựa vào số dân đã làm tròn, viết số dân theo đơn vị nghìn, đơn vị triệu.

Ví dụ: Làm tròn số 1 845 492 đến hàng nghìn thì được số 1 845 000.

Dân tộc Tày có khoảng 1 845 nghìn người hay khoảng 1,845 triệu người.

Dân tộc Kinh

Dân tộc Tày

Dân tộc Thái

Dân tộc Ê-đê

Chân trời sáng tạo

Bài 24 VIẾT CÁC SỐ ĐO ĐỘ DÀI DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN

Ví dụ 1: 8 dm = .?. m

$8\text{ dm} = \frac{8}{10}\text{ m} = 0{,}8\text{ m}$

Vậy: 8 dm = 0,8 m.

Ví dụ 2: 2 m 15 cm = .?. m

$2\text{ m }15\text{ cm} = 2\frac{15}{100}\text{ m} = 2{,}15\text{ m}$

Vậy: 2 m 15 cm = 2,15 m.

1 Viết các số đo sau dưới dạng số thập phân có đơn vị đo là mét.

a) 2 dm; 345 cm; 17 mm

b) 71 m 6 dm; 4 m 9 cm; 8 m 12 mm

Chân trời sáng tạo

1 Thay .?. bằng số thập phân thích hợp.

a) 8 dm 4 cm = .?. dm

1 cm 6 mm = .?. cm

b) 7 dm 2 cm = .?. m

6 cm 1 mm = .?. m

2 Sắp xếp các số đo dưới đây theo thứ tự từ lớn đến bé.

2 500 m; 2 km 5 m; 2,05 km; 2,25 km.

Trong truyện cổ tích *Cây tre trăm đốt*, nếu mỗi đốt tre dài 315 mm thì cây tre trăm đốt có cao bằng toà nhà 10 tầng với chiều cao là 33,25 m không? Vì sao?

Bài 25 VIẾT CÁC SỐ ĐO KHỐI LƯỢNG DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN

Ví dụ 1: 725 kg = .?. tấn

$725\text{ kg} = \frac{725}{1000}\text{ tấn} = 0{,}725\text{ tấn}$

Vậy: 725 kg = 0,725 tấn.

Ví dụ 2: 4 tấn 3 tạ = .?. tấn

$4\text{ tấn }3\text{ tạ} = 4\frac{3}{10}\text{ tấn} = 4{,}3\text{ tấn}$

Vậy: 4 tấn 3 tạ = 4,3 tấn.

1 Viết các số đo sau dưới dạng số thập phân có đơn vị đo là tấn.

a) 14 tạ; 72 yến; 5 kg

b) 54 tấn 6 tạ; 2 tấn 5 yến; 1 tấn 90 kg

1 Thay .?. bằng số thập phân thích hợp.

a) 9 tấn 8 tạ = .?. tấn

2 tạ 7 kg = .?. tấn

b) 4 150 g = .?. kg

9 kg 800 g = .?. kg

2 Trung bình mỗi ngày, một con voi ăn hết 150 kg thức ăn (cỏ, lá cây, trái cây, ...). Hỏi trong 30 ngày con voi đó ăn hết bao nhiêu tấn thức ăn?

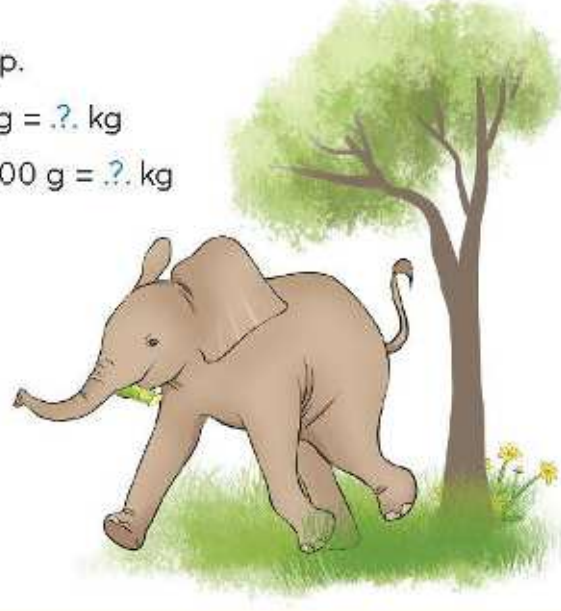

Bài 26 VIẾT CÁC SỐ ĐO DIỆN TÍCH DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN

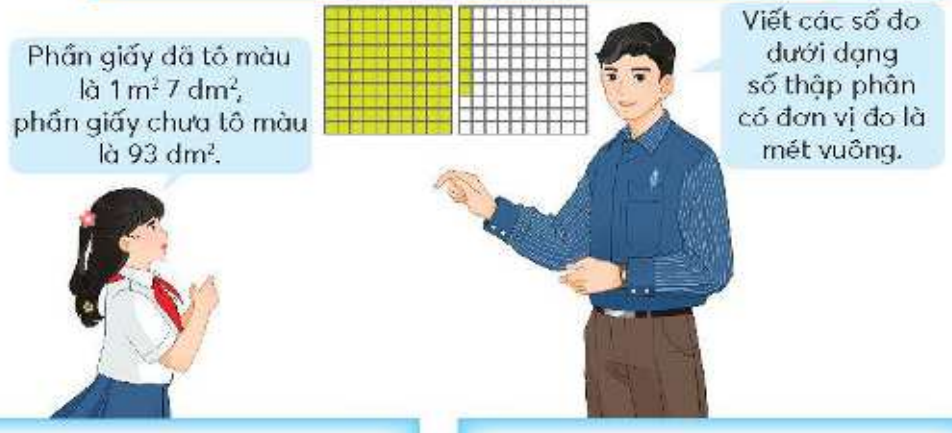

Ví dụ 1: 93 dm^2 = .?. m^2

93 $dm^2 = \frac{93}{100}\ m^2 = 0{,}93\ m^2$

Vậy: 93 dm^2 = 0,93 m^2.

Ví dụ 2: 1 m^2 7 dm^2 = .?. m^2

1 m^2 7 $dm^2 = 1\frac{7}{100}\ m^2 = 1{,}07\ m^2$

Vậy: 1 m^2 7 dm^2 = 1,07 m^2.

1 Viết các số đo sau dưới dạng số thập phân có đơn vị đo là mét vuông.

a) 342 dm^2; 504 cm^2 b) 80 m^2 26 dm^2; 7 m^2 1 cm^2

Chân trời sáng tạo

1 Thay .?. bằng số thập phân thích hợp.

a) 6 dm^2 42 cm^2 = .?. dm^2 b) 1 km^2 5 ha = .?. km^2

37 cm^2 6 mm^2 = .?. cm^2 2 ha 8 500 m^2 = .?. ha

2 Số thập phân?

Một thửa ruộng dạng hình chữ nhật có chiều dài 250 m, chiều rộng 75 m. Diện tích của thửa ruộng đó là .?. ha.

Căn phòng của bạn nào có diện tích lớn nhất?

Bài 27 EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

1 Chọn các đơn vị đo và mối quan hệ giữa hai đơn vị liền kề thích hợp.

m, dm, cm, mm	Hai đơn vị liền kề, đơn vị bé bằng $\frac{1}{10}$ (hay 0,1) đơn vị lớn.
tấn, tạ, yến, kg	
m^2, dm^2, cm^2, mm^2	Hai đơn vị liền kề, đơn vị bé bằng $\frac{1}{100}$ (hay 0,01) đơn vị lớn.

2 Thay .?. bằng số thập phân thích hợp.

a) 5 m 27 mm = .?. m

39 cm 6 mm = .?. m

14 tạ 4 kg = .?. tạ

b) 21 m^2 94 dm^2 = .?. m^2

83 m^2 16 cm^2 = .?. m^2

10 cm^2 5 mm^2 = .?. cm^2

3 Chọn ý trả lời đúng.

a) 1 m = .?. km, 1 g = .?. kg, 1 ml = .?. l

Số thích hợp điền vào .?. là:

A. $\frac{1}{10}$ B. $\frac{1}{100}$ C. $\frac{1}{1000}$ D. $\frac{1}{10\,000}$

b) 1 m^2 = .?. ha

Số thích hợp điền vào .?. là:

A. $\frac{1}{10}$ B. $\frac{1}{100}$ C. $\frac{1}{1000}$ D. $\frac{1}{10\,000}$

4 Thay .?. bằng số thập phân thích hợp.

a) 2 km 345 m = .?. km

75 tấn 61 kg = .?. tấn

3 l 250 ml = .?. l

b) 4 km^2 26 ha = .?. km^2

12 590 m^2 = .?. ha

6 ha 370 m^2 = .?. ha

Chân trời sáng tạo

5 Quan sát bảng sau.

Con vật	Bò tót châu Á	Hà mã	Cá sấu	Hươu cao cổ
Khối lượng	1 tấn 13 tạ	2 tấn 4 tạ	1040 kg	1 tấn 590 kg

a) Viết số đo khối lượng của mỗi con vật theo đơn vị tấn.

b) Con vật nào nặng nhất, con vật nào nhẹ nhất?

6 Số?

Một trường tiểu học nằm trên một khu đất hình chữ nhật.
Dưới đây là bản đồ của trường tiểu học vẽ theo tỉ lệ 1 : 1500.

Chân trời sáng tạo

a) Chiều dài thật của khu đất là .?. cm hay .?. m.
Chiều rộng thật của khu đất là .?. cm hay .?. m.

b) Diện tích thật của khu đất là .?. m^2 hay .?. ha.

Số?

Hồ nước ngọt tự nhiên lớn nhất Việt Nam là hồ Ba Bể (tỉnh Bắc Kạn).

Người ta ước tính diện tích mặt nước của hồ Ba Bể là 5 000 000 m^2. Diện tích mặt nước của hồ Ba Bể là .?. ha hay .?. km^2.

Bài 28 CỘNG HAI SỐ THẬP PHÂN

TIN TỨC

Nhiều hộ nông dân tỉnh Đồng Tháp đã trồng cây xoài trên diện tích đất được cấp mã vùng.

Xã	Diện tích đất cấp mã vùng
Tịnh Thới	32,65 ha
Tân Thuận Đông	61,94 ha

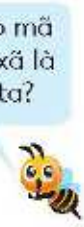

Ví dụ 1: 32,65 + 61,94 = ?

Ta có: $32,65 = \frac{3\,265}{100}$ $61,94 = \frac{6\,194}{100}$

$$32,65 + 61,94 = \frac{3\,265}{100} + \frac{6\,194}{100} = \frac{9\,459}{100} = 94,59$$

Vậy: 32,65 + 61,94 = 94,59

Đặt tính và tính như sau:

$$\begin{array}{r} 32,65 \\ +\ 61,94 \\ \hline 94,59 \end{array}$$

- Cộng như cộng hai số tự nhiên.
- Viết dấu phẩy ở tổng thẳng cột với các dấu phẩy của các số hạng.

Muốn cộng hai số thập phân ta làm như sau:

- *Viết số hạng này dưới số hạng kia sao cho các chữ số ở cùng một hàng thẳng cột với nhau.*
- *Cộng như cộng các số tự nhiên.*
- *Viết **dấu phẩy** ở tổng **thẳng cột** với các dấu phẩy của các số hạng.*

Ví dụ 2: Đặt tính rồi tính.

45,8 + 9,16

$$\begin{array}{r} 45,8 \\ +\ 9,16 \\ \hline 54,96 \end{array}$$

Chân trời sáng tạo

1 Cách đặt tính nào sai?

a) $\begin{array}{r} 17,5 \\ +\ 8,61 \\ \hline \end{array}$ b) $\begin{array}{r} 17,5 \\ +\ 8,61 \\ \hline \end{array}$ c) $\begin{array}{r} 4,2 \\ +\ 79 \\ \hline \end{array}$ d) $\begin{array}{r} 4,2 \\ +\ 79 \\ \hline \end{array}$

2 Đặt tính rồi tính.

a) 51,4 + 23,7 b) 51,3 + 2,68

c) 0,657 + 14,81 d) 36 + 2,94

1 Tính rồi so sánh giá trị của các biểu thức.

a) 67,3 + 0,14 và 0,14 + 67,3

Nhận xét: *Phép cộng các số thập phân có tính chất giao hoán.*

$a + b = b + a$

b) (3,8 + 4,7) + 2,3 và 3,8 + (4,7 + 2,3)

Nhận xét: *Phép cộng các số thập phân có tính chất kết hợp.*

$(a + b) + c = a + (b + c)$

2 Tính bằng cách thuận tiện.

a) 52,7 + 21,9 + 34,3 b) 0,4 + 0,8 + 0,2 + 0,6

c) 4,82 + 1,18 + 5,67 d) 3,1 + 4,3 + 6,9 + 5,7

Chân trời sáng tạo

3 Năm 2020, sản lượng xoài của nước ta khoảng 894,8 nghìn tấn. Năm 2021, sản lượng xoài tăng 104,8 nghìn tấn so với năm 2020. Hỏi cả hai năm, sản lượng xoài của nước ta khoảng bao nhiêu nghìn tấn?

Trong hình bên, ba trái xoài cát có khối lượng lần lượt là 0,62 kg; 0,7 kg; 0,78 kg. Con gà cân nặng 2 kg. Em hãy giúp các bạn nhỏ trả lời câu hỏi.

Bài 29 TRỪ HAI SỐ THẬP PHÂN

TIN TỨC

Năm 2020, sản lượng lúa nước ta là 42,78 triệu tấn. Năm 2021, mặc dù diện tích gieo trồng lúa giảm so với năm 2020 nhưng do năng suất tăng nên sản lượng lúa đạt 43,88 triệu tấn.

So với năm 2020, sản lượng lúa năm 2021 tăng bao nhiêu triệu tấn?

Ví dụ 1: $43,88 - 42,78 = ?$

Ta có: $43,88 = \frac{4\,388}{100}$ $\qquad 42,78 = \frac{4\,278}{100}$

$$43,88 - 42,78 = \frac{4\,388}{100} - \frac{4\,278}{100} = \frac{110}{100} = 1,1$$

Vậy: $43,88 - 42,78 = 1,1$

Đặt tính và tính như sau:

$$\begin{array}{r} 43,88 \\ -\ 42,78 \\ \hline 1,10 \end{array}$$

- Trừ như trừ hai số tự nhiên.
- Viết dấu phẩy ở hiệu thẳng cột với các dấu phẩy của số bị trừ và số trừ.

Muốn trừ hai số thập phân ta làm như sau:

- *Viết số trừ dưới số bị trừ sao cho các chữ số ở cùng một hàng thẳng cột với nhau.*
- *Trừ như trừ các số tự nhiên.*
- *Viết **dấu phẩy** ở hiệu **thẳng cột** với các dấu phẩy của số bị trừ và số trừ.*

Ví dụ 2: Đặt tính rồi tính.

$27,5 - 4,38$

$$\begin{array}{r} 27,5 \\ -\ 4,38 \\ \hline 23,12 \end{array}$$

27,5 bằng 27,50.

1 Đặt tính rồi tính.

a) $5,64 - 1,47$ b) $26,713 - 4,805$ c) $3,081 - 2,56$ d) $9 - 4,5$

Chân trời sáng tạo

2 $1 - 0,75 = .?.$

a) Tìm kết quả của phép trừ trên bằng cách dựa vào hình bên.

b) Tìm kết quả của phép trừ trên bằng cách đặt tính rồi tính.

1 Số?

Số bị trừ	65,812	7,91	.?.
Số trừ	7,538	.?.	125,3
Hiệu	.?.	0,4	21

2

a) Tính rồi so sánh giá trị của các biểu thức.

$1 - 0,31 - 0,19$ và $1 - (0,31 + 0,19)$

b) Số?

$3,6 - 0,7 - 0,3$
$= 3,6 - (0,7 + .?.)$
$= 3,6 - .?.$
$= .?.$

$4,67 - (1,27 + 2,4)$
$= 4,67 - 1,27 - .?.$
$= .?. - .?.$
$= .?.$

3 Tính.

a) $2,3 + 2,7 - 1,8$ b) $7,65 - 2,05 + 3,4$ c) $18,9 - 4,5 - 4,4$

4 Một cửa hàng có 16 tạ gạo. Buổi sáng, cửa hàng bán được 2,25 tạ gạo; buổi chiều bán được 1,25 tạ gạo. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu tạ gạo?

a) Năng suất lúa trung bình của cả nước năm 2021 đạt 6,06 tấn trên mỗi ha, tăng 0,18 tấn trên mỗi ha so với năm 2020.

Năng suất lúa trung bình của nước ta năm 2020 là bao nhiêu tấn trên mỗi héc-ta?

b) Năm 2021, tỉnh An Giang đã đạt được năng suất lúa trung bình là 6,63 tấn trên mỗi ha.

Năm 2021, năng suất lúa trung bình của tỉnh An Giang cao hơn năng suất lúa trung bình của cả nước là bao nhiêu tấn trên mỗi héc-ta?

Chân trời sáng tạo

Bài 30 EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

1 Chọn kết quả thích hợp với mỗi tổng.

A	2 000 + 700 + 20 + 3	S	2,723
B	200 + 70 + 2 + 0,3	T	27,23
C	20 + 7 + 0,2 + 0,03	U	272,3
D	2 + 0,7 + 0,02 + 0,003	V	2 723

2 Đặt tính rồi tính.

a) 782,6 + 51,34 b) 9,084 – 3,65 c) 7 – 0,17

3 Tính bằng cách thuận tiện.

a) 95,4 + 0,16 + 4,6 b) 3,82 + 1,88 + 2,18 + 2,12

4 Chọn ba trong năm số 1,7; 2,3; 2,7; 4,3; 6 để khi thay vào .?. thì ta được các phép tính đúng.

.?.	+	.?.	=	.?.

.?.	–	.?.	=	.?.

Chân trời sáng tạo

5 Số?

a) 4,65 + .?. = 6,37 b) .?. – 54,8 = 2,1 c) 17,2 – .?. = 9,4

6 Tìm số thứ bảy trong mỗi dãy số sau.

a) 0,25; 0,5; 0,75; 1; 1,25; ...

b) 0,1; 0,2; 0,4; 0,7; 1,1; ...

7 Giải bài toán theo tóm tắt dưới đây.

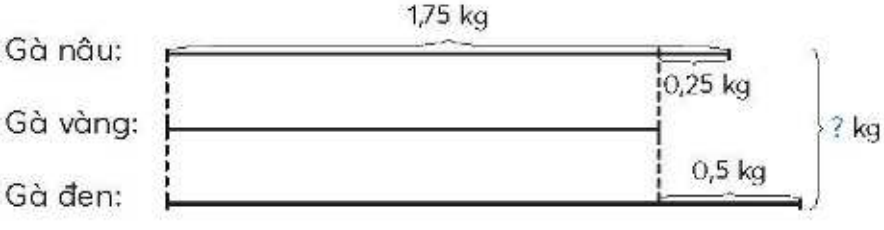

Bài 31 NHÂN MỘT SỐ THẬP PHÂN VỚI MỘT SỐ TỰ NHIÊN

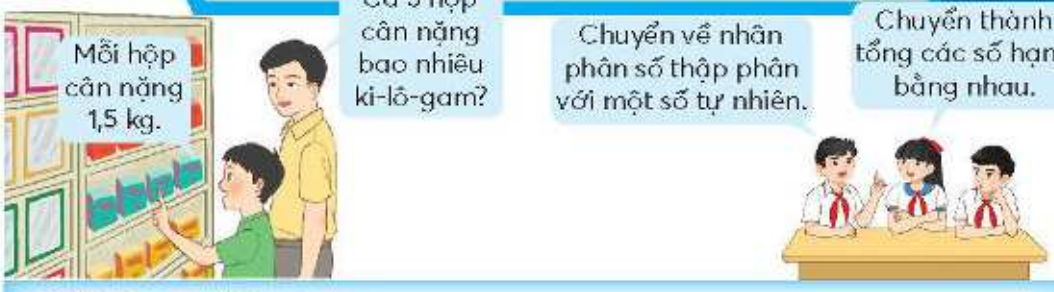

Ví dụ 1: $1,5 \times 3 = ?$

Ta có: $1,5 \times 3 = \frac{15}{10} \times 3 = \frac{45}{10} = 4,5$

Vậy: $1,5 \times 3 = 4,5$

Đặt tính và tính như sau:

$$\begin{array}{r} 1,5 \\ \times \quad 3 \\ \hline 4,5 \end{array}$$

- Nhân như nhân các số tự nhiên.
- Phần thập phân của số 1,5 có *một chữ số*, ta dùng dấu phẩy tách ở tích ra *một chữ số* kể từ phải sang trái.

Muốn nhân một số thập phân với một số tự nhiên ta làm như sau:

- *Đặt tính rồi **nhân** như nhân các số tự nhiên.*
- ***Đếm** xem trong phần thập phân của số thập phân có bao nhiêu chữ số rồi dùng dấu phẩy **tách** ra ở tích bấy nhiêu chữ số kể từ phải sang trái.*

Ví dụ 2: Đặt tính rồi tính.

$0,32 \times 24$

$$\begin{array}{r} 0,32 \\ \times \quad 24 \\ \hline 128 \\ 64 \\ \hline 7,68 \end{array}$$

1 Đặt tính rồi tính.

a) $1,7 \times 5$ b) $0,16 \times 8$ c) $5,4 \times 37$ d) $0,45 \times 12$

2 Mỗi giờ xe máy đi được 30,5 km. Hỏi trong 3 giờ xe máy đi được bao nhiêu ki-lô-mét?

Chân trời sáng tạo

Bài 32 NHÂN HAI SỐ THẬP PHÂN

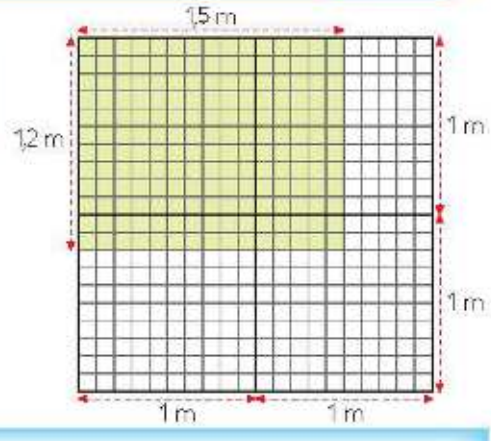

Ví dụ 1: $1,5 \times 1,2 = ?$

Ta có: $1,5 \times 1,2 = \frac{15}{10} \times \frac{12}{10} = \frac{180}{100} = 1,8$

Vậy: $1,5 \times 1,2 = 1,8$

Đặt tính và tính như sau:

$$\begin{array}{r} 1,5 \\ \times\ 1,2 \\ \hline 30 \\ 15 \\ \hline 1,80 \end{array}$$

- Nhân như nhân hai số tự nhiên.
- Hai thừa số có tất cả hai chữ số ở phần thập phân, ta dùng dấu phẩy tách ra ở tích hai chữ số kể từ phải sang trái.

Muốn nhân hai số thập phân ta làm như sau:

- *Đặt tính rồi* ***nhân*** *như nhân các số tự nhiên.*
- ***Đếm*** *xem trong phần thập phân của cả hai thừa số có bao nhiêu chữ số rồi dùng dấu phẩy* ***tách*** *ra ở tích bấy nhiêu chữ số kể từ phải sang trái.*

Ví dụ 2: Đặt tính rồi tính.

$0,51 \times 8,2$

$$\begin{array}{r} 0,51 \\ \times\ 8,2 \\ \hline 102 \\ 408 \\ \hline 4,182 \end{array}$$

Chân trời sáng tạo

1 Đặt tính rồi tính.

a) 2,6 × 5,1 b) 0,71 × 4,2 c) 0,18 × 0,54

2 Số?

Thừa số	0,83	3,4	0,94	5,8
Thừa số	7	0,62	1	0
Tích	.?.	.?.	.?.	.?.

1 Tính rồi so sánh giá trị của các biểu thức.

a) 6,4 × 7 và 7 × 6,4

5,3 × 8,2 và 8,2 × 5,3

Nhận xét: *Phép nhân các số thập phân có tính chất giao hoán.*

$a \times b = b \times a$

b) (9,2 × 2) × 0,5 và 9,2 × (2 × 0,5)

Nhận xét: *Phép nhân các số thập phân có tính chất kết hợp.*

$(a \times b) \times c = a \times (b \times c)$

2 Tính bằng cách thuận tiện.

a) 0,2 × 3,9 × 50 b) 6,7 × 2,5 × 40 c) 0,5 × 8,3 × 2 000

3 Một người đi xe đạp trung bình mỗi giờ đi được 14,5 km. Hỏi trong 2,5 giờ người đó đi được bao nhiêu ki-lô-mét?

4 Số?

Bác Ba sơn hai mặt của một bức tường có dạng hình chữ nhật cao 1,2 m và dài 7,5 m. Biết rằng để sơn mỗi mét vuông tường thì cần dùng 0,2 *l* sơn. Bác Ba cần dùng .?. *l* sơn để sơn bức tường đó.

Chân trời sáng tạo

Bài 33 NHÂN MỘT SỐ THẬP PHÂN VỚI 10; 100; 1 000; ... NHÂN MỘT SỐ THẬP PHÂN VỚI 0,1; 0,01; 0,001; ...

Mỗi bước chân của tớ dài 0,38 m. Từ trường về tới nhà tớ khoảng 1000 bước chân. Đố bạn, nhà tớ cách trường bao nhiêu mét?

0,38 × 1000

a) **Nhân một số thập phân với 10; 100; 1000; ...**

$0,38 \times 10 = ?$

$$\begin{array}{r} 0,38 \\ \times \quad 10 \\ \hline 3,80 \end{array}$$

0,38 × 10 = 3,8

$0,38 \times 100 = ?$

$$\begin{array}{r} 0,38 \\ \times \quad 100 \\ \hline 38,00 \end{array}$$

0,38 × 100 = 38

$0,38 \times 1\,000 = ?$

Hãy dự đoán kết quả.

Muốn nhân một số thập phân với 10; 100; 1 000; ... ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó sang bên phải lần lượt một; hai; ba; ... chữ số.

b) **Nhân một số thập phân với 0,1; 0,01; 0,001; ...**

$3,8 \times 0,1 = ?$

$$\begin{array}{r} 3,8 \\ \times \quad 0,1 \\ \hline 0,38 \end{array}$$

3,8 × 0,1 = 0,38

$3,8 \times 0,01 = ?$

$$\begin{array}{r} 3,8 \\ \times \quad 0,01 \\ \hline 0,038 \end{array}$$

3,8 × 0,01 = 0,038

$3,8 \times 0,001 = ?$

Hãy dự đoán kết quả.

Muốn nhân một số thập phân với 0,1; 0,01; 0,001; ... ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó sang bên trái lần lượt một; hai; ba; ... chữ số.

Chân trời sáng tạo

1 Tính nhẩm.

a) 1,67 × 10 4,93 × 100 2,82 × 1000

b) 5,4 × 0,1 46,3 × 0,01 391,5 × 0,001

1 Đổi từ đơn vị lớn hơn sang đơn vị bé hơn bằng cách *chuyển dấu phẩy*.

a) Ở hai ví dụ dưới đây, tại sao khi đổi đơn vị ta có thể chuyển dấu phẩy như vậy?

Ví dụ 1:

2,5 m = .?. cm

m	dm	cm	mm
2	, 5	0	

2,5 m = 250 cm

Ví dụ 2:

0,4 m^2 = .?. cm^2

m^2	dm^2	cm^2	mm^2
0	, 4 0	0 0	

0,4 m^2 = 4 000 cm^2

b) Số?

0,12 dm = .?. cm 4,5 tấn = .?. tạ 9,2 cm^2 = .?. mm^2

0,7 m = .?. mm 0,36 tấn = .?. kg 0,84 m^2 = .?. cm^2

Chân trời sáng tạo

Hoạt động thực tế

Em tìm hiểu cách tính độ dài quãng đường.

Bài 34 EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

1 Đặt tính rồi tính.

2,4 × 8 5,7 × 4,2 1,4 × 0,36 0,6 × 0,75

2 Tính nhẩm.

Mẫu: 0,3 × 50 = 0,3 × 10 × 5
= 3 × 5 = 15

a) 0,7 × 40 b) 0,6 × 700 c) 0,3 × 8 000
0,7 × 0,4 0,6 × 0,07 0,3 × 0,008

3 Số?

a) 12,5 km = .?. m b) 4,2 *l* = .?. m*l* c) 2,7 m^2 = .?. cm^2

4

a) Tính rồi so sánh giá trị của các biểu thức.

8,5 × (2,6 + 7,4) và 8,5 × 2,6 + 8,5 × 7,4

1,7 × 14,3 − 1,7 × 4,3 và 1,7 × (14,3 − 4,3)

Nhận xét: a × (b + c) = a × b + a × c
a × (b − c) = a × b − a × c

b) Tính bằng cách thuận tiện.

0,92 × 4,2 + 0,92 × 5,8 7,3 × 1,6 − 7,3 × 0,6

5 Một vùng trồng lúa dạng hình chữ nhật có chiều dài 1,2 km, chiều rộng 0,7 km.

a) Diện tích của vùng trồng lúa là bao nhiêu héc-ta?

b) Năng suất lúa trung bình của vùng này là 6,2 tấn trên mỗi ha. Hỏi sản lượng lúa của cả vùng là bao nhiêu tấn?

Chân trời sáng tạo

Bài 35 CHIA MỘT SỐ THẬP PHÂN CHO MỘT SỐ TỰ NHIÊN

Cắt sợi dây 4,5 m thành 3 đoạn dây dài bằng nhau. Hỏi mỗi đoạn dây dài bao nhiêu mét?

4,5 : 3

Ví dụ 1: 4,5 : 3 = ?

Ta có: $4,5 : 3 = \frac{45}{10} : 3 = \frac{45}{30} = \frac{15}{10} = 1,5$

Vậy: 4,5 : 3 = 1,5

Đặt tính và tính như sau:

```
4,5 | 3
1 5 | 1,5
 0
```

4,5 : 3 = 1,5

- 4 chia 3 được 1, viết 1;
  1 nhân 3 bằng 3; 4 trừ 3 bằng 1, viết 1.
- Viết dấu phẩy vào thương vừa tìm được (bên phải 1).
- Hạ 5, được 15; 15 chia 3 được 5, viết 5;
  5 nhân 3 bằng 15; 15 trừ 15 bằng 0, viết 0.

Muốn chia một số thập phân cho một số tự nhiên, ta đặt tính như chia hai số tự nhiên rồi thực hiện như sau:

- ***Chia phần nguyên*** *của số bị chia cho số chia.*
- ***Viết dấu phẩy*** *vào bên phải thương đã tìm được trước khi lấy chữ số đầu tiên ở phần thập phân của số bị chia để tiếp tục chia.*
- *Tiếp tục chia với từng chữ số ở phần thập phân của số bị chia.*

Chú ý: *Nếu phép chia còn dư, ta có thể viết thêm chữ số 0 vào bên phải số dư rồi tiếp tục chia.*

Ví dụ 2: Đặt tính rồi tính. 3,6 : 15

```
3,6 | 15
3 6 | 0,24
 60
  0
```

1 Đặt tính rồi tính.

a) 9,1 : 7 b) 2,8 : 4 c) 80,6 : 26 d) 15,3 : 30

1 Số?

Cả 3 con gà cân nặng 5,25 kg. Trung bình mỗi con gà cân nặng .?. kg.

Bài 36 CHIA MỘT SỐ TỰ NHIÊN CHO MỘT SỐ TỰ NHIÊN MÀ THƯƠNG LÀ MỘT SỐ THẬP PHÂN

Ví dụ 1: 6 : 4 = ?

Đặt tính và tính như sau:

6 | 4	• 6 chia 4 được 1, viết 1; 1 nhân 4 bằng 4; 6 trừ 4 bằng 2, viết 2.
20 | 1,5	• Viết dấu phẩy vào thương vừa tìm được (bên phải 1), viết thêm 0 vào bên phải 2 được 20. 20 chia 4 được 5, viết 5; 5 nhân 4 bằng 20; 20 trừ 20 bằng 0, viết 0.
0	

Khi chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên mà còn dư, ta chia tiếp như sau:

- ***Viết dấu phẩy*** *vào bên phải số thương.*
- ***Viết thêm một chữ số 0*** *vào bên phải số dư rồi chia tiếp.*
- *Nếu còn dư nữa, ta lại viết thêm chữ số 0 vào bên phải số dư rồi chia tiếp.*

Ví dụ 2: Đặt tính rồi tính.

29 : 25

29	25
40	1,16
150	
00	

1 Đặt tính rồi tính.

a) 3 : 5 b) 15 : 4 c) 51 : 12

2 Viết phân số $\frac{5}{8}$ dưới dạng số thập phân.

1 Làm 4 cái bánh như nhau hết 1 kg bột. Hỏi làm 6 cái bánh như thế hết bao nhiêu ki-lô-gam bột?

Chân trời sáng tạo

Bài 37 CHIA MỘT SỐ THẬP PHÂN CHO 10; 100; 1 000; ... CHIA MỘT SỐ THẬP PHÂN CHO 0,1; 0,01; 0,001; ...

a) **Chia một số thập phân cho 10; 100; 1000; ...**

• 1,15 : 10 = ?

1,15	10
11	0,115
15	
50	
0	

1,15 : 10 = 0,115

• 1,15 : 100 = ?

Dự đoán kết quả rồi dùng phép nhân để thử lại.

Muốn chia một số thập phân cho 10; 100; 1000; ... ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó sang bên trái lần lượt một; hai; ba; ... chữ số.

b) **Chia một số thập phân cho 0,1; 0,01; 0,001; ...**

• Tính rồi so sánh kết quả.

1,2 : 5 và (1,2 × 2) : (5 × 2)

86,4 : 20 và (86,4 : 2) : (20 : 2)

Khi nhân (hay chia) cả số bị chia và số chia với (cho) cùng một số khác 0 thì thương không thay đổi.

• Số?

7,2 : 0,1 = 72 : 1 = .?. 7,2 : 0,01 = 720 : 1 = .?.

Dự đoán: 7,2 : 0,001 = ?

Muốn chia một số thập phân cho 0,1; 0,01; 0,001; ... ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó sang bên phải lần lượt một; hai; ba; ... chữ số.

1 Tính nhẩm.

a) 42,7 : 10 61,3 : 100 76,5 : 1000

b) 0,9 : 0,1 21,6 : 0,01 8 : 0,001

1 Chọn các cặp biểu thức có giá trị bằng nhau.

A	742,5 : 10	B	742,5 : 100	C	742,5 : 1 000
K	742,5 × 0,001	L	742,5 × 0,1	M	742,5 × 0,01

Chân trời sáng tạo

Bài 38 EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

1 Tính nhẩm.

a) 7,4 : 10 5,12 : 100 265,8 : 1000

b) 18,2 : 0,1 60,6 : 0,01 4,92 : 0,001

2 Tính nhẩm.

a) 5,6 : 0,1
5,6 × 10

b) 0,172 : 0,01
0,172 × 100

c) 82: 0,001
82 × 1000

3 Đổi từ đơn vị bé hơn sang đơn vị lớn hơn bằng cách *chuyển dấu phẩy*.

a) Ở hai ví dụ dưới đây, tại sao khi đổi đơn vị ta có thể chuyển dấu phẩy như vậy?

Ví dụ 1:

36,1 cm = .?. m

m	dm	cm	mm
0	3	6	1

36,1 cm = 0,361 m

Ví dụ 2:

5 cm^2 = .?. m^2

m^2	dm^2	cm^2	mm^2
0	0 0	0 5	

5 cm^2 = 0,0005 m^2

b) Số?

8,2 cm = .?. dm 0,1 tạ = .?. tấn 64,9 mm^2 = .?. cm^2

76,3 mm = .?. m 345,8 kg = .?. tấn 120 cm^2 = .?. m^2

4 Tính giá trị của biểu thức.

a) 4,5 : 3 : 12 b) 15 : 2 : 15

5 Số?

Chia đều 7,5 tấn gạo cho 10 xã. Mỗi xã chia đều số gạo nhận được để có 100 phần quà.

a) Mỗi xã nhận được .?. tấn gạo.

b) Mỗi phần quà có .?. tấn gạo hay .?. kg gạo.

Chân trời sáng tạo

Bài 39 CHIA MỘT SỐ TỰ NHIÊN CHO MỘT SỐ THẬP PHÂN

Ví dụ 1: 2 : 0,5 = ?

Ta có: 2 : 0,5 = (2 × 10) : (0,5 × 10)

2 : 0,5 = 20 : 5

Đặt tính và tính như sau:

20 | 0,5	• Phần thập phân của 0,5 có một chữ số: viết thêm một chữ số 0 vào bên phải 2 được 20.
0 | 4	
2 : 0,5 = 4	• Bỏ dấu phẩy ở 0,5 được 5 rồi thực hiện phép chia 20 : 5.

Muốn chia một số tự nhiên cho một số thập phân ta làm như sau:

- ***Đếm** xem có bao nhiêu chữ số ở phần thập phân của số chia thì **viết thêm** vào bên phải số bị chia bấy nhiêu chữ số 0.*
- ***Bỏ** dấu phẩy ở số chia rồi thực hiện phép chia như chia các số tự nhiên.*

Chân trời sáng tạo

Ví dụ 2: Đặt tính rồi tính.

12 : 0,75

1200	0,75
450	16
00	

1 Đặt tính rồi tính.

a) 11 : 5,5 b) 456 : 3,8 c) 6 : 0,12 d) 15 : 0,25

2 Tính giá trị của biểu thức.

a) 12 : 1,8 : 0,75 b) 8 : 0,5 : 0,25

1 Chia 9 kg gạo vào các túi, mỗi túi chứa 1,5 kg gạo thì được bao nhiêu túi?

Bài 40 CHIA MỘT SỐ THẬP PHÂN CHO MỘT SỐ THẬP PHÂN

Bức tranh dạng hình chữ nhật có diện tích 4,24 m^2, chiều rộng là 1,6 m. Đố bạn, chiều dài bức tranh là bao nhiêu mét?

Ví dụ 1: 4,24 : 1,6 = ?

Ta có: 4,24 : 1,6 = (4,24 × 10) : (1,6 × 10)

4,24 : 1,6 = 42,4 : 16

Đặt tính và tính như sau:

```
4,2,4 | 1,6
1 0 4 | 2,65
  0 80
    00
```

42,4 : 16 = 2,65

- Phần thập phân của 1,6 có một chữ số, chuyển dấu phẩy của số 4,24 sang bên phải một chữ số.
- Bỏ dấu phẩy ở số 1,6 rồi thực hiện phép chia 42,4 : 16.

Muốn chia một số thập phân cho một số thập phân ta làm như sau:

- ***Đếm** xem có bao nhiêu chữ số ở phần thập phân của số chia thì **chuyển** dấu phẩy ở số bị chia sang bên phải bấy nhiêu chữ số.*
- ***Bỏ** dấu phẩy ở số chia rồi thực hiện phép chia như chia cho số tự nhiên.*

Ví dụ 2: Đặt tính rồi tính.

6,3 : 0,42

```
6,3 0 | 0,42
2 1 0 | 15
    0 0
```

1 Đặt tính rồi tính.

a) 3,36 : 0,8 b) 7,75 : 2,5 c) 0,255 : 0,06 d) 2,87 : 0,35

1 Mỗi bước nhảy của một con thỏ được 0,52 m. Hỏi con thỏ đó cần nhảy bao nhiêu bước để di chuyển hết quãng đường 7,8 m?

Chân trời sáng tạo

Bài 41 EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

1 Đặt tính rồi tính.

a) 18,75 : 15 b) 4 : 25 c) 8 : 3,2 d) 2,436 : 0,42

2 Tính nhẩm.

a) 4,1 : 0,1 b) 39 : 0,1 c) 1,25 : 0,01 d) 0,982 : 0,001

3 Chọn các cặp biểu thức có giá trị bằng nhau.

A	6 : 0,5	B	6 : 0,2	C	6 : 0,25
K	6 × 5	L	6 × 4	M	6 × 2

4 Số?

a) Chia một số cho 0,1 tức là nhân số đó với .?.

b) Chia một số cho 0,2 tức là nhân số đó với .?.

c) Chia một số cho 0,5 tức là nhân số đó với .?.

d) Chia một số cho 0,25 tức là nhân số đó với .?.

5 Số?

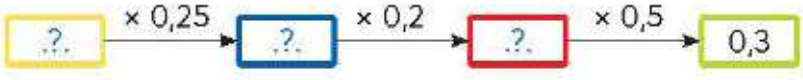

6 Tính giá trị của biểu thức.

a) 0,6 : 1,2 × 3,4 b) 58,26 – 70,02 : 1,8 c) 6,3 : (0,12 + 0,3)

7 Người ta rót hết 36 *l* dầu ăn vào các chai, mỗi chai chứa 0,75 *l* dầu. Cứ 6 chai dầu lại xếp vào 1 hộp. Hỏi cần bao nhiêu hộp để đựng hết số dầu đó?

Chân trời sáng tạo

8 Quan sát phép chia dưới đây.

$$\begin{array}{r|l} 2,65 & 12 \\ \hline 26 & 0,22 \\ 25 & \\ 1 & \end{array}$$

Trong phép chia này, số dư là 0,01.
Thử lại: $0,22 \times 12 + 0,01 = 2,65$.

Tìm số dư của phép chia sau rồi thử lại.

$$\begin{array}{r|l} 3,83 & 24 \\ \hline 38 & 0,15 \\ 143 & \\ 23 & \end{array}$$

9 May một cái áo sơ mi hết 1,6 m vải. Có 20 m vải thì may được nhiều nhất bao nhiêu cái áo sơ mi như thế và còn thừa bao nhiêu mét vải?

Số?

Thông thường 1 *l* dầu thực vật (dầu ăn) cân nặng 0,9 kg. Nếu lấy 1 tấn dầu thực vật đóng đều vào các chai, mỗi chai đựng 1 *l* thì cần khoảng .?. chai (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Số?

Dưới đây là biểu đồ cho biết khối lượng dầu thực vật được sản xuất ở nước ta từ năm 2015 đến năm 2018. Trong khoảng thời gian này, trung bình mỗi năm nước ta sản xuất .?. nghìn tấn dầu thực vật.

Khối lượng dầu thực vật đã sản xuất

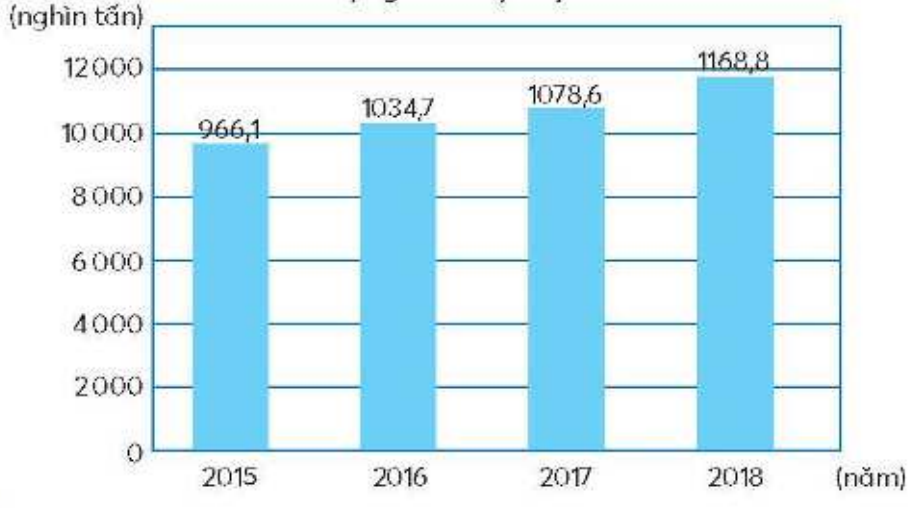

Chân trời sáng tạo

Bài 42 THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

PHÂN CHIA HẠT GIỐNG

1. Nhiệm vụ

Phân chia 1 kg hạt lúa thành hai phần để gieo mạ trên hai mảnh đất. Biết diện tích mảnh đất thứ hai gấp rưỡi diện tích mảnh đất thứ nhất và diện tích đất gieo mạ gấp lên bao nhiêu lần thì khối lượng lúa cần dùng cũng gấp lên bấy nhiêu lần.

2. Chuẩn bị

Học sinh trong lớp được chia theo các nhóm, mỗi nhóm cần chuẩn bị:

– 1 kg hạt lúa khô.

– Dụng cụ để đựng lúa sau khi chia.

Các nhóm dùng chung một cân đồng hồ.

3. Thực hiện

– Hoạt động nhóm.

Mỗi nhóm thảo luận: Nhận biết việc cần làm, nêu được cách thức giải quyết, thực hiện theo cách thức đã đề ra rồi thử lại.

– Hoạt động tập thể lớp.

Một nhóm trình bày các việc đã tiến hành của nhóm.

Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Giáo viên hệ thống, đánh giá công việc của mỗi nhóm.

Chân trời sáng tạo

3. HÌNH TAM GIÁC, HÌNH THANG, HÌNH TRÒN

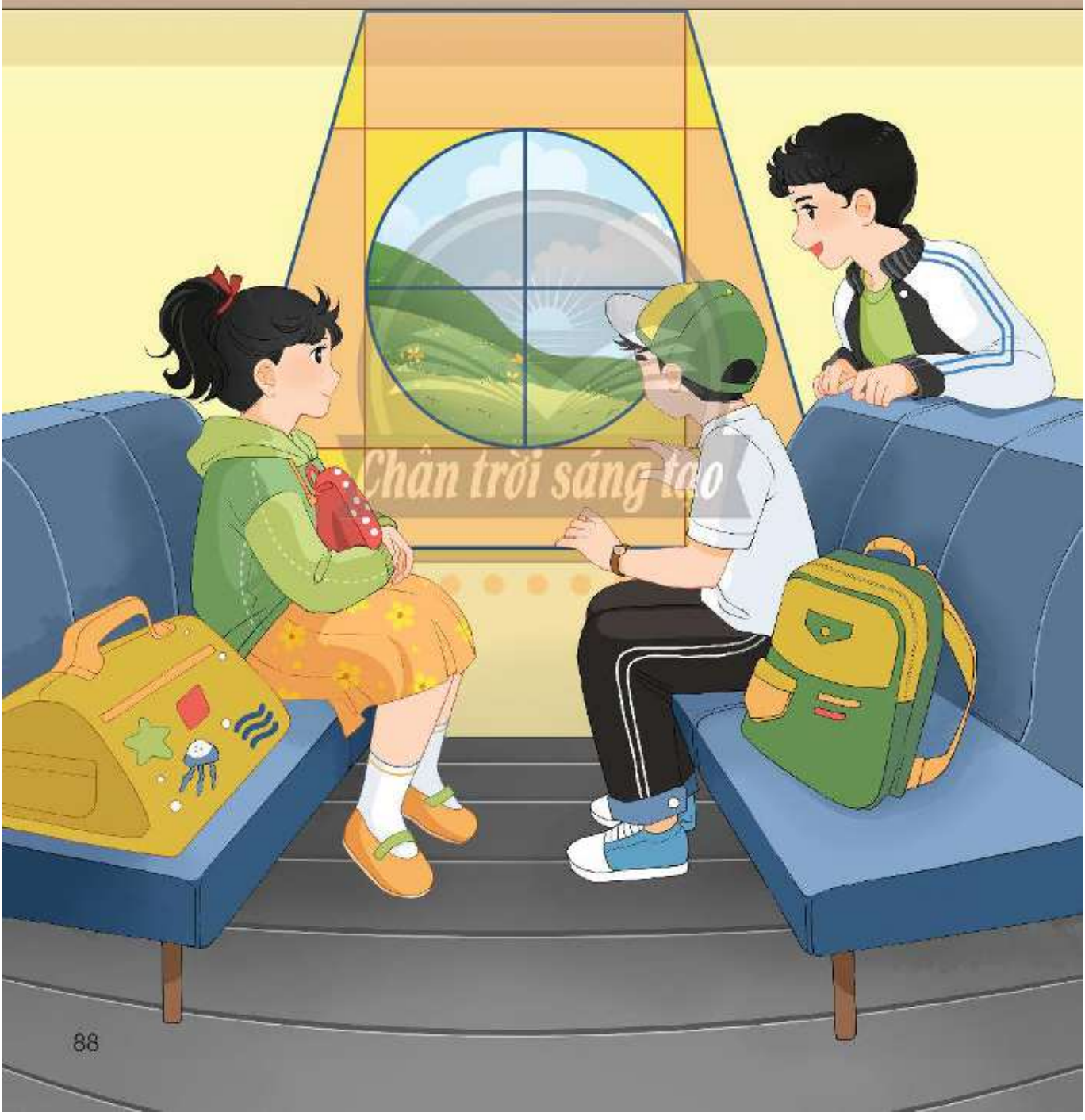

Bài 43 HÌNH TAM GIÁC

- **Hình tam giác**

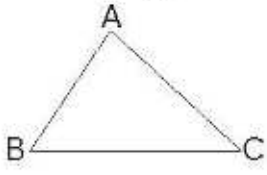

Hình tam giác ABC có: Ba đỉnh, ba cạnh, ba góc.
Thông thường, ta có thể gọi tắt hình tam giác ABC là tam giác ABC.

Gọi tên các đỉnh, cạnh, góc của tam giác ABC.

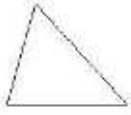

Tam giác nhọn

(Hình tam giác có ba góc nhọn)

Tam giác vuông

(Hình tam giác có một góc vuông)

Tam giác tù

(Hình tam giác có một góc tù)

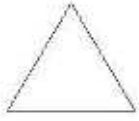

Tam giác đều

(Hình tam giác có ba góc 60°)

Chân trời sáng tạo

- **Đáy và đường cao**

Trong tam giác ABC, đoạn thẳng AH vuông góc với cạnh BC.

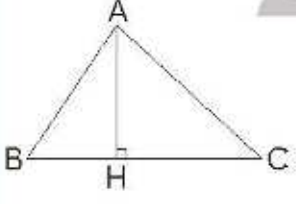

BC là đáy, AH là đường cao ứng với đáy BC.
Độ dài AH là chiều cao.

- **Vẽ đường cao của hình tam giác**

Ví dụ 1: Vẽ đường cao tương ứng với đáy LN của tam giác nhọn LMN.

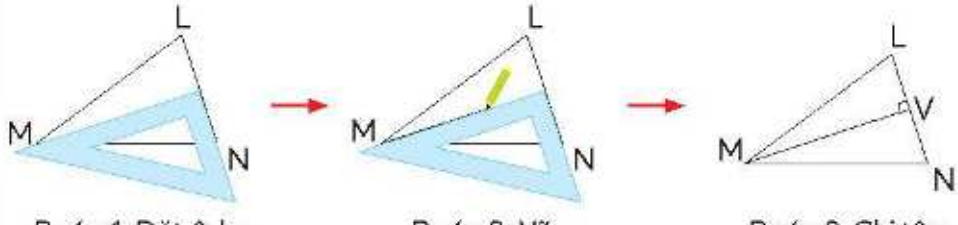

Bước 1: Đặt ê-ke.

Bước 2: Vẽ.

Bước 3: Ghi tên đường cao.

Ví dụ 2: Vẽ đường cao tương ứng với đáy DE của tam giác tù CDE.

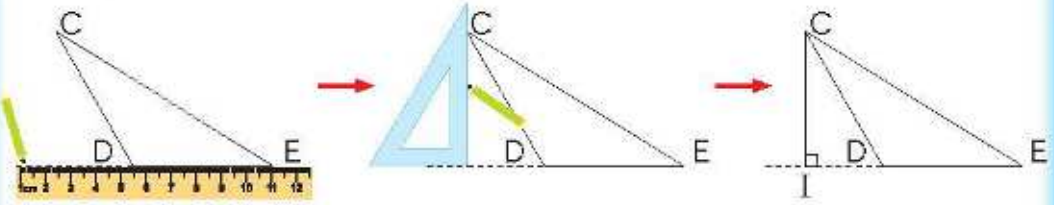

Bước 1: Vẽ kéo dài cạnh. Bước 2: Đặt ê-ke và vẽ. Bước 3: Ghi tên đường cao.

1 Nêu tên các hình tam giác, các cạnh, các góc của mỗi hình tam giác dưới đây và cho biết tam giác nào là tam giác nhọn, tam giác vuông, tam giác tù, tam giác đều.

So sánh độ dài ba cạnh của tam giác đều.

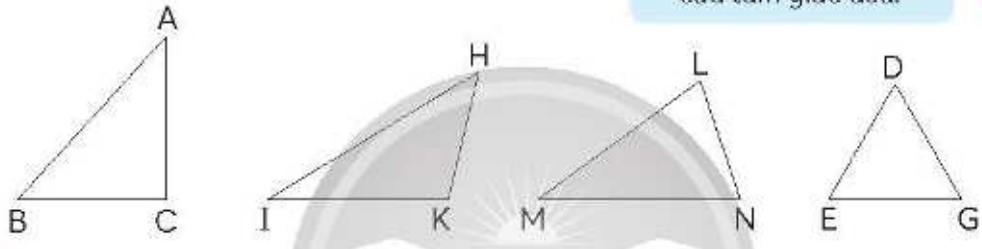

2 Nêu đường cao và đáy tương ứng được vẽ trong mỗi hình tam giác dưới đây.

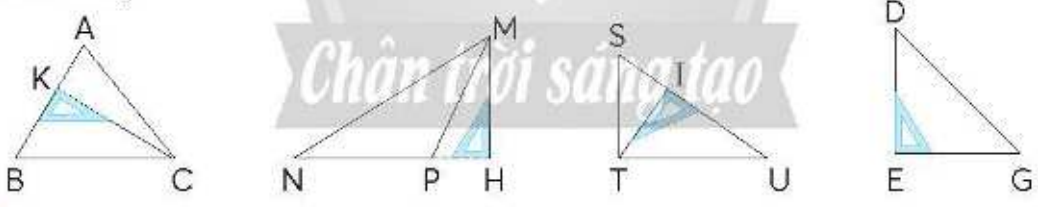

Chân trời sáng tạo

3 Dùng ê-ke, thước thẳng để vẽ đường cao tương ứng với đáy BC của tam giác ABC và đáy PR của tam giác PQR ở hình bên.

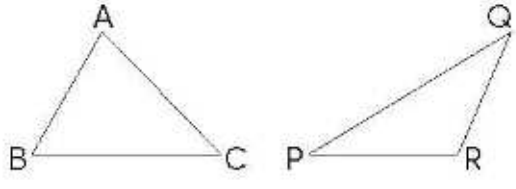

An đố Nhiên: Mình có hai tấm bìa hình tam giác như hình bên. Làm thế nào cắt một hình thành hai mảnh rồi ghép với hình còn lại để được một hình chữ nhật?

Em hãy giúp bạn Nhiên nhé!

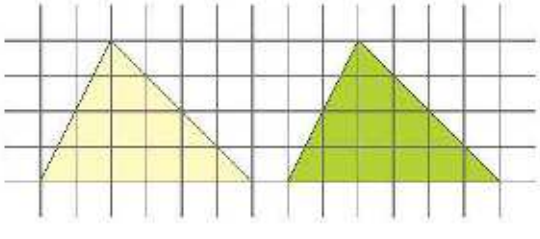

Bài 44 DIỆN TÍCH HÌNH TAM GIÁC

- **Tìm hiểu cách tính diện tích hình tam giác**

Ví dụ: Tính diện tích hình tam giác (xem hình), biết:

độ dài đáy là 6 cm,

chiều cao là 4 cm.

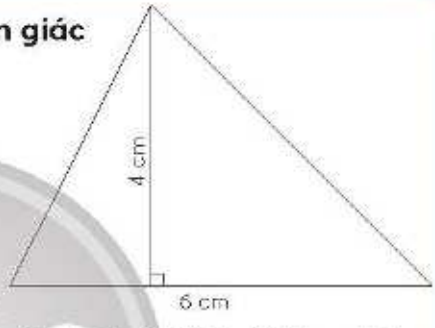

Dùng hai miếng bìa hình tam giác (xem hình dưới đây) rồi thực hiện như sau:

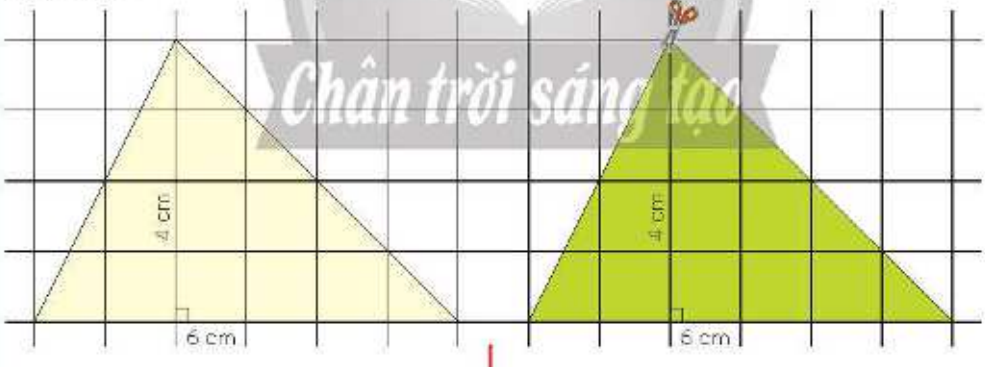

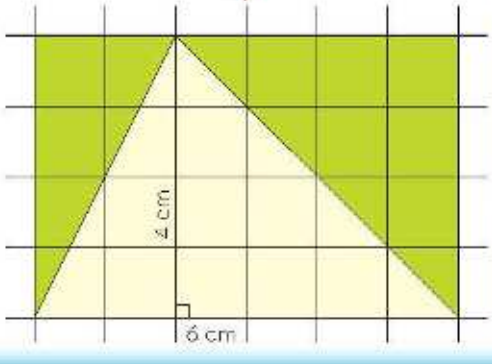

So sánh diện tích hình tam giác với diện tích hình chữ nhật ghép được.

Viết phép tính tìm diện tích hình chữ nhật.

Chân trời sáng tạo

Viết phép tính tìm diện tích hình tam giác:

$$\frac{6 \times 4}{2} = 12 \text{ (cm}^2\text{)}$$

- **Cách tính diện tích hình tam giác**

Muốn tính diện tích hình tam giác ta lấy độ dài đáy nhân với chiều cao tương ứng (cùng một đơn vị đo) rồi chia cho 2.

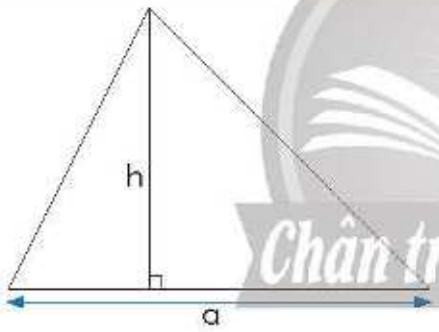

$$S = \frac{a \times h}{2}$$

(S là diện tích, a là độ dài đáy, h là chiều cao)

Chân trời sáng tạo

1 Tính diện tích mỗi hình tam giác sau.

a)

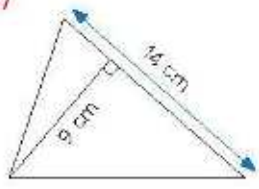

b)

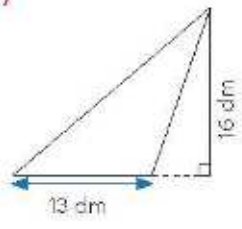

c)

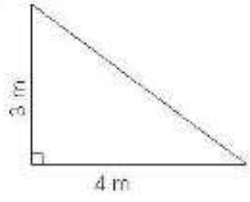

2 Tính diện tích hình tam giác có:

a) Độ dài đáy là 6 m và chiều cao là $\frac{2}{3}$ m.

b) Độ dài đáy là 4 dm và chiều cao là 30 cm.

3 Tính diện tích hình tam giác có độ dài đáy là a và chiều cao là h.

a) a = 0,6 dm; h = 1,4 dm.

b) a = $\frac{1}{2}$ cm; h = $\frac{4}{5}$ cm.

1 Một khu đất dạng hình tam giác có đáy là 12 m và chiều cao tương ứng là 18 m. Tính diện tích của khu đất đó.

2 Số?

Một tờ giấy hình chữ nhật được tô màu như hình bên. Diện tích phần tô màu đỏ là .?. cm^2.

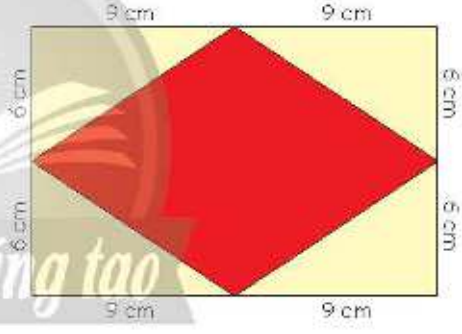

Chân trời sáng tạo

Bạn Đức cắt hình tam giác màu vàng theo hai đường kẻ màu đỏ để được ba mảnh. Ghép ba mảnh đó thành một hình chữ nhật.

Nêu nhận xét về diện tích hình chữ nhật và diện tích hình tam giác ban đầu.

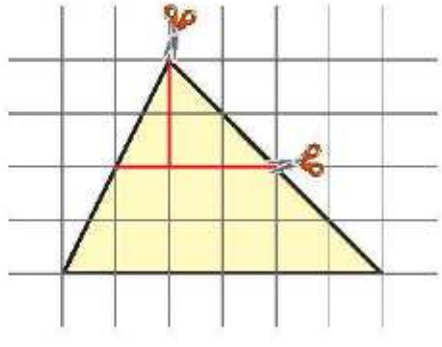

Bài 45 HÌNH THANG

- **Hình thang**

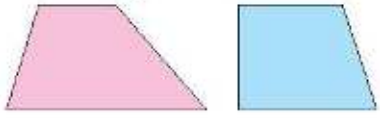

Đây là các hình thang.

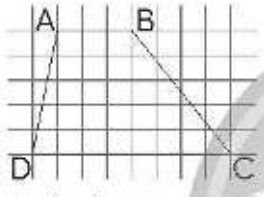

Hình thang ABCD

Hình thang ABCD có:
– Hai cạnh đáy AB và DC; hai cạnh bên AD và BC.
– Hai cạnh đáy song song với nhau.

AB, DC còn gọi là đáy bé, đáy lớn.

Hình thang có một cặp cạnh đối diện song song.

- **Đường cao của hình thang**

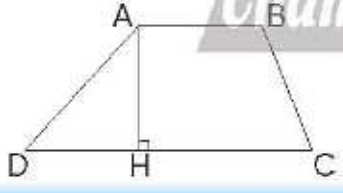

AH là đường cao của hình thang ABCD.

Độ dài AH là chiều cao.

Chân trời sáng tạo

1 Trong các hình dưới đây, hình nào là hình thang?

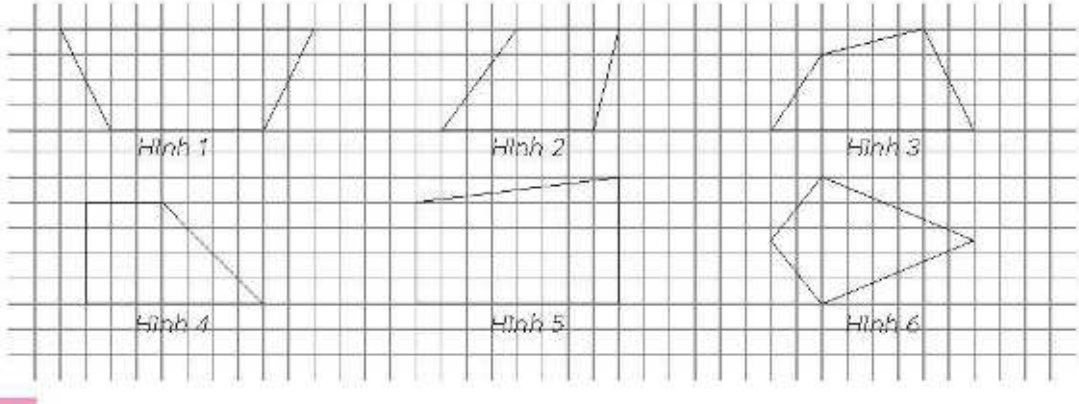

2 Xác định vị trí điểm C để có hình thang ABCD, biết rằng:

a) Hai đáy là AB và DC.

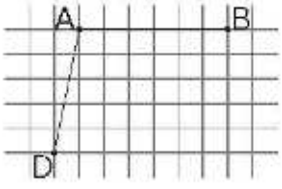

b) Hai đáy là AD và BC.

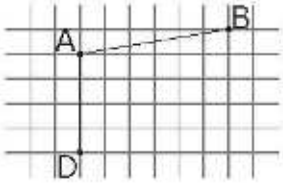

3 Quan sát hình thang MNPQ.

– Hình thang này có mấy góc vuông?

– Nêu tên cạnh bên vuông góc với hai đáy.

Hình thang có một cạnh bên vuông góc với hai đáy gọi là hình thang vuông.

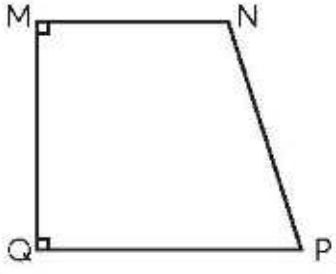

Ghép hai mảnh bìa ở hình bên để được:

a) Một hình thang.

b) Một hình tam giác.

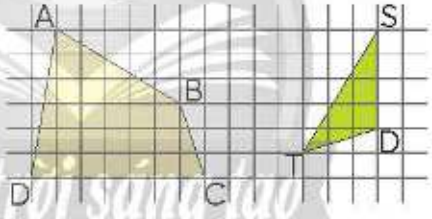

Tìm trong thực tế những hình ảnh có dạng hình thang.

Chân trời sáng tạo

Bài 46 DIỆN TÍCH HÌNH THANG

- **Tìm hiểu cách tính diện tích hình thang**

Ví dụ: Tính diện tích hình thang biết:

độ dài đáy lớn là 7 cm,

độ dài đáy bé là 3 cm,

chiều cao là 4 cm.

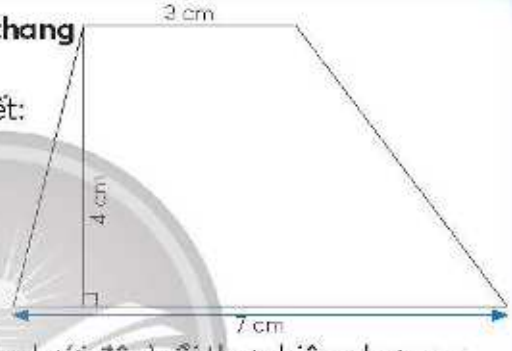

Dùng miếng bìa hình thang (xem hình dưới đây) rồi thực hiện như sau:

So sánh diện tích hình thang với diện tích hình tam giác ghép được.

Viết phép tính tìm diện tích hình tam giác.

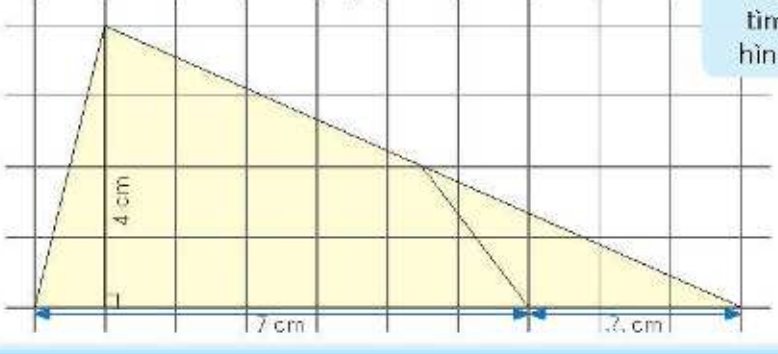

Chân trời sáng tạo

Viết phép tính tìm diện tích hình thang:

Độ dài đáy bé ◄

Độ dài đáy lớn ◄ ► Chiều cao

$$\frac{(7 + 3) \times 4}{2} = 20 \text{ (cm}^2\text{)}$$

- **Cách tính diện tích hình thang**

Muốn tính diện tích hình thang ta lấy tổng độ dài hai đáy nhân với chiều cao (cùng một đơn vị đo) rồi chia cho 2.

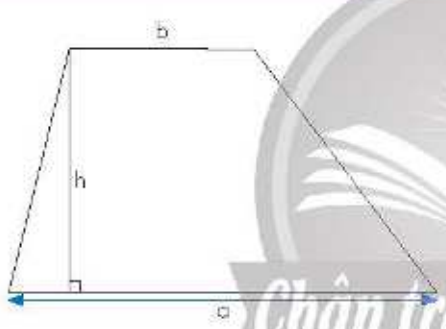

$$S = \frac{(a + b) \times h}{2}$$

(S là diện tích; a, b là độ dài hai đáy; h là chiều cao)

Chân trời sáng tạo

1 Tính diện tích mỗi hình thang sau.

a)

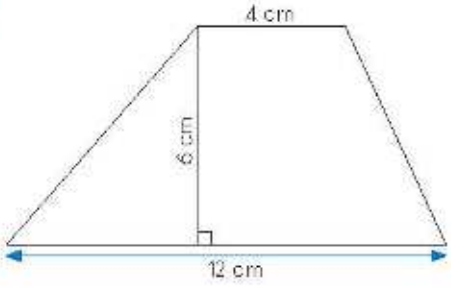

b)

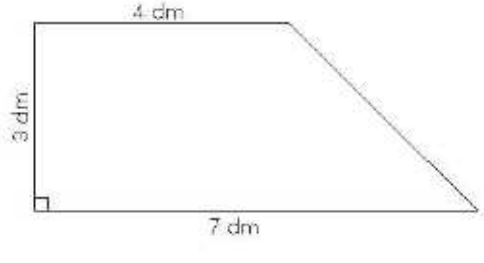

2 Tính diện tích hình thang có độ dài hai đáy là a và b, chiều cao là h.

a) $a = \frac{1}{2}$ m; $b = \frac{1}{4}$ m; $h = \frac{1}{3}$ m b) a = 2,7 dm; b = 1,8 dm; h = 20 cm

1 Lâm ghép bốn miếng bìa hình thang để tạo thành một khung tranh (xem hình bên). Mỗi miếng bìa có độ dài hai đáy là 30 cm và 50 cm, chiều cao là 10 cm. Tính diện tích khung tranh.

2 Một mảnh vườn dạng hình thang có độ dài hai đáy là 24 m và 18 m, chiều cao là 12 m. Biết rằng $\frac{2}{5}$ diện tích vườn để trồng hoa cúc, phần còn lại để trồng hoa hồng. Hỏi diện tích trồng hoa hồng là bao nhiêu mét vuông?

3 Câu nào đúng, câu nào sai?

a) Diện tích hình chữ nhật màu hồng bằng $\frac{1}{3}$ diện tích hình thang ABCD.

b) Diện tích hình tam giác ADH bằng $\frac{1}{4}$ diện tích hình thang ABCD.

c) Diện tích hình thang ABCH bằng $\frac{3}{4}$ diện tích hình thang ABCD.

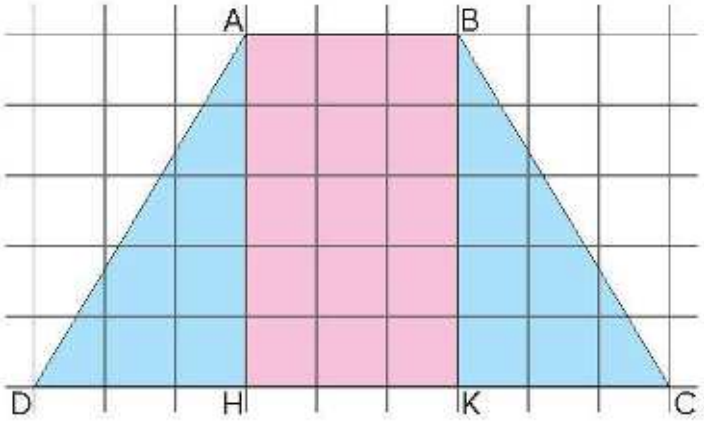

Chân trời sáng tạo

Bài 47 ĐƯỜNG TRÒN, HÌNH TRÒN

- **Đường tròn, hình tròn**

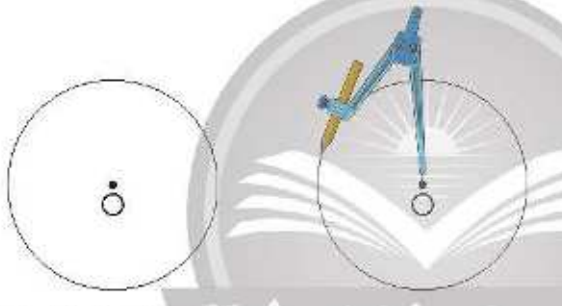

Đầu chì của com-pa vạch trên tờ giấy một *đường tròn*.

Hình tròn tâm O

Chân trời sáng tạo

- **Bán kính, đường kính của hình tròn**

Nối tâm O với điểm A trên đường tròn. Đoạn thẳng OA là *bán kính* của hình tròn.

Đoạn thẳng AB nối hai điểm A, B của đường tròn và đi qua tâm O là *đường kính* của hình tròn.

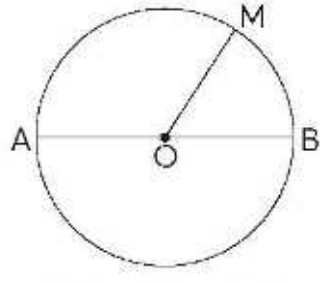

OA = OB = OM

Trong một hình tròn:

– *Tất cả các bán kính có độ dài bằng nhau.*

– *Đường kính dài gấp hai lần bán kính.*

1 Với mỗi hình tròn dưới đây, nói theo mẫu.

Mẫu: Hình tròn tâm B, bán kính BA và BC, đường kính AC.

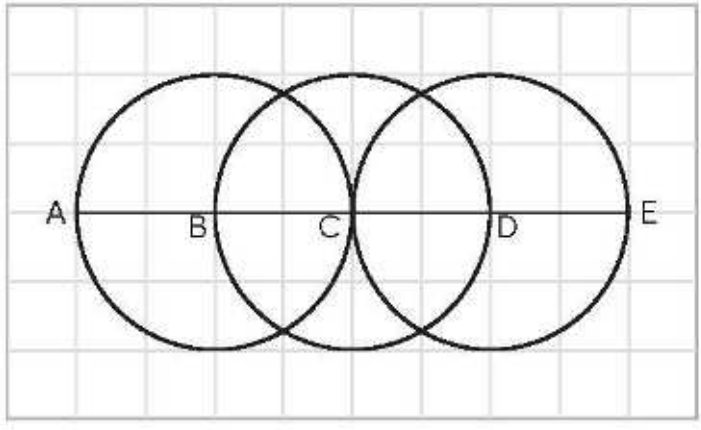

2 Sử dụng com-pa để vẽ hình tròn.

Mẫu: Vẽ hình tròn tâm O, bán kính 3 cm.

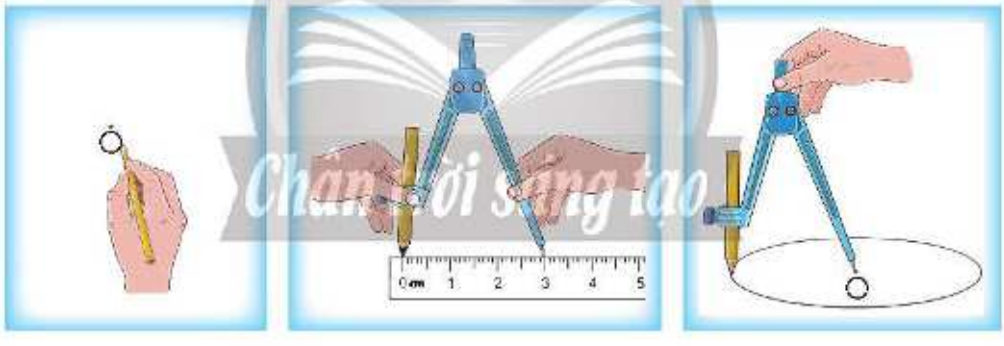

a) Vẽ hình tròn tâm K, bán kính 4 cm.

b) Vẽ hình tròn tâm C, đường kính 10 cm.

1 Số đo?

Bán kính của hình tròn	2 cm	2,5 cm	.?.
Đường kính của hình tròn	.?.	.?.	7,2 m

Chân trời sáng tạo

Bài 48 CHU VI HÌNH TRÒN

Độ dài của một đường tròn gọi là chu vi của hình tròn đó.

- **Tìm hiểu cách tính chu vi của hình tròn**

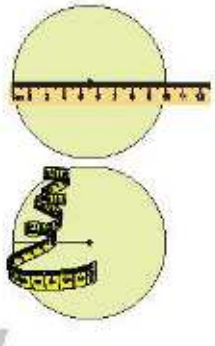

Mỗi nhóm dùng một tấm bìa cứng hình tròn có đường kính 5 cm hoặc 10 cm.

– Đo để tìm chu vi của tấm bìa hình tròn theo đơn vị mi-li-mét rồi đổi đơn vị sang xăng-ti-mét.

– Chia số đo chu vi cho độ dài đường kính (thương lấy đến hai chữ số ở phần thập phân).

– So sánh các kết quả tìm được rồi nêu cách tính chu vi hình tròn.

Chân trời sáng tạo

- **Cách tính chu vi của hình tròn**

Muốn tính chu vi của hình tròn ta lấy độ dài của đường kính nhân với số 3,14.

Gọi C là chu vi, d và r lần lượt là độ dài đường kính và bán kính hình tròn, ta có:

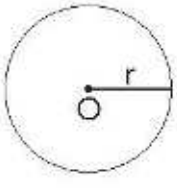

$C = d \times 3{,}14$ hay $C = 3{,}14 \times d$

$C = r \times 2 \times 3{,}14$ hay $C = 3{,}14 \times 2 \times r$

Ví dụ:

Chu vi của hình tròn đường kính 20 cm là: $20 \times 3{,}14 = 62{,}8$ (cm).

Chu vi của hình tròn bán kính 1,5 m là: $1{,}5 \times 2 \times 3{,}14 = 9{,}42$ (m).

1 Tính chu vi của hình tròn biết đường kính d.

a) d = 3 m b) d = 4,2 dm c) $d = \frac{3}{4}$ cm

2 Tính chu vi của hình tròn biết bán kính r.

a) r = 36 mm b) r = 0,7 cm c) $r = \frac{1}{2}$ m

1 Tính chu vi của các hình tròn sau:

a)

b)

2 Vành của chiếc nón lá có dạng đường tròn. Hỏi một nón lá có đường kính vành nón là 40 cm thì độ dài vành nón đó là bao nhiêu?

Chân trời sáng tạo

3 Một sợi dây thép được sử dụng để làm một cái khung như hình bên. Biết độ dài đường kính của hai hình tròn là 0,6 m và 0,9 m. Tính độ dài sợi dây thép đó.

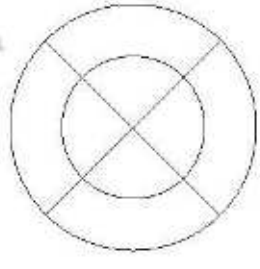

Số?

Đường kính của một bánh xe đạp là 0,4 m.

a) Chu vi của bánh xe đó là .?. m.

b) Chú hề sẽ đi được .?. m nếu bánh xe lăn trên mặt đất được 1000 vòng.

Bài 49 DIỆN TÍCH HÌNH TRÒN

- **Cách tính diện tích hình tròn**

Muốn tính diện tích của hình tròn ta lấy độ dài bán kính nhân với chính nó rồi nhân với số 3,14.

Gọi S là diện tích, r là độ dài bán kính hình tròn,

ta có: $S = r \times r \times 3,14$

hay $S = 3,14 \times r \times r$

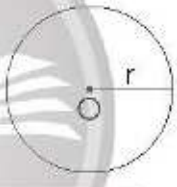

Ví dụ:

Diện tích hình tròn có bán kính 3 dm là:

$3 \times 3 \times 3,14 = 28,26$ (dm²).

Chân trời sáng tạo

1 Tính diện tích hình tròn biết bán kính r.

a) r = 5 dm b) r = 0,3 cm c) $r = \frac{1}{2}$ m

2 Tính diện tích hình tròn biết đường kính d.

a) d = 8 cm b) d = 0,4 dm c) $d = \frac{6}{5}$ m

1 Tính diện tích của các hình tròn sau.

a)

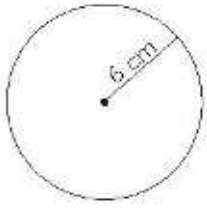

b)

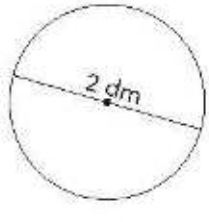

2 Số đo?

Bán kính hình tròn	4 cm	0,2 m	0,1 dm
Chu vi hình tròn	?.	?.	?.
Diện tích hình tròn	?.	?.	?.

3 Một chiếc bàn gồm hai mặt hình tròn xếp chồng lên nhau (xem hình). Hình tròn nhỏ có bán kính 2 dm, hình tròn lớn có bán kính 6 dm. Tính diện tích phần không bị che của hình tròn lớn.

4 Hình bên là một hình tròn có bán kính 5 cm nằm trong một hình vuông. Tính diện tích phần tô màu.

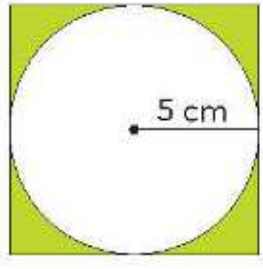

5 Câu nào đúng, câu nào sai?

Hình tròn bên được chia thành 5 phần bằng nhau.

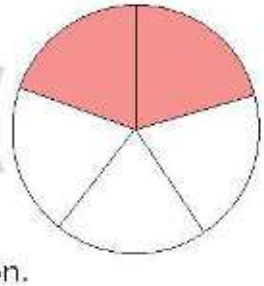

a) Diện tích hình tròn gấp 4 lần diện tích phần tô màu.

b) Diện tích phần tô màu bằng $\frac{1}{5}$ diện tích hình tròn.

c) Diện tích phần tô màu bằng 0,4 diện tích hình tròn.

Khám phá

Quan sát hình ảnh các bạn học sinh lớp 5. Theo em, diện tích bề mặt sân khấu hình tròn dưới đây khoảng bao nhiêu mét vuông? (Làm tròn số đo bán kính theo đơn vị mét đến hàng đơn vị.)

Chiều dài sải tay của một người thường bằng số đo chiều cao của người đó.

Chân trời sáng tạo

Bài 50 EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

1 Quan sát hình bên.

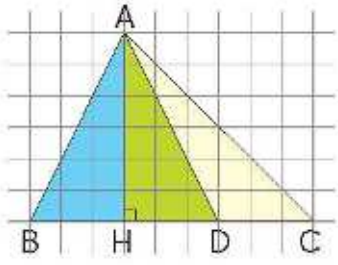

a) Chọn từ *vuông*, *nhọn* hay *tù* để thay vào .?. cho thích hợp.
- Tam giác ABC là tam giác .?.
- Tam giác ABH là tam giác .?.
- Tam giác ADC là tam giác .?.

b) *Bằng nhau* hay *không bằng nhau*?
Các tam giác ABH, AHD, ADC có diện tích .?.

c) Biết BC = 4,5 cm; AH = 3 cm. Tính diện tích tam giác ABC.

2 Ở hình bên, tam giác STV được ghép bởi bốn hình tam giác đều. Tam giác STV có là tam giác đều không?

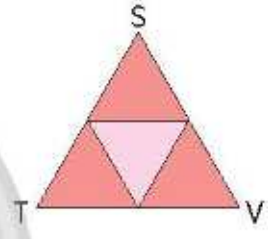

3 Quan sát biển báo giao thông hình tròn ở hình bên.

- Hình tròn lớn có đường kính 70 cm.
- Hình tròn nhỏ có đường kính 50 cm.

a) Tính chu vi của biển báo.

b) Tính diện tích phần màu đỏ của biển báo.

4 Tính tổng diện tích phần kính màu hồng và màu tím trên khung cửa sổ ở hình bên.

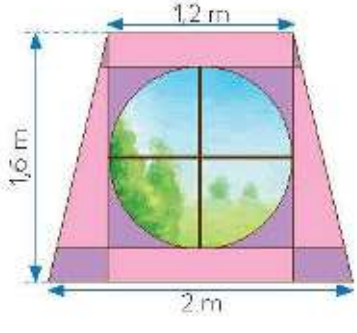

Bài thơ về diện tích hình thang.

Muốn tìm diện tích hình thang,
Đáy lớn, đáy bé ta mang cộng vào.
Thế rồi nhân với chiều cao,
Chia đôi lấy nửa thế nào cũng ra!
(Sưu tầm)

Chân trời sáng tạo

Bài 51 THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

VẼ HÌNH VÀ TRANG TRÍ

1. Vẽ hình trên giấy kẻ ô vuông.

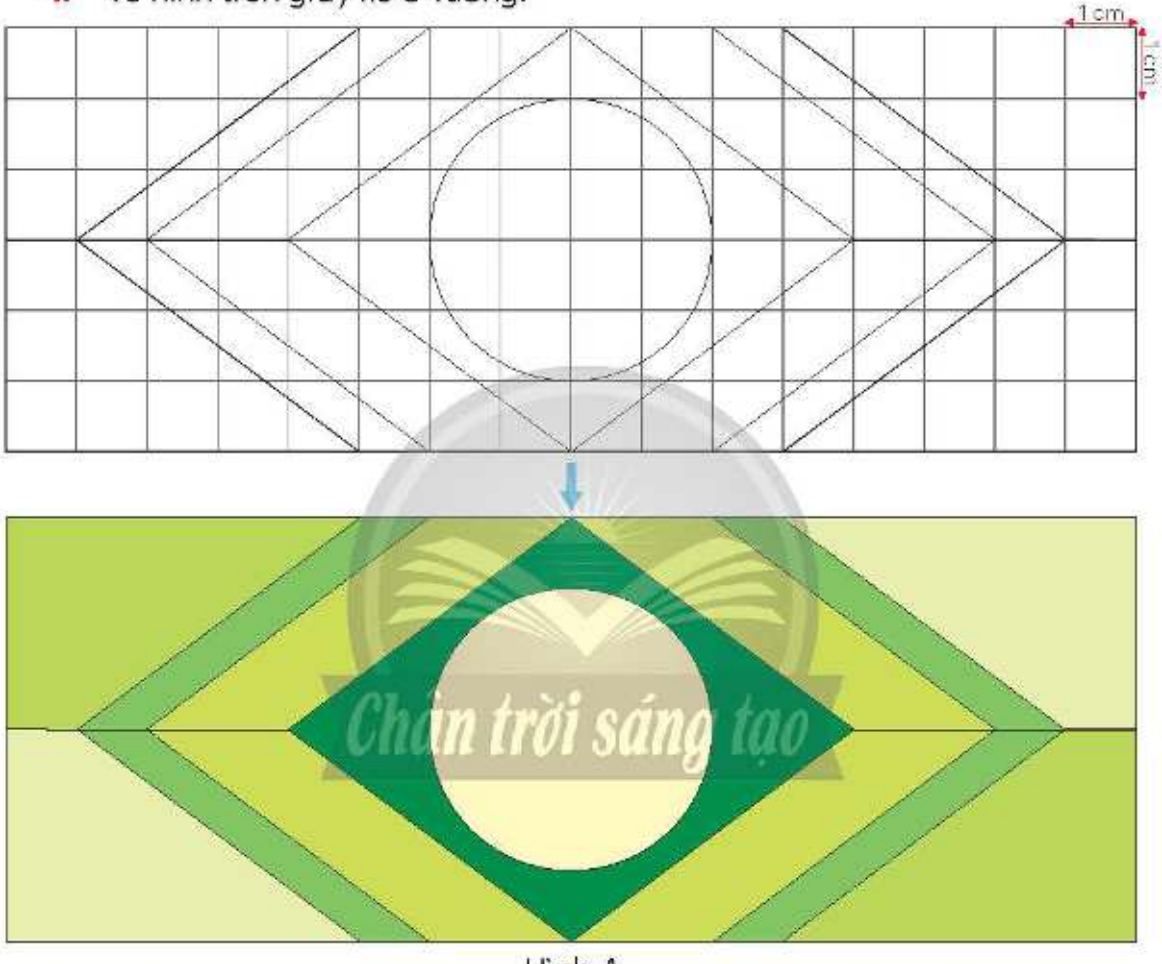

Hình A

2. Tính tiền mua sơn để trang trí.

Để chuẩn bị cho lễ hội, người ta dự định dùng sơn vẽ trang trí một bức tường và sử dụng hình A làm bản vẽ với tỉ lệ $\frac{1}{60}$.

a) Kích thước (chiều dài, chiều rộng) thật của hình trang trí trên bức tường là bao nhiêu mét?

b) Trung bình, để sơn mỗi mét vuông tường cần 50 000 đồng mua sơn. Hỏi trang trí xong bức tường thì cần bao nhiêu tiền mua sơn?

Chân trời sáng tạo

4. ÔN TẬP HỌC KÌ 1

Bài 52 ÔN TẬP SỐ THẬP PHÂN

1 Chọn ý trả lời đúng nhất.

Cả hai bình ở hình bên chứa bao nhiêu lít nước?

A. $1\frac{5}{10}$ *l* B. $\frac{15}{10}$ *l*

C. 1,5 *l* D. Cả ba ý trên đều đúng.

2 Đọc số thập phân, nêu phần nguyên, phần thập phân và cho biết mỗi chữ số của các số đó thuộc hàng nào.

a) 6,37 b) 0,945

3 >, <, =

a) 4,790 .?. 4,79 b) 82,5 .?. 82,49 c) 22,36 .?. 223,6

4 Sắp xếp các ba lô (A, B, C, D) dưới đây theo thứ tự từ nặng đến nhẹ.

2,785 kg $\frac{14}{5}$ kg 2,825 kg $2\frac{3}{4}$ kg

5 Làm tròn mỗi số thập phân sau đến hàng có chữ số màu đỏ.

a) 45,37 b) 99,99 c) 3,651 d) 0,788

Chân trời sáng tạo

6 Câu nào đúng, câu nào sai?

a) Hỗn số $8\frac{4}{5}$ được viết dưới dạng số thập phân là 8,4.

b) Số thập phân có ba đơn vị và mười lăm phần nghìn được viết là 3,15.

c) Số tự nhiên có thể viết dưới dạng số thập phân với phần thập phân bằng 0.

Chú mèo dùng các chữ số 0; 3; 5; 7 để viết được các số thập phân dưới đây. Em hãy giúp chú mèo viết số thứ sáu.

0,357	0,375	0,537	0,573	0,735	.?.

Số?

Bạn Sơn cao 1,4 m, bạn Hồng cao 1,5 m. Bạn Đào cao hơn bạn Sơn nhưng thấp hơn bạn Hồng. Biết chiều cao của bạn Đào (theo đơn vị mét) là số thập phân có ba chữ số, trong đó chữ số hàng phần trăm là số chia hết cho 5.

Bạn Đào cao .?. m.

Chân trời sáng tạo

Bài 53 ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ THẬP PHÂN

1 Đặt tính rồi tính.

a) 25,62 + 3,48

7,905 + 83,16

b) 30,3 – 5,7

91 – 44,5

2 Tính bằng cách thuận tiện.

a) 17,8 + 8,53 + 1,47 + 82,2

b) 63,4 + 3,66 + 36,6 + 6,34

3 Số?

a) 0,5 + .?. = 1

b) .?. – 0,25 = 1

c) 1 – .?. = 0,125

Trò chơi

Mỗi bạn tìm ba số thích hợp để thay vào .?.

Bạn nào tìm đúng số và nhanh nhất thì thắng cuộc.

Chân trời sáng tạo

4 Đặt tính rồi tính.

a) 3,8 × 24

b) 0,56 × 4,5

5 Tính.

Mẫu: 9,52 : 2,8

9,5,2	2,8
1 1 2	3,4
0 0	

a) 3,36 : 8

b) 84 : 1,2

c) 1,15 : 4,6

6 Tính nhẩm.

a) $61,4 \times 10$ $61,4 : 10$

b) $50,37 \times 100$ $50,37 : 100$

c) $829,2 \times 1000$ $829,2 : 1000$

7 Số?

a) $0,58 \times 0,1 = 0,58 : .?.$ $7,6 : 0,1 = 7,6 \times .?.$

b) $34 \times 0,5 = 34 : .?.$ $21 : 0,5 = 21 \times .?.$

c) $8 \times 0,25 = 8 : .?.$ $6 : 0,25 = 6 \times .?.$

8 Số?

a) $0,25 \times .?. = 1$

b) $.?. : 0,1 = 10$

c) $1 : .?. = 2$

9 Tính bằng cách thuận tiện.

a) $40 \times 9,8 \times 2,5$

b) $0,38 \times 7,4 + 0,38 \times 2,6$

10 Tính giá trị của biểu thức.

a) $6,85 - 1,5 \times 0,12 + 2,029$

b) $15 : (6,3 - \frac{3}{4} \times 0,4)$

11 Số?

Mẹ mua 1,5 kg cam hết 27 000 đồng. Sau đó mẹ mua thêm 2,5 kg cam cùng loại. Mẹ đã mua cam hết .?. đồng.

12 Số?

Một gói bánh và một gói kẹo nặng tất cả 1 kg. Gói bánh nặng hơn gói kẹo 0,5 kg. Gói bánh cân nặng .?. kg, gói kẹo cân nặng .?. kg.

Chân trời sáng tạo

13 Sợi dây thứ nhất dài 1,2 m. Sợi dây thứ hai dài gấp 3 lần sợi dây thứ nhất. Độ dài sợi dây thứ ba bằng trung bình cộng độ dài hai sợi dây đầu. Tính tổng độ dài của ba sợi dây.

14 Người ta rót hết 10 *l* dầu vào hai bình trống. Số dầu trong bình thứ nhất bằng $\frac{3}{5}$ số dầu trong bình thứ hai. Hỏi mỗi bình có bao nhiêu lít dầu?

15 Số?

Trong một trò chơi dân gian, đội A cứ lấy về được 2 *l* nước thì đội B lấy được 3 *l* nước. Cuối cùng, đội B lấy được nhiều hơn đội A là 5,5 *l* nước.

Đội A đã lấy được .?. *l* nước.

Đội B đã lấy được .?. *l* nước.

Số?

Nếu sau 0,5 *l* nước từ bình màu đỏ sang bình màu xanh thì lượng nước trong hai bình bằng nhau.

Cả hai bình có 6 *l* nước.

Bình màu đỏ có .?. *l* nước.

Bình màu xanh có .?. *l* nước.

Chân trời sáng tạo

Bài 54 ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

1 Câu nào đúng, câu nào sai?

a) Mỗi hình tam giác chỉ có một đường cao.

b) Hai đáy của hình thang song song với nhau.

c) Các bán kính của một hình tròn dài bằng nhau.

2 Nêu tên các hình tam giác nhọn, tam giác vuông, tam giác tù, tam giác đều trong các hình dưới đây.

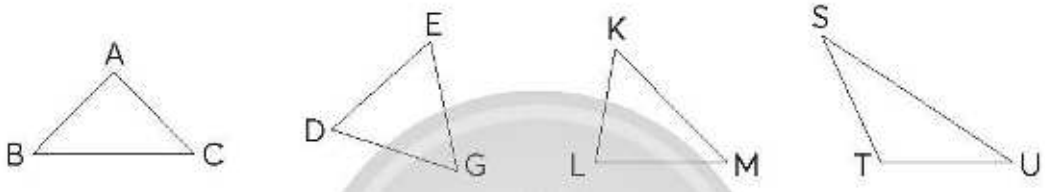

3 Thay .?. bằng các công thức phù hợp.

a) Hình tam giác có S là diện tích, a là độ dài đáy, h là chiều cao.

S = .?.

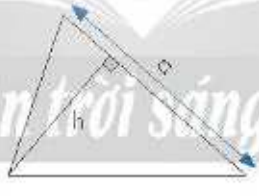

b) Hình thang có S là diện tích; a, b là độ dài hai đáy; h là chiều cao.

S = .?.

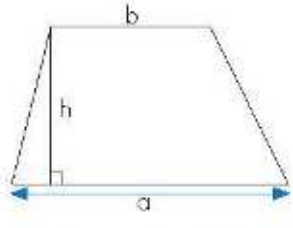

c) Hình tròn có C là chu vi, S là diện tích, r và d lần lượt là bán kính, đường kính.

C = .?.

S = .?.

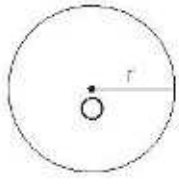

Chân trời sáng tạo

4 Một bồn hoa hình tròn được chia thành 6 phần bằng nhau để trồng hai loại hoa (xem hình). Bản vẽ của bồn hoa ở hình bên có tỉ lệ $\frac{1}{100}$.

a) Tìm bán kính thật của bồn hoa.

b) Trên thực tế, diện tích trồng mỗi loại hoa là bao nhiêu mét vuông?

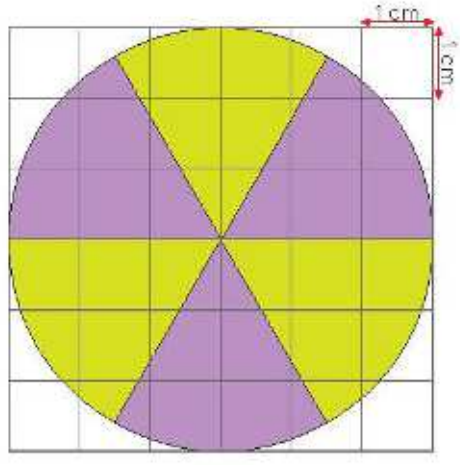

5 Một bạn đã tô màu hình dưới đây. Hãy tính diện tích phần tô màu.

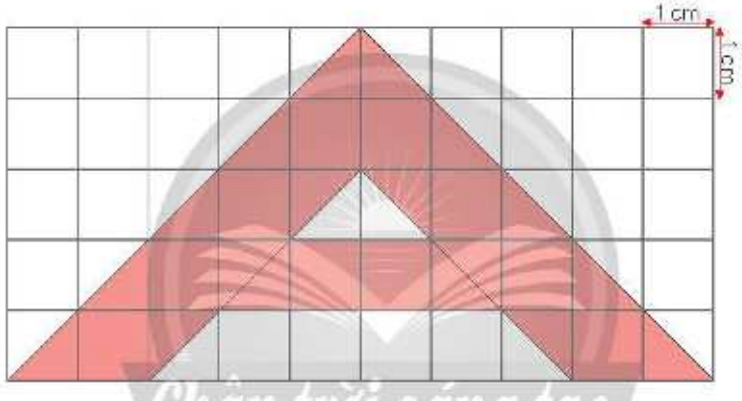

Chân trời sáng tạo

6 Xếp hình chim đà điểu.

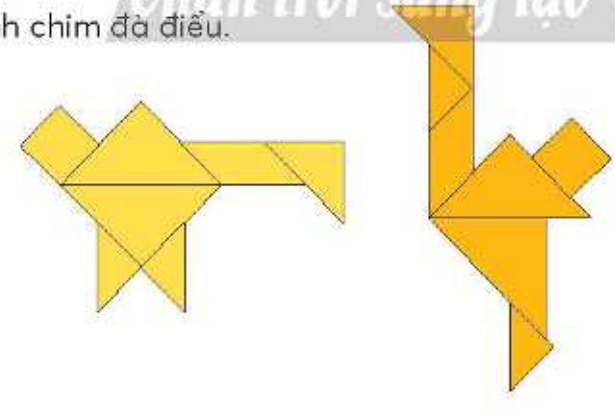

Khám phá

Đà điểu là loài chim lớn nhất và không biết bay. Một con đà điểu cân nặng 120 kg, quả trứng của nó cân nặng 1,2 kg. Khối lượng con đà điểu gấp bao nhiêu lần khối lượng quả trứng?

7 Câu nào đúng, câu nào sai?

a) Hai đơn vị đo độ dài liền kề (m, dm, cm, mm), đơn vị lớn hơn gấp 10 lần đơn vị bé hơn.

b) Hai đơn vị đo khối lượng liền kề (tấn, tạ, yến, kg), đơn vị lớn hơn gấp 10 lần đơn vị bé hơn.

c) Hai đơn vị đo diện tích liền kề (m^2, dm^2, cm^2, mm^2), đơn vị lớn hơn gấp 10 lần đơn vị bé hơn.

8 Số?

a) 1 km = .?. m
1 kg = .?. g
1 *l* = .?. m*l*

b) 1 km^2 = .?. ha
1 ha = .?. m^2
1 km^2 = .?. m^2

c) 1 thế kỉ = .?. năm
1 giờ = .?. phút
1 phút = .?. giây

9 Số?

a) 2,1 m = .?. cm
38,50 m = .?. km
204 mm = .?. m

b) 4,7 km^2 = .?. ha
6,2 ha = .?. km^2
11 095 m^2 = .?. ha

c) 1 tấn 6 tạ = .?. tạ
5 tấn 170 kg = .?. tấn
2 *l* 20 m*l* = .?. *l*

Chân trời sáng tạo

10 m, km hay ha?

Hồ Tây ở Hà Nội có diện tích khoảng 500 .?. và chu vi khoảng 18 .?.. Nơi sâu nhất của Hồ Tây khoảng 2,3 .?..

11 Mẹ dùng 3 kg bột để làm bánh ít nhân đậu và bánh ít nhân dừa. Khối lượng bột làm bánh nhân đậu nhiều gấp 3 lần bánh nhân dừa. Hỏi mẹ đã dùng bao nhiêu ki-lô-gam bột để làm mỗi loại bánh?

Hoạt động thực tế

Số?

Theo đề nghị của một số tổ chức y tế, khối lượng cặp sách của học sinh không nên vượt quá 0,1 khối lượng cơ thể. Như vậy, cặp sách của em chỉ nên có khối lượng tối đa là .?. kg.

Bài 55 ÔN TẬP MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT

1 Tìm hiểu về khối lượng cặp sách của một bạn học sinh trong 5 ngày học.

Khối lượng cặp sách mỗi ngày trong một tuần

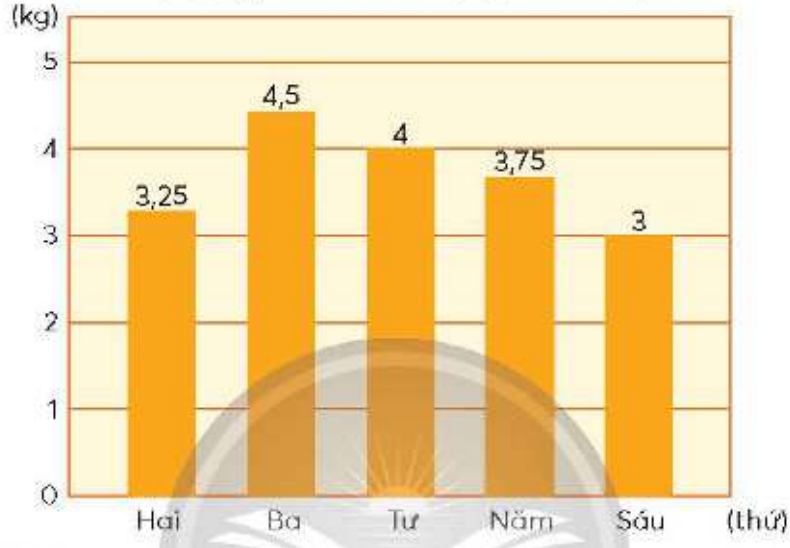

a) Đọc khối lượng cặp sách của bạn học sinh theo các ngày trong tuần.

b) Ngày nào cặp sách của bạn học sinh có khối lượng nặng nhất, ngày nào nhẹ nhất?

c) Trung bình mỗi ngày cặp sách của bạn học sinh cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

d) Nếu bạn học sinh cân nặng 37,5 kg thì vào những ngày nào, khối lượng cặp sách vượt quá 0,1 khối lượng cơ thể của bạn đó?

2 Ngọc ném bóng liên tiếp nhiều lần về phía rổ. Dưới đây là bảng kết quả kiểm đếm và ghi chép số lần Ngọc ném bóng vào rổ và không vào rổ.

Kết quả	Vào rổ	Không vào rổ
Số lần	𝍸 |	𝍸 𝍸 |||

a) Ngọc đã ném bóng tất cả bao nhiêu lần?

b) Viết tỉ số của số lần ném bóng vào rổ và tổng số lần ném.

c) Viết tỉ số của số lần ném bóng vào rổ và không vào rổ.

Chân trời sáng tạo

Đất nước em

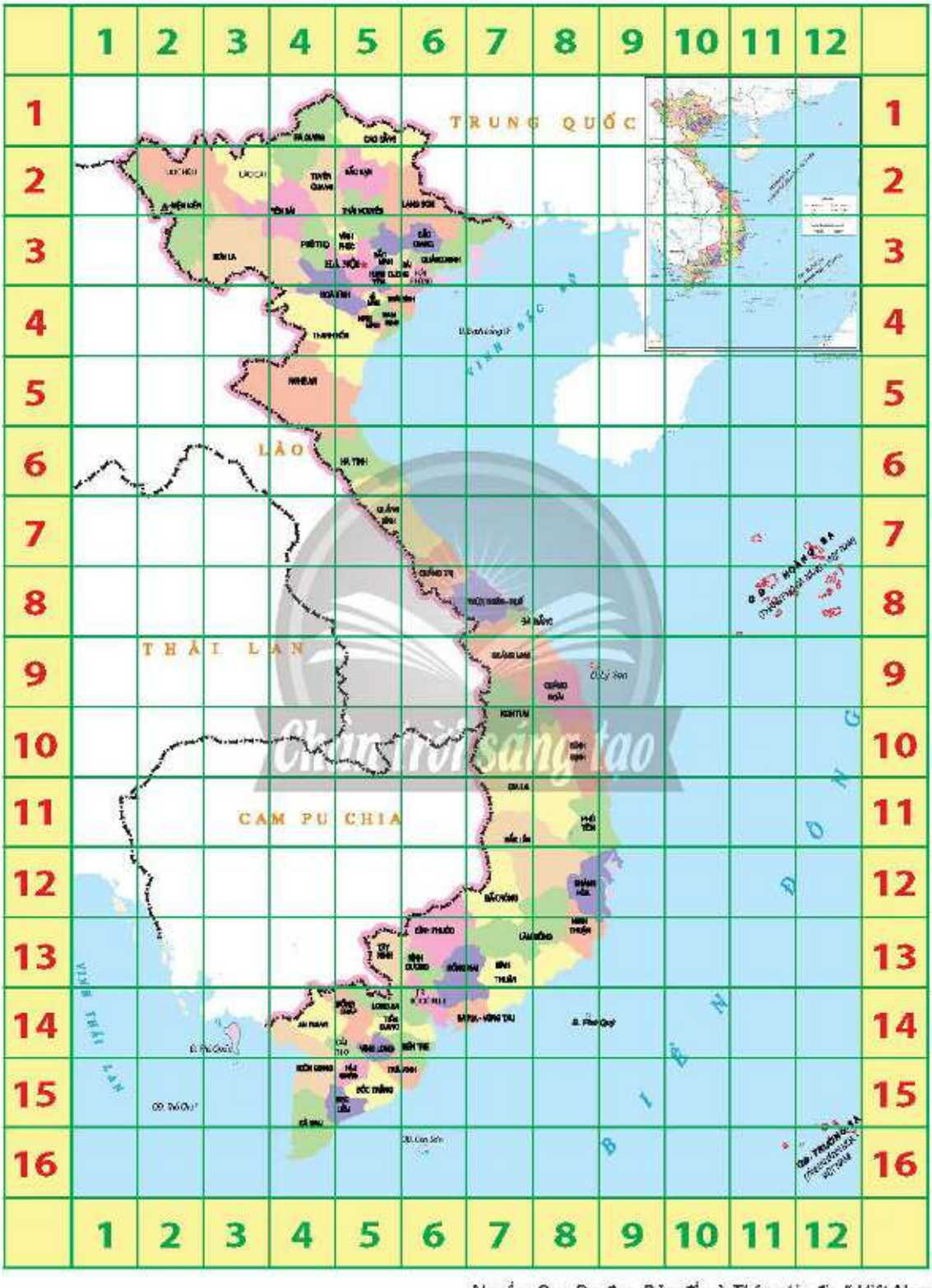

Nguồn: Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lí Việt Nam

Bảng thuật ngữ

Thuật ngữ	Trang
Bán kính	99
Chiều cao	89
Đáy	89
Đường cao	89
Đường kính	99
Đường tròn	99
Héc-ta	36
Hình thang	94
Hỗn số	14
Ki-lô-mét vuông	38
Phần nguyên	14

Thuật ngữ	Trang
Phần phân số	14
Phân số thập phân	14
Phần thập phân	50
Số thập phân	48
Tam giác đều	89
Tam giác nhọn	89
Tam giác tù	89
Tam giác vuông	89
Tỉ lệ bản đồ	40
Tỉ số	17

Nguồn tư liệu

Chân trời sáng tạo

Trang	Nội dung	Nguồn tham khảo
8	Dân số Việt Nam	Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, trang 9
9	Sản lượng trái cây chủ yếu của tỉnh Hậu Giang	https://cucthongke.haugiang.gov.vn/tình-hình-kinh-tế-xã-hội/năm-2022/tháng-9/
22	Bảng thống kê số học sinh tiểu học	Niên giám thống kê năm 2021, trang 779
37	Diện tích trồng chè của tỉnh Thái Nguyên	Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2021, trang 327
38	Bản đồ tỉnh Sóc Trăng	Tạ Đức Hiếu biên vẽ
38	Diện tích Việt Nam Diện tích Thủ đô Hà Nội, tỉnh Sóc Trăng	Niên giám thống kê năm 2021, trang 42, 43
39	Diện tích các tỉnh Nghệ An, Gia Lai, Hà Nam, Bắc Ninh, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Bạc Liêu	Niên giám thống kê năm 2021, trang 42, 43
39	Diện tích nước Nga	https://voh.com.vn/chuyen-la/nuoc-lon-nhat-the-gioi-447811.html

39	Diện tích nước Va-ti-can	https://vnexpress.net/10-dieu-thu-vi-ve-vatican-2911635.html
40	Bản đồ Việt Nam	Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 4 (Chân trời sáng tạo), Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, năm 2023, trang 6
42	Độ dài quãng đường bộ từ Hà Tĩnh đến Hà Nội	www.google.com/maps
43	Diện tích các loại cây trồng của nước ta	Niên giám thống kê năm 2021, trang 510
44	Độ dài quãng đường bộ từ thành phố Kon Tum đến tỉnh Đắk Nông, từ thành phố Pleiku đến thành phố Buôn Ma Thuột	www.google.com/maps
45	Diện tích các tỉnh ở khu vực Tây Nguyên năm 2021	Niên giám thống kê năm 2021, trang 90
56	Cao tốc Hà Nội – Hải Phòng	https://www.baogiaothong.vn/nhin-lai-950km-duong-cao-toc-hoan-thanh-dua-vao-khai-thac-d284034.html
59	Diện tích và dân số các tỉnh Thái Bình, Ninh Bình, Quảng Trị, Bình Định, Ninh Thuận	Niên giám thống kê năm 2021, trang 89, 90
62	Nơi bơi lội sâu nhất của một số con vật	Các siêu sao trong thế giới động vật, tác giả DK Derek Harvey, Nguyễn Việt Long dịch, Nhà xuất bản Dân trí, năm 2015, trang 217
62	Dân số của một số dân tộc	Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, trang 43
67	Hồ Ba Bể	https://backan.gov.vn/pages/lich-su-kien-too-ho-ba-be.aspx
68	Diện tích trồng xoài được cấp mã vùng	https://snnptnt.dongthap.gov.vn/chi-tiet-bai-viet/-/asset_publisher/1mOzUrGkrdAE/content/id/2643292
69	Sản lượng xoài của nước ta	Niên giám thống kê năm 2021, trang 557
70	Sản lượng lúa của nước ta	https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2022/01/thanh-tuu-cua-nganh-trong-trot-mot-nam-nhin-lai/
71	Năng suất lúa của An Giang	Niên giám thống kê năm 2021, trang 524
86	Khối lượng dầu thực vật	Niên giám thống kê năm 2019, trang 255
115	Diện tích và chu vi Hồ Tây	http://tayho.hanoi.gov.vn/tong-quan-ve-quan

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: TRẦN THANH HÀ – ĐẶNG THỊ THUÝ – NGUYỄN THỊ PHƯỚC THỌ
Biên tập mĩ thuật: ĐẶNG NGỌC HÀ
Thiết kế sách: ĐẶNG NGỌC HÀ – NGUYỄN NGỌC ĐAN THANH
Trình bày bìa: ĐẶNG NGỌC HÀ
Minh hoạ: ĐÀO HÀ – ĐAN THANH – THANH TRÚC
Sửa bản in: TRẦN THANH HÀ – ĐẶNG THỊ THUÝ – NGUYỄN THỊ PHƯỚC THỌ
Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Chân trời sáng tạo

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TOÁN 5 – TẬP MỘT (Chân trời sáng tạo)
Mã số:
In ..... bản, (QĐ ....) khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in: ..... địa chỉ .....
Cơ sở in: ..... địa chỉ .....
Số ĐKXB:
Số QĐXB: .../QĐ- GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...
In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...
Mã số ISBN: Tập một:
Tập hai:

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 5 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. TIẾNG VIỆT 5 – TẬP MỘT
2. TIẾNG VIỆT 5 – TẬP HAI
3. TOÁN 5 – TẬP MỘT
4. TOÁN 5 – TẬP HAI
5. TIẾNG ANH 5 Family and Friends (National Edition) – Student Book
6. ĐẠO ĐỨC 5
7. KHOA HỌC 5
8. LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5
9. TIN HỌC 5
10. CÔNG NGHỆ 5
11. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 5
12. ÂM NHẠC 5
13. MĨ THUẬT 5 (BẢN 1)
14. MĨ THUẬT 5 (BẢN 2)
15. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 5 (BẢN 1)
16. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 5 (BẢN 2)

Chân trời sáng tạo

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: http://hanhtrangso.nxbgd.vn

Cào lớp nhũ trên tem rồi quét mã để xác thực và truy cập học liệu điện tử.